

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG
XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) BẰNG
ĐƯỜNG BIỂN TUYẾN VIỆT NAM - HÀN QUỐC TẠI
CÔNG TY LONG NGUYÊN TOÀN LOGISTICS**

SINH VIÊN THỰC HIỆU: VÕ THỊ KIM HƯƠNG

MÃ SỐ SINH VIÊN: 2254050015

KHÓA HỌC: 2021-2026

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG
XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) BẰNG
ĐƯỜNG BIỂN TUYẾN VIỆT NAM - HÀN QUỐC TẠI
CÔNG TY LONG NGUYÊN TOÀN LOGISTICS**

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Phụng Trân

Sinh viên thực hiện: Võ Thị Kim Hương

Mã số sinh viên: 2254050015

Khóa học: 2022 - 2026

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Võ Thị Kim Hương
- Chuyên ngành : Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Khóa học : 2022 - 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

“HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) BẰNG ĐƯỜNG BIÊN TUYẾN VIỆT NAM - HÀN QUỐC TẠI CÔNG TY LONG NGUYỄN TOÀN LOGISTICS”

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

4. Các bảng biểu

5. Cán bộ hướng dẫn

- TS. Trần Phụng Trân

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp

- 10/02/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận

- 30/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam không ngừng tăng trưởng, kéo theo nhu cầu về dịch vụ logistics và thực hiện thủ tục hải quan ngày càng lớn. Đặc biệt, hình thức xuất khẩu hàng hóa nguyên container (FCL) được nhiều doanh nghiệp lựa chọn vì hình thức này có ưu điểm là tối ưu chi phí vận chuyển, đảm bảo an toàn hàng hóa và nâng cao hiệu quả khai thác container.

Tuy nhiên, trong thực tế quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nguyên container (FCL) vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sai sót trong khâu chuẩn bị chứng từ, chậm trễ trong quá trình khai báo hải quan, hoặc sự phối hợp giữa các bộ phận liên quan chưa thật sự đồng bộ. Những vấn đề này có thể ảnh hưởng đến thời gian thông quan, tiến độ giao nhận hàng hóa và hiệu quả hoạt động logistics của doanh nghiệp.

Công ty TNHH TMDV Long Nguyên Toàn Logistics là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics và dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế. Trong đó, tuyến vận chuyển Việt Nam - Hàn Quốc là một trong những tuyến dịch vụ quan trọng của công ty. Xuất phát từ thực tế trong quá trình thực tập và tìm hiểu hoạt động tại doanh nghiệp, việc nghiên cứu đề tài “Quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tuyến Việt Nam - Hàn Quốc tại Công ty TNHH TMDV Long Nguyên Toàn Logistics” là cần thiết.

Việc nghiên cứu đề tài này nhằm phân tích thực trạng quy trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại doanh nghiệp, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình, góp phần nâng cao hiệu quả khai báo hải quan, rút ngắn thời gian thông quan, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- **Mục tiêu chung:**

Thực trạng quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tuyến Việt Nam - Hàn Quốc tại Công ty Long Nguyên Toàn Logistics. Từ đó đề ra giải pháp hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tuyến Việt Nam - Hàn Quốc tại Công ty Long Nguyên Toàn Logistics trong thời gian tới.

- **Mục tiêu cụ thể:**

- Mục tiêu 1: Tìm hiểu hoạt động kinh doanh tại Công ty Long Nguyên Toàn Logistics.
- Mục tiêu 2: Tìm hiểu thực trạng quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu tại doanh nghiệp để nhận diện được những rủi ro và thách thức trong quy trình thủ tục hải quan tại Công ty Long Nguyên Toàn Logistics.
- Mục tiêu 3: Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL tuyến Việt Nam - Hàn Quốc tại Công ty Long Nguyên Toàn Logistics.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng: Quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL tuyến Việt Nam - Hàn Quốc tại Công ty Long Nguyên Toàn Logistics.
- Phạm vi nghiên cứu: Công ty TNHH TMDV Long Nguyên Toàn
- Phạm vi thời gian: Từ năm 2023 – 2025

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập dữ liệu: Thu thập thông tin từ tài liệu nội bộ của công ty, báo cáo ngành logistics, và các tài liệu nghiên cứu liên quan.
- Phương pháp phân tích thực tiễn: Đánh giá các trường hợp thực tế về quy trình thủ tục hải quan tại Long Nguyên Toàn Logistics để xác định những hạn chế và bất cập.
- Phương pháp so sánh và đối chiếu: So sánh quy trình thủ tục hải quan tại Long Nguyên Toàn Logistics với quy trình lý thuyết để đưa ra những giải pháp phù hợp.

5. Kết cấu khóa luận

Với mục đích, đối tượng và phạm vi phương pháp nghiên cứu đã được xác định khóa luận này dự kiến được thiết kế thành 3 chương đi từ lý thuyết đến thực tiễn cụ thể như sau:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.
- Chương 2: Thực trạng quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nguyên container (FCL) của Công ty TNHH TMDV Long Nguyên Toàn.
- Chương 3: Hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tuyến Việt Nam - Hàn Quốc tại Công ty Long Nguyên Toàn Logistics.

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, cùng quý thầy cô khoa Kinh tế đã tận tình giảng dạy, truyền đạt kiến thức và tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến quý thầy cô chuyên ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng, đặc biệt là cô ThS. Trần Phụng Trân, người đã tận tình hướng dẫn, định hướng và hỗ trợ em trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đề tài:

“Hoàn thiện quy trình thủ tục Hải quan hàng xuất khẩu FCL tuyến Việt Nam - Hàn Quốc tại Công ty Long Nguyên Toàn Logistics.”

Bên cạnh đó, em xin chân thành cảm ơn Công ty Long Nguyên Toàn Logistics đã tạo điều kiện để em được tiếp cận thực tế, cung cấp thông tin và hỗ trợ trong quá trình thu thập số liệu phục vụ cho bài nghiên cứu.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn đến gia đình và bạn bè - những người luôn đồng hành, động viên và tiếp thêm tinh thần cho em vượt qua những khó khăn trong suốt quá trình học tập và hoàn thành khóa luận.

Do thời gian và kinh nghiệm còn hạn chế, bài khóa luận tốt nghiệp chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý quý báu từ quý thầy cô để bài khóa luận tốt nghiệp được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	i
PHẦN MỞ ĐẦU	ii
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	ii
2. Mục tiêu nghiên cứu	ii
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	iii
4. Phương pháp nghiên cứu	iii
5. Kết cấu khóa luận	iii
LỜI CẢM ƠN	iv
MỤC LỤC	v
DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH, BẢNG BIỂU	ix
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	x
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU	1
1.1 Tổng quan về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu	1
1.1.1 Khái quát về thủ tục hải quan	1
1.1.1.1 Khái niệm về thủ tục hải quan	1
1.1.1.3 Vai trò của thủ tục hải quan trong thương mại quốc tế.....	2
1.1.1.4 Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan	3
1.1.1.5 Quyền và nghĩa vụ của công chức hải quan	3
1.1.1.6 Nguyên tắc chung về thủ tục khai báo hải quan.....	4
1.1.1.7 Bảng mã các loại hình xuất khẩu trong khai báo hải quan.....	5
1.1.2 Khái quát về xuất khẩu hàng hóa	12
1.1.2.1 Khái quát về xuất khẩu hàng hóa	12
1.1.2.2 Vai trò của hoạt động xuất khẩu	12
1.1.2.3 Đặc điểm của xuất khẩu hàng hóa	15
1.1.2.4 Các hình thức xuất khẩu hàng hóa	16
1.1.3 Khái quát về hàng hóa xuất khẩu.....	20
1.1.3.1 Khái niệm về hàng hóa xuất khẩu	20
1.1.3.2 Đặc điểm của hàng hóa xuất khẩu	20
1.1.3.3 Vai trò của hàng hóa xuất khẩu	21

1.1.3.4 Phân loại hàng hóa xuất khẩu	21
1.1.4 Khát quát về vận tải biển	22
1.1.4.1 Khái niệm về vận tải biển	22
1.1.4.2 Đặc điểm về vận tải biển	22
1.1.4.3 Vai trò về vận tải biển	22
1.1.4.4 Các phương thức vận tải biển	23
1.2 Nội dung về thủ tục khai báo hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu	23
1.2.1 Khái quát về quy trình thủ tục khai báo hải quan	23
1.2.1.1 Khái niệm về quy trình thủ tục khai báo hải quan	23
1.2.1.2 Vai trò của quy trình thủ tục khai báo hải quan trong hoạt động xuất khẩu ...	24
1.2.2 Nội dung các bước quy trình khai báo hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.	24
1.2.2.1 Sơ đồ quy trình thủ tục khai báo hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu	24
1.2.2.2 Nội dung quy trình thủ tục khai báo hải quan đối với hàng xuất xuất khẩu	24
1.3 Các quy định hệ thống pháp lý và hệ thống chứng từ	29
1.3.1 Các quy định pháp lý	29
1.3.2 Hệ thống chứng từ	30
1.4 Các rủi ro ảnh hưởng đến dịch vụ khai báo hải quan trong gian đoạn hiện nay	31
1.4.1 Sai sót trong hồ sơ hải quan	31
1.4.2 Thay đổi chính sách và quy định pháp luật	31
1.4.3 Rủi ro từ hệ thống hải quan điện tử	32
TÓM TẮT CHƯƠNG 1	33
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) BẰNG ĐƯỜNG BIỂN CỦA CÔNG TY TNHH TMDV LONG NGUYỄN TOÀN	34
2.1 Khái quát về đơn vị nghiên cứu	34
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển	35
2.1.2 Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	36
2.1.2.1 Tầm nhìn	36
2.1.2.2 Sứ mệnh	36
2.1.2.3 Giá trị cốt lõi	36
2.1.3 Ngành nghề kinh doanh	36

2.1.3.1 Vận tải đường biển	36
2.1.3.2 Vận tải đường hàng không	37
2.1.3.3 Vận tải đường bộ	37
2.1.3.4 Dịch vụ hải quan	37
2.1.3.5 Dịch vụ kho bãi	37
2.1.3.6 Hàng siêu trường, siêu trọng.....	38
2.1.4 Cơ cấu tổ chức của Long Nguyên Toàn Logistic	38
2.1.4.1 Cấu trúc sơ đồ cơ cấu của công ty	38
2.1.4.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận	38
2.1.5 Các nguồn lực của doanh nghiệp ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh	39
2.1.5.1 Cơ sở vật chất	39
2.1.5.2 Nguồn nhân lực	41
2.1.5.3 Nguồn lực tài chính	44
2.2 Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty	47
2.2.1 Phân tích về các lĩnh vực kinh doanh, cơ cấu doanh thu, thị trường, đối thủ cạnh tranh, khách hàng	47
2.2.2 Bảng số liệu về kết quả kinh doanh của công ty	53
2.3 Thực trạng quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tuyến Việt Nam – Hàn Quốc tại Công ty Long Nguyên Toàn Logistics	55
2.3.1 Sơ đồ quy trình thủ tục hải quan thực tế tại công ty	55
2.3.2 Phân tích quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tuyến Việt Nam - Hàn Quốc	55
2.4 Đánh giá	76
2.4.1 Ưu và nhược điểm	76
2.4.2 Nguyên nhân	78
2.4.2.1 Nhân tố khách quan	78
2.4.2.2 Nhân tố chủ quan	80
TÓM TẮT CHƯƠNG 2	82
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TUYẾN VIỆT NAM – HÀN QUỐC TẠI CÔNG TY LONG NGUYÊN TOÀN LOGISTICS.....	83
3.1 Định hướng và mục tiêu	83

3.1.1 Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh	83
3.1.1.1. Tổng quan về tình hình kinh tế, thương mại Việt Nam và Thế giới	83
3.1.1.2. Bối cảnh và các xu hướng phát triển của ngành Logistics	85
3.1.2 Định hướng và mục tiêu phát triển chung của công ty trong thời gian tới	87
3.1.2.1 Định hướng phát triển năm 2026 của công ty	87
3.1.2.2 Định hướng phát triển đến năm 2030 của công ty	87
3.1.3 Mục tiêu phát triển của công ty	88
3.2 Hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan	89
3.3 Những giải pháp hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu của công ty	90
3.3.1 Nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ của đội ngũ nhân sự trong doanh nghiệp	90
3.3.3 Tăng cường phối hợp giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan	92
3.3.4 Tăng cường phối hợp giữa các bộ phận trong doanh nghiệp	93
3.4 Kiến nghị đối với cơ quan hải quan và cơ quan quản lý nhà nước	93
3.4.1 Kiến nghị đối với cơ quan hải quan	93
3.4.2 Kiến nghị đối với cơ quan quản lý nhà nước	94
3.4.3 Kiến nghị đối với công ty	95
TÓM TẮT CHƯƠNG 3	96
KẾT LUẬN	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO	98
PHỤ LỤC CHỨNG TỪ	99

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH, BẢNG BIỂU

❖ DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1 Danh mục cơ sở vật chất của công ty	40
Bảng 2.2 Bảng nhân sự của công ty giai đoạn 2024-2025	41
Bảng 2.3 Tình hình tài sản của công ty giai đoạn 2023-2025	44
Bảng 2.4 Tình hình nguồn vốn của công ty giai đoạn 2023-2025	46
Bảng 2.5 Doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty giai đoạn 2023-2025	49
Bảng 2.6 Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty giai đoạn 2022-2024.....	53

❖ DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1 Phân luồng tờ khai hải quan	27
Hình 2.1 Logo của công ty TNHH TMDV Long Nguyên Toàn	35
Hình 2.2 Hình ảnh văn phòng công ty.....	40
Hình 2.3 Hình ảnh container và nhà kho công ty	40
Hình 2.4 Các đối thủ cạnh tranh trong nước	51
Hình 2.5 Các đối thủ cạnh tranh quốc tế	51
Hình 2.6 Hợp đồng thương mại.....	57
Hình 2.7 Hóa đơn thương mại	58
Hình 2.8 Phiếu đóng gói hàng hóa	59
Hình 2.9 Booking và lệnh cấp rỗng.....	60
Hình 2.11 Tra mã HS code theo biểu thuế xuất nhập khẩu	63
Hình 2.12 Tờ khai xuất khẩu	70
Hình 2.13 Hình ảnh web Hải quan Việt Nam về thủ tục lấy mã vạch	73
Hình 2.14 Hình ảnh mã vạch	73
Hình 2.15 Vận đơn (B/L)	75

❖ DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty.....	38
Sơ đồ 2.3 Sơ đồ quy trình thủ tục hải quan thực tế tại công ty Long Nguyên Toàn Logistics.....	55

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Chú thích	Ý nghĩa
AI	Artificial Intelligence	Trí tuệ nhân tạo
AKFTA - ASEAN	Korea Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc
B/L	Bill of Lading	Vận đơn, chứng từ vận tải đường biển
BG	Bags	Đơn vị đóng gói hàng hóa (túi, bao)
C/O	Certificate of Origin	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa
CAGR	Compound Annual Growth Rate	Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm
CBAM	Carbon Border Adjustment Mechanism	Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon của EU
CEP	Courier, Express and Parcel	Dịch vụ chuyển phát nhanh, chuyển phát và bưu kiện
CFR / CNF	Cost and Freight	Tiền hàng và cước phí (Incoterms)
CFS	Container Freight Station	Trạm gom hàng lẻ container
CI	Commercial Invoice	Hóa đơn thương mại
CIF	Cost, Insurance and Freight	Tiền hàng, bảo hiểm và cước phí (Incoterms)
DNCX	Doanh nghiệp chế xuất	Doanh nghiệp chuyên xuất khẩu hàng trong khu chế xuất
EDA	Export Declaration	Tờ khai xuất khẩu trên hệ thống hải quan
ESG	Environmental, Social, Governance	Tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp
ETD	Estimated Time of Departure	Ngày tàu khởi hành dự kiến
EU	European Union	Liên minh Châu Âu
FCL	Full Container Load	Hàng nguyên container
FR	Fitch Ratings	Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế
G20	Group of Twenty	Nhóm 20 nền kinh tế lớn trên thế giới

GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
HĐKD		Hoạt động kinh doanh
HS	Harmonized System	Hệ thống mã hóa hàng hóa hài hòa quốc tế
ICC	International Chamber of Commerce	Phòng Thương mại Quốc tế
IMF	International Monetary Fund	Quỹ tiền tệ quốc tế
IoT	Internet of Things	Mạng lưới kết nối các thiết bị thông minh, đồ vật hoặc máy móc qua Internet
KITA	Korea International Trade Association	Hiệp hội Thương mại Quốc tế Hàn Quốc
LCL	Less than Container Load	Hàng xuất khẩu lẻ (không đủ container)
M&A	Mergers and Acquisitions	Hoạt động sáp nhập và mua lại doanh nghiệp
MTV		Một thành viên
OECD	Organisation for Economic Co-operation and Development	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
ROA	Return on Assets	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản
ROE	Return on Equity	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
ROS	Return on Sales	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu
SXXK		Sản xuất xuất khẩu
TT	Telegraphic Transfer	Chuyển tiền mặt điện tín (phương thức thanh toán)
UNCTAD	United Nations Conference on Trade and Development	Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển
VKFTA	Vietnam - Korea Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc
WTO	World Trade Organization	Tổ chức thương mại thế giới

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU

1.1 Tổng quan về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu

1.1.1 Khái quát về thủ tục hải quan

1.1.1.1 Khái niệm về thủ tục hải quan

Theo công ước Kyoto ra đời vào năm 1973 và có hiệu lực vào năm 1974, tại khoản e, Điều 2, Chương 4 định nghĩa “Customs procedures means the treatment applied by the customs administration to goods and means of transport that are subject to customs control”, tạm dịch “Thủ tục Hải Quan được định nghĩa là việc đối xử được cơ quan Hải Quan áp dụng đối với hàng hóa và phương tiện chịu sự kiểm soát của Hải Quan”

Ở Việt Nam, thủ tục Hải Quan được Luật Hải Quan năm 2014 (Khoản 23, Điều 4, Chương 1) quy định: “Thủ tục Hải Quan là các công việc mà người khai Hải Quan và công chức Hải Quan phải thực hiện theo quy định của Luật này đối với hàng hóa, phương tiện vận tải. ”. Do tính chất các loại hàng hóa thương mại quốc tế khác nhau và mang nhiều loại hình riêng biệt, nên mỗi loại sẽ có một thủ tục Hải Quan riêng dựa trên những quy trình chung đã được Nhà nước quy định trong các bộ Luật. Thủ tục Hải Quan đối với hàng xuất khẩu là một phần nhỏ trong thủ tục Hải Quan, đây sẽ là quy trình chung dành cho các lô hàng xuất khẩu mà người làm thủ tục Hải Quan và nhân viên Hải Quan phải tuân theo khi thực hiện xuất khẩu hàng hóa từ lãnh thổ Việt Nam ra nước ngoài.

1.1.1.2 Đặc điểm về thủ tục hải quan

Thủ tục hải quan là một trong những bước quan trọng trong quá trình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, đóng vai trò đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và bảo vệ lợi ích quốc gia. Một trong những đặc điểm nổi bật của thủ tục hải quan là tính pháp lý rõ ràng, được quy định cụ thể trong các văn bản do Bộ Tài chính ban hành. Thủ tục này bao gồm các hoạt động như: kiểm tra, giám sát hàng hóa; thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; và thực hiện các biện pháp quản lý thuế đối với từng lô hàng. Tùy thuộc vào từng loại hình hàng hóa, thủ tục có thể được áp dụng theo quy trình chung hoặc theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính đối với hàng hóa đặc thù như xăng dầu, khí hóa lỏng, hàng miễn thuế hay hàng gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh.

Thủ tục Hải quan được thực hiện theo trình tự quy trình, quy định và liên tục để đảm bảo thông quan nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu trên cơ sở công khai, minh bạch nhằm đảm bảo tính thống nhất.

Ngoài ra, thủ tục hải quan còn mang tính linh hoạt và phân loại theo mức độ ưu tiên. Đối với các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, cơ quan hải quan sẽ áp dụng chế độ ưu tiên nhằm tạo thuận lợi trong thông quan, giảm thiểu thời gian kiểm tra, giám sát, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu. Đây là điểm thể hiện rõ tính hỗ trợ doanh nghiệp, đồng thời vẫn đảm bảo công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan.

1.1.1.3 Vai trò của thủ tục hải quan trong thương mại quốc tế

Vai trò của thủ tục Hải quan càng quan trọng, nó không chỉ giới hạn trong lĩnh vực quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa mà còn là một trong những công cụ của Nhà nước để bảo vệ lợi ích chủ quyền kinh tế, an ninh quốc gia; bảo hộ, thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển; bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng và tạo nguồn thu ngân sách nhà nước. Ở Việt Nam, cùng với sự phát triển kinh tế trong những năm gần đây thì vai trò của thủ tục Hải Quan ngày càng được chú trọng và đảm nhiệm trọng trách hết sức quan trọng trong hệ thống quản lý kinh tế của đất nước, cụ thể:

Thủ tục Hải quan được Nhà nước sử dụng như là công cụ để quản lý hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. Thực hiện thủ tục Hải quan chính là thực hiện quyền hành pháp trong lĩnh vực Hải quan và do cơ quan quản lý hành chính nhà nước thực hiện.

Người khai Hải quan và cán bộ công chức Hải quan có trách nhiệm phối hợp với nhau và cùng với cơ quan quản lý khác của Nhà nước để thực hiện các nội dung công việc được yêu cầu.

Nhà nước sử dụng thủ tục Hải quan như là công cụ để phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa, ngoại hối, tiền Việt Nam qua biên giới nhằm bảo hộ và thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển, đảm bảo lợi ích của người tiêu dùng, góp phần bảo vệ lợi ích chủ quyền kinh tế và an ninh quốc gia.

Nhà nước thông qua thủ tục Hải quan để thực hiện thu thuế hàng hóa xuất nhập khẩu cũng như các khoản thuế khác có liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu đối với ngân sách nhà nước. Với nhiều nước đang phát triển, thuế thu từ hàng hóa xuất nhập khẩu (đặc biệt là nhập khẩu) đóng góp một tỷ lệ lớn vào tổng số thu thuế nói riêng và

ngân sách nói chung, do đó phải đảm bảo nguyên tắc thu đúng, thu đủ, đảm bảo không gây thất thu nguồn thuế, tránh tình trạng hàng nước ngoài xâm nhập thị trường nội địa, bán phá giá...

Nhà nước sử dụng thủ tục Hải quan như là công cụ để thực hiện thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, giúp Nhà nước thực hiện việc quản lý kinh tế vĩ mô, xây dựng các chính sách hợp lý; làm thông tin đầu vào hệ thống tài khoản quốc gia và cân cân thương mại...

Thủ tục Hải quan có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình hợp tác, hội nhập của Việt Nam với khu vực và thế giới.

Hải quan không chỉ hoạt động ở cửa khẩu biên giới mà hoạt động dọc biên giới, cả trong nội địa, ở tất cả những nơi có nhu cầu làm thủ tục Hải quan, giám sát, kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu, không chỉ phối hợp với lực lượng trong nước mà còn phải hợp tác chặt chẽ với các tổ chức Hải quan quốc tế và khu vực. Hải quan với vai trò là “người gác cửa nền kinh tế đất nước”, là lực lượng biên phòng trên mặt trận kinh tế. Do vậy, việc thực hiện thủ tục Hải quan có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất nhập khẩu; hoạt động đầu tư, du lịch; hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa; hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế giữa Việt Nam với các quốc gia khác.

1.1.1.4 Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan

a) Quyền của người khai hải quan

- Được yêu cầu cung cấp thông tin hướng dẫn về thủ tục hải quan.
- Khiếu nại, tố cáo khi có hành vi sai phạm của công chức hải quan.
- Được đối xử bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình làm thủ tục.

b) Nghĩa vụ của người khai hải quan

- Khai báo trung thực, chính xác và đúng thời hạn theo quy định.
- Cung cấp đầy đủ chứng từ, hồ sơ theo yêu cầu.
- Tuân thủ quy định về kiểm tra, giám sát hải quan.
- Chấp hành quyết định của cơ quan hải quan về việc xử lý hàng hóa.

1.1.1.5 Quyền và nghĩa vụ của công chức hải quan

a) Quyền của công chức hải quan

- Yêu cầu người khai báo hải quan cung cấp thông tin, chứng từ cần thiết.
- Kiểm tra hàng hóa, phương tiện vận tải theo quy định.
- Xử lý vi phạm pháp luật về hải quan.

- Hướng dẫn, hỗ trợ người khai báo hải quan thực hiện đúng quy định.

b) Nghĩa vụ của công chức hải quan

- Thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật.
- Giữ bí mật thông tin của doanh nghiệp.
- Không lợi dụng chức vụ để gây khó khăn hoặc trục lợi.
- Giải quyết thủ tục nhanh chóng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

1.1.1.6 Nguyên tắc chung về thủ tục khai báo hải quan

Nguyên tắc chung về thủ tục hải quan của các quốc gia trên thế giới cũng như của Việt Nam quy định đối tượng là hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải... khi xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh phải làm thủ tục hải quan trên cơ sở tuân thủ các bước sau:

- Khai báo với hải quan cửa khẩu về tình hình đối tượng xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh theo quy định của cơ quan hải quan.

- Xuất trình đối tượng làm thủ tục hải quan tại địa điểm và thời gian quy định của cơ quan hải quan.

- Chấp hành quyết định giải quyết của cơ quan hải quan và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

Ở Việt Nam, theo điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan, Điều 16 Luật Hải quan Việt Nam được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hải quan được quy định cụ thể như sau:

Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan phải:

- Khai và nộp tờ khai Hải quan; nộp, xuất trình chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, trong trường hợp thực hiện thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan được khai và gửi hồ sơ hải quan thông qua hệ thống dữ liệu điện tử của Hải quan.

- Đưa hàng hóa, phương tiện vận tải đến địa điểm được quy định cho việc kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải.

- Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Khi làm thủ tục hải quan, công chức hải quan phải:

- Tiếp nhận và đăng ký hồ sơ hải quan, trong trường hợp thực hiện thủ tục hải quan điện tử, việc tiếp nhận và đăng ký hồ sơ được thực hiện thông qua hệ thống dữ liệu điện tử của Hải quan.

- Kiểm tra hồ sơ hải quan và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải.

- Thu thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
- Quyết định việc thông quan hàng hóa, phương tiện vận tải.

1.1.1.7 Bảng mã các loại hình xuất khẩu trong khai báo hải quan

BẢNG MÃ LOẠI HÌNH VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ ngày 18/5/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

TT	Mã loại hình	Khai kết hợp	Tên	Hướng dẫn sử dụng	Ghi chú
1	B11	X	Xuất kinh doanh	Sử dụng trong trường hợp: a) doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan, DNCX hoặc xuất khẩu tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài theo hợp đồng mua bán b) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả DNCX) thực hiện quyền kinh doanh xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc mua trong nước.	
2	B12		Xuất sau khi đã tạm xuất	Sử dụng trong trường hợp: a) Doanh nghiệp đã tạm xuất hàng hóa nhưng không tái nhập trở lại mà thay đổi mục đích sử dụng để bán, tặng hoặc dùng hàng hóa này với mục đích khác ở nước ngoài hoặc trong khu phi thuế quan, DNCX. b) Hàng hóa đặt gia công ở nước ngoài hoặc trong khu phi thuế quan, DNCX nhưng không tái	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa đã tạm xuất theo mã loại hình G61.

TT	Mã loại hình	Khai kết hợp	Tên	Hướng dẫn sử dụng	Ghi chú
				nhập trở lại mà thay đổi mục đích sử dụng để bán, biếu, tặng, tiêu hủy tại nước ngoài hoặc trong khu phi thuế quan, DNCX	
3	B13	X	Xuất khẩu hàng đã nhập khẩu	Sử dụng trong trường hợp: a) Xuất khẩu hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu (chưa qua quá trình gia công, chế biến) ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan, DNCX hoặc xuất khẩu tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài; b) Hàng hóa thanh lý của doanh nghiệp chế xuất và máy móc, thiết bị được miễn thuế thanh lý theo hình thức bán ra nước ngoài hoặc bán vào DNCX; c) Xuất khẩu nguyên liệu, vật tư dư thừa của hoạt động gia công, SXXK, chế xuất ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan, DNCX hoặc xuất khẩu tại chỗ theo chỉ định của thương nhân nước ngoài;	
4	E42	X	Xuất khẩu sản phẩm	Sử dụng trong trường hợp xuất khẩu sản phẩm của DNCX ra nước ngoài và xuất vào nội địa.	Trường hợp xuất vào nội địa phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã

TT	Mã loại hình	Khai kết hợp	Tên	Hướng dẫn sử dụng	Ghi chú
			của DNCX		điểm đích vận chuyển bảo thuế và chỉ tiêu số quản lý nội bộ
5	E52	X	Xuất sản phẩm gia công cho thương nhân nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp: a) Xuất sản phẩm cho đối tác thuê gia công ở nước ngoài hoặc giao hàng theo chỉ định của bên đặt gia công; b) Xuất khẩu sản phẩm gia công tự cung ứng nguyên liệu c) Xuất trả sản phẩm gia công cho DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan; d) Xuất khẩu suất ăn của hãng hàng không nước ngoài cho tàu bay xuất cảnh.	Trường hợp xuất vào DNCX, khu phi thuế quan phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã điểm đích vận chuyển bảo thuế và chỉ tiêu số quản lý nội bộ.
6	E54	X	Xuất nguyên liệu gia công từ hợp đồng này sang hợp đồng khác	Sử dụng trong trường hợp: Chuyển nguyên liệu, vật tư từ hợp đồng này sang hợp đồng khác, không bao gồm việc chuyển thiết bị, máy móc.	Lưu ý: - Thiết bị máy móc khai báo theo chế độ tạm, khi chuyển mục đích sử dụng G23; - Trường hợp này phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã điểm đích vận chuyển bảo thuế

TT	Mã loại hình	Khai kết hợp	Tên	Hướng dẫn sử dụng	Ghi chú
					và chỉ tiêu số quản lý nội bộ.
7	E62	X	Xuất nguyên liệu gia công từ hợp đồng này sang hợp đồng khác	Sử dụng trong trường hợp: Chuyển nguyên liệu, vật tư từ hợp đồng này sang hợp đồng khác, không bao gồm việc chuyển thiết bị, máy móc.	Lưu ý: - Thiết bị máy móc khai báo theo chế độ tạm, khi chuyển mục đích sử dụng G23; - Trường hợp này phải khai các chỉ tiêu thông tin về XNK tại chỗ như mã điểm đích vận chuyển bảo thuế và chỉ tiêu số quản lý nội bộ.
8	E82	X	Xuất nguyên liệu, vật tư thuê gia công ở nước ngoài	Sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam xuất nguyên liệu, vật tư thuê nước ngoài gia công hoặc thuê DNCX gia công; Trường hợp xuất khẩu máy móc, thiết bị theo dõi bằng chế độ tạm G61.	
9	G21	X	Tái xuất hàng kinh doanh tạm	Sử dụng trong trường hợp tái xuất hàng đã tạm nhập theo loại hình kinh doanh TNTX mã G11 (bao gồm hoán đổi xăng dầu tái xuất).	Doanh nghiệp tự xác định và khai thời hạn lưu giữ tại Việt Nam trên tờ khai hải quan.

TT	Mã loại hình	Khai kết hợp	Tên	Hướng dẫn sử dụng	Ghi chú
			nhập tái xuất		Trường hợp gia hạn phải thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin quản lý hàng TNTX.
10	G22	X	Tái xuất máy móc, thiết bị đã tạm nhập để phục vụ dự án có thời hạn	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân đã tạm nhập theo mã G12.	Doanh nghiệp tự xác định và khai thời hạn lưu giữ tại Việt Nam trên tờ khai hải quan. Trường hợp gia hạn phải thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin quản lý hàng TNTX.
11	G23	X	Tái xuất hàng tạm nhập miễn thuế	Sử dụng trong trường hợp tái xuất hàng hóa đã tạm nhập sử dụng mã G13, A44.	
12	G24	X	Tái xuất khác	Sử dụng trong các trường hợp tái xuất hàng hóa đã tạm nhập theo mã G14.	
13	G61	X	Tạm xuất hàng hóa	Sử dụng trong trường hợp: a) Tạm xuất hàng hóa ra nước ngoài, vào khu phi thuế quan hoặc từ khu phi thuế quan ra nước ngoài theo chế độ tạm;	

TT	Mã loại hình	Khai kết hợp	Tên	Hướng dẫn sử dụng	Ghi chú
				b) Tạm xuất hàng hóa của cá nhân được nhà nước Việt Nam cho miễn thuế; c) Hàng hóa tạm xuất để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác; d) Máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp tạm xuất để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định hoặc phục vụ hoạt động đặt gia công nước ngoài; đ) Hàng hóa tạm xuất để bảo hành, sửa chữa, thay thế; e) Phương tiện quay vòng theo phương thức tạm xuất để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; g) Thiết bị, máy móc, phương tiện thi công, khuôn, mẫu tạm xuất để sản xuất, thi công công trình thực hiện dự án, thử nghiệm; h) Tạm xuất hàng hóa khác.	
14	C12	X	Hàng hóa từ kho ngoại quan xuất đi	Sử dụng trong trường hợp: - Hàng hóa đưa từ kho ngoại quan ra nước ngoài hoặc đưa vào các khu phi thuế quan; - Hàng hóa đưa từ kho ngoại quan này qua kho ngoại quan khác.	

TT	Mã loại hình	Khai kết hợp	Tên	Hướng dẫn sử dụng	Ghi chú
			nước ngoài		
15	C22	X	Hàng đưa ra khu phi thuế quan	Sử dụng trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan (trừ doanh nghiệp chế xuất, kho ngoại quan) ra nước ngoài hoặc vào thị trường nội địa.	
16	H21	X	Xuất khẩu hàng khác	Sử dụng trong trường hợp: a) Hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở Việt Nam gửi cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; b) Hàng hóa của cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và những người làm việc tại các cơ quan, tổ chức này; c) Hàng hóa là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân d) Hàng hóa viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; e) Hàng mẫu; g) Hành lý cá nhân của người xuất cảnh gửi theo vận đơn, hàng hóa mang theo người xuất cảnh vượt tiêu chuẩn miễn thuế; h) Các hàng hóa khác chưa được định danh ở trên.	

1.1.2 Khái quát về xuất khẩu hàng hóa

1.1.2.1 Khái quát về xuất khẩu hàng hóa

Xuất khẩu hàng hóa là việc hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.

Xuất khẩu là hoạt động bán hàng hóa ra nước ngoài, nó không phải là hành vi bán hàng riêng lẻ mà là hệ thống bán hàng có tổ chức cả bên trong lẫn bên ngoài nhằm mục tiêu lợi nhuận, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, ổn định và từng bước nâng cao mức sống của nhân dân. Xuất khẩu là hoạt động kinh doanh dễ đem lại hiệu quả đột biến. Mở rộng xuất khẩu để tăng thu ngoại tệ, tạo điều kiện cho nhập khẩu và thúc đẩy các ngành kinh tế hướng theo xuất khẩu, khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng xuất khẩu để giải quyết công ăn việc làm và tăng thu ngoại tệ.

1.1.2.2 Vai trò của hoạt động xuất khẩu

a) Vai trò đối với nền kinh tế quốc dân

Đối với nền kinh tế, xuất khẩu là một trong những nội dung cơ bản của hoạt động kinh tế đối ngoại, đồng thời là công cụ quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Sự tăng trưởng kinh tế đòi hỏi các yếu tố như nhân lực, tài nguyên, vốn và công nghệ. Tuy nhiên, ở hầu hết các quốc gia đang và kém phát triển, tình trạng phổ biến là thiếu vốn, thiếu công nghệ trong khi nguồn lao động lại dồi dào. Khi các yếu tố thiết yếu này chưa thể đáp ứng đầy đủ trong nước, việc nhập khẩu từ bên ngoài trở nên cần thiết. Để thực hiện được điều đó, các quốc gia phải có nguồn ngoại tệ.

Thực tiễn xuất khẩu là một mũi nhọn có ý nghĩa quyết định đối với quá trình phát triển kinh tế của một đất nước. Công tác xuất khẩu được đánh giá quan trọng như vậy là do:

- Một là, xuất khẩu tạo ra nguồn vốn chủ yếu cho nhập khẩu, qua đó phục vụ quá trình công nghiệp hóa đất nước. Công nghiệp hóa với lộ trình phù hợp là con đường tất yếu nhằm khắc phục tình trạng nghèo nàn, lạc hậu. Tuy nhiên, quá trình này đòi hỏi nguồn vốn lớn để nhập khẩu máy móc, thiết bị và công nghệ hiện đại.

Nguồn vốn nhập khẩu có thể tập trung từ các hình thức như: Đầu tư nước ngoài, vay nợ, viện trợ, thu từ xuất khẩu,... Các nguồn này tuy quan trọng nhưng sẽ phải trả dù bằng cách này hay cách khác. Như vậy, nguồn vốn quan trọng cho nhập khẩu phần

lớn trông chờ vào xuất khẩu. Xuất khẩu quyết định quy mô và tốc độ tăng trưởng của nhập khẩu.

Ở các quốc gia kém phát triển, một trong những nguyên nhân chủ yếu là thiếu tiềm lực về vốn trong quá trình phát triển. Mặc dù nguồn vốn huy động từ bên ngoài được xem là quan trọng, nhưng khả năng thu hút đầu tư hay vay vốn từ nước ngoài và các tổ chức quốc tế chỉ được nâng cao khi các nhà đầu tư và chủ nợ tin tưởng vào năng lực trả nợ của quốc gia đó. Trong đó, hoạt động xuất khẩu được đặc biệt coi trọng vì tạo ra nguồn thu ngoại tệ ổn định.

- Hai là, xuất khẩu góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển sản xuất. Việc chuyển dịch từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp phù hợp với xu thế chung của kinh tế thế giới là yêu cầu tất yếu đối với các quốc gia đang phát triển.

Có hai cách tiếp cận về tác động của xuất khẩu đối với sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

+ Xuất khẩu chỉ đơn thuần tiêu thụ phần sản phẩm dư thừa so với nhu cầu trong nước. Với những nền kinh tế còn lạc hậu, sản xuất chưa đáp ứng đủ nhu cầu nội địa, nếu chỉ dựa vào phần “dư thừa” thì quy mô xuất khẩu sẽ nhỏ và tăng trưởng chậm.

+ Coi thị trường thế giới là định hướng quan trọng để tổ chức sản xuất. Quan điểm này có tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy sản xuất phát triển, thể hiện ở chỗ:

Xuất khẩu tạo điều kiện cho các ngành cùng có cơ hội phát triển. Ví dụ: Khi phát triển ngành dệt phục vụ xuất khẩu thì các ngành chế biến nguyên liệu như: bông, may mặc,... cũng có cơ hội phát triển theo.

Xuất khẩu là phương tiện quan trọng để tạo ra nguồn vốn và thu hút khoa học công nghệ mới từ các nước phát triển nhằm hiện đại hóa nền kinh tế nội địa, tạo ra năng lực sản xuất mới.

Hoạt động xuất khẩu góp phần thúc đẩy quá trình chuyên môn hóa và nâng cao hiệu quả sản xuất của mỗi quốc gia. Khi khoa học – công nghệ ngày càng phát triển, phân công lao động quốc tế cũng trở nên sâu sắc hơn. Ngày nay, một sản phẩm có thể được thiết kế ở quốc gia này, sản xuất ở quốc gia khác, lắp ráp tại nơi thứ ba, tiêu thụ ở thị trường thứ tư và thanh toán tại một quốc gia khác. Điều này cho thấy hàng hóa được sản xuất tại một nước nhưng có thể phục vụ nhu cầu của nhiều thị trường trên thế giới,

qua đó phản ánh tác động tích cực của xuất khẩu trong việc thúc đẩy chuyên môn hóa sản xuất, tạo điều kiện để các quốc gia tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Do đặc điểm sử dụng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán cho một hoặc cả hai bên, hoạt động xuất khẩu góp phần gia tăng dự trữ ngoại tệ quốc gia. Đặc biệt đối với các nước nghèo, có đồng tiền giá trị thấp, đây là yếu tố tích cực giúp cân đối cung – cầu ngoại tệ, từ đó tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển. Thực tế cho thấy, những quốc gia phát triển thường là những nước có nền ngoại thương mạnh và năng động.

Cùng với sự đa dạng hóa các hình thức, hoạt động xuất khẩu ngày càng phản ánh rõ nét sự phát triển của phân công lao động quốc tế. Vì vậy, xuất khẩu giữ vị trí trung tâm trong các hoạt động kinh tế đối ngoại và thực hiện một số chức năng cơ bản sau:

- + Thúc đẩy lưu thông hàng hóa giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế.
- + Tạo nguồn lực từ bên ngoài, đặc biệt là vốn và công nghệ, phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế. Nguồn ngoại tệ thu được từ xuất khẩu là cơ sở quan trọng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong khi nhập khẩu giúp tiếp cận công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- + Góp phần điều chỉnh cơ cấu vật chất của tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, phù hợp với nhu cầu tiêu dùng và tích lũy.
- + Nâng cao hiệu quả nền kinh tế thông qua việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, đồng thời khai thác tốt hơn các lợi thế so sánh của quốc gia.

- Ba là, xuất khẩu tác động tích cực tới giải quyết công ăn việc làm và cải thiện đời sống nhân dân.

Tác động của xuất khẩu ảnh hưởng đến rất nhiều lĩnh vực trong cuộc sống. Sản xuất hàng hóa xuất khẩu sẽ thu hút hàng triệu lao động vào làm việc, tạo ra thu nhập ổn định, đồng thời tạo ra ngoại tệ để nhập khẩu vật phẩm tiêu dùng đáp ứng nhu cầu ngày càng ngày lớn của nhân dân.

- Bốn là, xuất khẩu là cơ sở để mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại của nước ta trên nguyên tắc cùng có lợi, đồng thời gắn kết sản xuất trong nước với quá trình phân công lao động quốc tế. Xuất khẩu cũng là một nội dung quan trọng trong chính sách kinh tế đối ngoại, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước theo hướng dân giàu, nước mạnh.

Như vậy, có thể khẳng định rằng việc đẩy mạnh xuất khẩu sẽ tạo ra động lực quan trọng nhằm giải quyết các vấn đề thiết yếu của nền kinh tế, qua đó thể hiện tính tất yếu khách quan của việc tăng cường xuất khẩu trong quá trình phát triển kinh tế.

b) Vai trò đối với doanh nghiệp xuất khẩu

Thông qua hoạt động xuất khẩu, các doanh nghiệp trong nước có cơ hội tiếp cận và tham gia vào thị trường quốc tế. Nếu khai thác hiệu quả, đây sẽ là nền tảng để doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ cũng như quy mô sản xuất.

Trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, xuất khẩu gắn liền với nhập khẩu góp phần thúc đẩy liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước một cách chủ động; đồng thời mở rộng quan hệ kinh doanh, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có, cũng như tạo thêm việc làm cho người lao động.

Việc sản xuất hàng hóa phục vụ xuất khẩu giúp doanh nghiệp thu hút lao động, tạo thu nhập ổn định, đồng thời tạo nguồn ngoại tệ để nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Khi tham gia vào thị trường quốc tế, doanh nghiệp phải đối mặt với môi trường cạnh tranh gay gắt. Điều này buộc các doanh nghiệp không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã và giảm chi phí sản xuất. Qua đó, xuất khẩu trở thành động lực quan trọng thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển.

1.1.2.3 Đặc điểm của xuất khẩu hàng hóa

Giáo trình kinh tế Ngoại Thương (2006) chỉ ra rằng, xuất khẩu và các quan hệ kinh tế đối ngoại có sự tương quan mật thiết với nhau và ảnh hưởng qua lại nhằm hướng tới mục tiêu phát triển chung. Trong mỗi quan hệ này, hoạt động xuất khẩu vừa là minh chứng của kinh tế đối ngoại bền vững, vừa là công cụ mạnh mẽ thúc đẩy các mối quan hệ phát triển và sâu sắc.

Hoạt động xuất khẩu là cơ hội tiềm năng để thúc đẩy các ngành công nghiệp, nông nghiệp, nông, lâm... phát triển thuận lợi, tiếp cận đến với sản lượng tiêu thụ nhiều hơn. Như ngành công nghiệp thực phẩm như hạt cà phê, ngô, gạo thì kéo theo đó là sự phát triển của những ngành công nghiệp phục vụ cho nhu cầu tăng lên đó như phân bón, nhân công... Qua đây có thể thấy rằng xuất khẩu là nguồn lực lớn và đầy tiềm năng cho nhu cầu về việc làm.

Xuất khẩu là chìa khóa quan trọng thúc đẩy hàng hóa, dịch vụ trong nước tạo ra sức cạnh tranh mạnh mẽ lên thị trường quốc tế, điều mà vô cùng quan trọng trong bối

cạnh hội nhập quốc tế. Điều này không chỉ khẳng định về chất lượng sản phẩm cũng như uy tín của sản phẩm nội địa, mà còn là động lực đòi hỏi năng lực sản xuất trong nước cũng cần được nâng cao để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao.

1.1.2.4 Các hình thức xuất khẩu hàng hóa

a) Hình thức xuất khẩu gián tiếp (ủy thác)

Giao dịch qua trung gian là hình thức mua bán quốc tế được thực hiện nhờ sự giúp đỡ của trung gian thứ ba. Người thứ ba sẽ được hưởng một khoản tiền nhất định.

Các hoạt động trung gian thương mại là hoạt động của thương nhân để thực hiện các giao dịch thương mại cho một hoặc một số thương nhân được xác định, bao gồm hoạt động đại diện cho thương nhân, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hoá và đại lý thương mại.

Ủy thác mua bán hàng hoá là hoạt động thương mại, theo đó bên nhận ủy thác thực hiện việc mua bán hàng hoá với danh nghĩa của mình theo những điều kiện đã thoả thuận với bên ủy thác và được nhận thù lao ủy thác.

❖ Ưu điểm:

- Giảm thiểu rủi ro: Bên trung gian hỗ trợ toàn bộ quy trình xuất khẩu, từ thủ tục hải quan đến thanh toán quốc tế.
- Tiết kiệm nguồn lực: Không cần đầu tư nhiều vào nhân sự và hạ tầng quốc tế.

❖ Nhược điểm:

- Phụ thuộc vào trung gian: Khó kiểm soát chất lượng dịch vụ và mối quan hệ với đối tác quốc tế.
- Giảm lợi nhuận: Phải trả phí hoa hồng hoặc phần trăm lợi nhuận cho trung gian.

b) Hình thức xuất khẩu trực tiếp

Xuất khẩu trực tiếp là hình thức xuất khẩu, trong đó người bán (người sản xuất, người cung cấp) và người mua quan hệ trực tiếp với nhau bằng cách gặp mặt, qua thư từ, điện tín để bàn bạc thoả thuận về hàng hóa, giá cả và các điều kiện giao dịch khác.

Trường hợp doanh nghiệp tham gia xuất khẩu là doanh nghiệp thương mại không tự sản xuất ra sản phẩm thì việc xuất khẩu phải gồm:

- Thu mua tại nguồn hàng xuất khẩu với các đơn vị, địa phương trong nước.
- Đàm phán ký kết với doanh nghiệp nước ngoài, giao hàng, thanh toán tiền hàng với đơn vị bán.

❖ **Ưu điểm:**

- Kiểm soát trực tiếp: Chủ động quản lý toàn bộ quy trình giao dịch và xây dựng quan hệ với đối tác nước ngoài.
- Tối ưu hóa lợi nhuận: Loại bỏ chi phí trung gian, tăng biên lợi nhuận cho doanh nghiệp.

❖ **Nhược điểm:**

- Rủi ro cao: Doanh nghiệp phải tự xử lý các vấn đề liên quan đến pháp lý, thanh toán quốc tế và hải quan.
- Chi phí đầu tư lớn: Cần đầu tư vào nhân sự có chuyên môn cao, công nghệ và mạng lưới phân phối quốc tế.

c) Hình thức xuất khẩu tại chỗ

Xuất khẩu tại chỗ là trường hợp hàng hóa được sản xuất phục vụ xuất khẩu cho một thương nhân nước ngoài, nhưng hàng hóa sẽ được giao hàng tại Việt Nam cho một đơn vị theo chỉ định của thương nhân nước ngoài. Doanh nghiệp xuất khẩu bao gồm doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

❖ Các hàng hóa xuất khẩu tại chỗ bao gồm:

- Sản phẩm gia công; máy móc, thiết bị thuê hoặc mượn; nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm thuộc hợp đồng gia công;
- Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan;
- Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.

❖ **Ưu điểm:**

- Doanh nghiệp sẽ tiết kiệm nhiều chi phí cho quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa hơn
- Doanh nghiệp sẽ hưởng được nhiều ưu đãi hấp dẫn về thuế xuất nhập khẩu.
- Tiết kiệm tối đa các khoản phí, thời gian vận chuyển hàng hóa, chất lượng kiện hàng trong quá trình vận chuyển...

❖ **Nhược điểm:**

- Thủ tục hải quan phức tạp: Quy trình khai báo cần tuân thủ nghiêm ngặt theo các quy định về doanh nghiệp chế xuất/phi thuế quan.
- Rủi ro chứng từ: Nếu doanh nghiệp chỉ định giao hàng không tuân thủ quy định, có thể bị truy thu thuế.

- Phụ thuộc vào đối tác: Cần sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 bên (bên bán, bên mua, bên nhận hàng tại chỗ).

d) Hình thức gia công xuất khẩu

Là phương thức kinh doanh trong đó một bên gọi là bên nhận gia công nguyên vật liệu hoặc bán thành phẩm của một bên khác (bên đặt gia công) để chế biến ra thành phẩm cho bên đặt gia công và nhận thù lao (bên gia công).

Gia công trong thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên nhận gia công sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguyên vật liệu của bên đặt gia công để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trong quá trình sản xuất theo yêu cầu của bên đặt gia công để hưởng thù lao.

Đối bên đặt gia công: tận dụng được nguồn lao động, chi phí nguyên vật liệu, nhà xưởng thấp, được nhận ưu đãi về thuế, phương thức để thâm nhập thị trường mới.

Đối với bên nhận gia công: giải quyết công việc làm cho nhiều người lao động, tăng thu nhập, tăng kim ngạch cho đất nước, không cần phải bỏ chi phí cho việc bán sản phẩm bởi vì đã có sẵn thị trường tiêu thụ.

❖ Ưu điểm:

- Tận dụng lợi thế: Tận dụng tối đa nguồn nhân công giá rẻ, tiết kiệm chi phí nhà xưởng và không tốn nhiều chi phí đào tạo lại.
- Không lo đầu ra: Thị trường tiêu thụ có sẵn, không phải lo bán hàng hay rủi ro thị trường.
- Ưu đãi thuế: Được miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu và miễn thuế xuất khẩu thành phẩm theo hợp đồng.
- Phát triển kỹ năng: Tiếp thu kinh nghiệm sản xuất, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến và nâng cao tay nghề người lao động.
- Giải quyết việc làm: Tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

❖ Nhược điểm:

- Phụ thuộc đối tác: Phụ thuộc vào nguyên liệu, mẫu mã, tiến độ và đơn hàng của bên đặt gia công.
- Giá trị gia tăng thấp: Lợi nhuận chủ yếu dựa vào phí gia công, không được hưởng trọn giá trị thương hiệu.
- Rủi ro cao: Dễ bị đối tác cắt giảm hoặc chuyển đơn hàng sang quốc gia khác.

- Vấn đề môi trường: Nguy cơ gây ô nhiễm môi trường do các ngành công nghiệp nhẹ, gia công cơ khí.

e) Hình thức buôn bán đổi lưu (Thương mại đổi lưu)

Buôn bán đổi lưu là một phương thức giao dịch trao đổi hàng hóa, trong đó xuất khẩu kết hợp chặt chẽ với nhập khẩu, người bán đồng thời là người mua, lượng hàng giao đi có giá trị tương xứng với lượng hàng nhập về. Mục đích của giao dịch không phải nhằm để thu ngoại tệ mà nhằm để thu về một hàng hóa khác có giá trị tương đương.

Bên tham gia luôn phải quan tâm đến sự cân bằng trong trao đổi hàng hóa, thể hiện ở những khía cạnh sau:

- Cân bằng về mặt hàng, mặt hàng quý đổi lấy mặt hàng quý, mặt hàng tồn kho đổi lấy mặt hàng tồn kho khó bán.
- Cân bằng về giá cả so với giá thực tế nếu giá hàng nhập cao thì khi xuất đối phương giá hàng xuất khẩu cũng phải được tính cao tương đương và ngược lại.
- Cân bằng về tổng giá trị hàng giao cho nhau.
- Cân bằng về điều kiện giao hàng: nếu xuất khẩu CIF phải nhập khẩu CIF.

f) Hình thức xuất khẩu hàng hóa theo nghị định thư

Là hình thức xuất khẩu hàng hóa, thường diễn ra giữa các quốc gia có mối quan hệ mật thiết. Chính phủ hai bên sẽ tiến hành ký kết nghị định (hay được gọi là gán nợ). Các doanh nghiệp trong nước sẽ dựa vào văn bản ký kết với các chỉ định và hướng dẫn cụ thể để thực hiện xuất khẩu hàng hóa.

Hình thức này giúp các doanh nghiệp tiết kiệm được các khoản chi phí trong việc nghiên cứu thị trường và không có rủi ro trong thanh toán.

g) Hình thức tạm nhập tái xuất

Hình thức tạm nhập - tái xuất được định nghĩa là việc chuyển hàng hóa từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt trên lãnh thổ Việt Nam, được xem là khu vực hải quan riêng theo quy định pháp luật, vào Việt Nam. Quy trình này bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhập khẩu và sau đó là xuất khẩu lại các sản phẩm đó khỏi lãnh thổ Việt Nam.

❖ **Ưu điểm:**

- Giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất và phân phối hàng hóa, đồng thời mở rộng cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp trên toàn cầu.

- Doanh nghiệp có thể tiết kiệm đáng kể chi phí liên quan đến thuế nhập khẩu và các loại phí khác. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp linh hoạt hơn trong quản lý hàng tồn kho, chế biến, và tái xuất hàng hóa.
- Giúp các doanh nghiệp tận dụng lợi thế từ việc nhập khẩu nguyên liệu, máy móc để chế biến hoặc tu sửa, sau đó xuất khẩu sản phẩm cuối cùng.

❖ **Nhược điểm:**

- Thời gian hạn hẹp: Hàng hóa chỉ được lưu tại Việt Nam trong khoảng thời gian nhất định (thông thường tối đa 60 ngày, có thể gia hạn 2 lần).
- Thủ tục chặt chẽ: Đòi hỏi doanh nghiệp phải nắm vững quy trình khai báo hải quan, quản lý kho bãi và chứng từ, nếu vi phạm sẽ bị phạt hoặc tiêu hủy hàng.
- Rủi ro cao: Yêu cầu sự nhạy bén về giá cả thị trường và rủi ro nếu không thể xuất khẩu đúng hạn.

1.1.3 Khái quát về hàng hóa xuất khẩu

1.1.3.1 Khái niệm về hàng hóa xuất khẩu

Hàng hóa xuất khẩu được giải thích tại khoản 5 Điều 2 Thông tư 54/2018/TT-BGTVT thì hàng hóa xuất khẩu là hàng hóa có nơi gửi hàng (gốc) ở Việt Nam và có nơi nhận hàng (đích) ở nước ngoài.

1.1.3.2 Đặc điểm của hàng hóa xuất khẩu

Hàng hóa xuất khẩu là những sản phẩm được sản xuất, gia công hoặc kinh doanh trong nước nhằm đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để tiêu thụ tại thị trường nước ngoài thông qua các hoạt động thương mại quốc tế. Trong hoạt động xuất nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu mang một số đặc điểm cơ bản như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu phải thực hiện thủ tục hải quan trước khi được đưa ra khỏi lãnh thổ quốc gia. Đây là yêu cầu bắt buộc nhằm bảo đảm việc kiểm tra, giám sát và quản lý của cơ quan hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu theo quy định của pháp luật.
- Hàng hóa xuất khẩu chịu sự quản lý của nhiều chính sách pháp luật khác nhau như chính sách thuế xuất khẩu, chính sách quản lý chuyên ngành, quy định về kiểm dịch, kiểm tra chất lượng, xuất xứ hàng hóa và các quy định liên quan đến thương mại quốc tế. Một số mặt hàng thuộc diện cấm xuất khẩu hoặc xuất khẩu có điều kiện phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý trước khi thông quan.
- Hàng hóa xuất khẩu phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định. Bộ chứng từ thường bao gồm hợp đồng ngoại thương (Sales Contract), hóa đơn thương mại

(Commercial Invoice), phiếu đóng gói (Packing List – P/L), vận đơn (Bill of Loading – B/L) và các giấy phép chuyên ngành liên quan tùy theo từng loại hàng hóa.

- Hàng hóa xuất khẩu thường phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng và quy cách đóng gói của nước nhập khẩu.

Hàng hóa xuất khẩu được vận chuyển qua nhiều phương thức khác nhau như đường biển, đường hàng không, đường bộ hoặc đường sắt tùy thuộc vào đặc điểm hàng hóa, chi phí vận chuyển và yêu cầu của đối tác nước ngoài.

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa góp phần tạo nguồn thu ngoại tệ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mở rộng quan hệ thương mại quốc tế và nâng cao vị thế của quốc gia trên thị trường toàn cầu.

1.1.3.3 Vai trò của hàng hóa xuất khẩu

Hàng hóa xuất khẩu đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của quốc gia. Hoạt động xuất khẩu giúp tạo nguồn thu ngoại tệ, góp phần cân bằng cán cân thương mại và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, xuất khẩu còn tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động và mở rộng thị trường tiêu thụ cho doanh nghiệp trong nước.

Hoạt động xuất khẩu góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và khẳng định vị thế của Việt Nam trên thị trường thế giới.

1.1.3.4 Phân loại hàng hóa xuất khẩu

a) Hàng hóa xuất khẩu lẻ (Less than Container Load - LCL)

Hàng hóa xuất khẩu lẻ (Less than Container Load - LCL) là loại hàng có khối lượng hoặc thể tích không đủ để đóng đầy một container. Vì vậy, hàng của nhiều chủ hàng khác nhau sẽ được gom chung vào cùng một container để vận chuyển. Hình thức này giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí vận chuyển đối với các lô hàng nhỏ. Tuy nhiên, thời gian xử lý và giao nhận hàng thường lâu hơn do phải thực hiện quá trình gom và tách hàng.

b) Hàng hóa xuất khẩu nguyên container (Full Container Load - FCL)

Hàng hóa xuất khẩu nguyên container (Full Container Load - FCL) là loại hàng mà một chủ hàng sử dụng toàn bộ container để đóng hàng và vận chuyển. Hình thức này thường áp dụng đối với các lô hàng có số lượng lớn, giúp hạn chế rủi ro hư hỏng hoặc thất lạc hàng hóa do không phải ghép chung với hàng của chủ khác. Đồng thời, thời gian

vận chuyển và giao nhận cũng nhanh chóng và thuận tiện hơn so với hàng lẻ (Less than Container Load - LCL).

1.1.4 Khát quát về vận tải biển

1.1.4.1 Khái niệm về vận tải biển

Khái niệm vận tải đường biển là Vận tải đường biển là hình thức vận chuyển hàng hóa sử dụng phương tiện và cơ sở hạ tầng đường biển để phục vụ cho mục đích vận chuyển. Phương tiện thường dùng sẽ là các tàu thuyền và phương tiện xếp, tháo dỡ hàng hóa như xe cần cẩu... Cơ sở hạ tầng để phục vụ cho vận tải đường biển bao gồm các cảng biển, các cảng trung chuyển

Vận tải đường biển thích hợp cho những khu vực có vùng biển liền kề và có cảng cho tàu cập bến. Có thể thực hiện vận chuyển hàng hóa bằng đường biển trong nước hoặc chuyên hàng quốc tế đều được. Vì các tàu vận chuyển thường quy mô và trọng tải lớn nên thông thường hình thức vận tải đường biển được áp dụng nhiều cho ngành xuất nhập khẩu để chở số lượng hàng hóa có khối lượng lớn.

1.1.4.2 Đặc điểm về vận tải biển

Vận tải biển có khả năng chuyên chở khối lượng hàng hóa lớn với chi phí vận chuyển thấp, phù hợp với hoạt động xuất nhập khẩu quốc tế. Phương thức này có phạm vi hoạt động rộng, có thể kết nối giữa nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới.

Tuy nhiên, vận tải biển thường có thời gian vận chuyển kéo dài và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như thời tiết, khí hậu và tình hình hoạt động tại cảng biển. Ngoài ra, vận tải biển phù hợp với nhiều loại hàng hóa khác nhau, đặc biệt là hàng container, hàng rời và hàng có khối lượng lớn.

1.1.4.3 Vai trò về vận tải biển

Vai trò của vận chuyển đường biển là Vận chuyển hàng hóa có nhiều phương thức khác nhau như: vận chuyển bằng đường bộ (chuyên băng xe tải), đường sắt, đường biển và đường hàng không... Trong đó, vận chuyển bằng đường biển chiếm vai trò khá quan trọng và có nhiều ưu điểm vượt trội đáng kể như:

- Chi phí xây dựng, cải tạo, bảo dưỡng thấp do giao thông tự nhiên
- Khả năng chuyên chở hàng hóa của các phương tiện lớn, chở được nhiều loại hàng hóa khác nhau với số lượng tương đối lớn.
- Khả năng sử dụng để vận chuyển các container chuyên dụng khá cao.
- Cước phí vận chuyển thấp hơn so với các loại phương tiện vận tải khác.

- Góp phần phát triển mối quan hệ với các nước và thực hiện đường lối kinh tế đối ngoại của Nhà nước, góp phần tăng thu ngoại tệ...

1.1.4.4 Các phương thức vận tải biển

a) Vận tải tàu container

Vận chuyển container là phương thức vận chuyển hàng hóa sử dụng các thùng container có kích thước tiêu chuẩn theo quy định của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) để chuyên chở hàng hóa bằng nhiều phương tiện khác nhau như đường bộ, đường sắt, đường biển hoặc kết hợp nhiều phương thức.

Vận chuyển container được hiểu là một hoạt động chuyên chở các container hàng hóa từ điểm nhận đến khu vực xếp dỡ hoặc theo yêu cầu của khách hàng. Hàng hóa khi vận chuyển bằng container thường là những mặt hàng có kích thước lớn hoặc hàng hóa vận tải số lượng lớn đáp ứng theo từng đơn hàng khác nhau.

b) Vận tải tàu hàng rời

Vận tải Tàu rời là phương thức chuyên chở các loại hàng hóa khô không đóng gói (còn gọi là hàng rời) bằng các tàu biển chuyên dụng (tàu rời – bulk carrier). Thay vì được đóng trong container hoặc bao bì, hàng hóa được chất trực tiếp vào các khoang tàu. Đây là giải pháp lý tưởng cho việc vận chuyển số lượng lớn hàng hóa nguyên liệu thô hoặc thành phẩm dạng rời trên các tuyến đường biển dài, liên lục địa, giúp tối ưu hóa chi phí logistics một cách đáng kể.

Tàu hàng rời chuyên chở đa dạng các loại hàng rời khô (Dry Bulk Cargo), bao gồm:

- Nhóm năng lượng và khoáng sản: than đá, than luyện cốc, quặng sắt, quặng bauxit, quặng đồng, quặng mangan, đá vôi, clinker, thạch cao và xi măng rời.
- Nhóm nông sản và thực phẩm: lúa mì, ngô, lúa gạo, đậu nành, bã đậu nành, bột cá, cà phê hạt và cao su thô.
- Nhóm vật liệu xây dựng: cát, sỏi, đá dăm và xỉ thép.
- Nhóm phân bón và hóa chất: phân bón như Urea, DAP, NPK và lưu huỳnh.

1.2 Nội dung về thủ tục khai báo hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu

1.2.1 Khái quát về quy trình thủ tục khai báo hải quan

1.2.1.1 Khái niệm về quy trình thủ tục khai báo hải quan

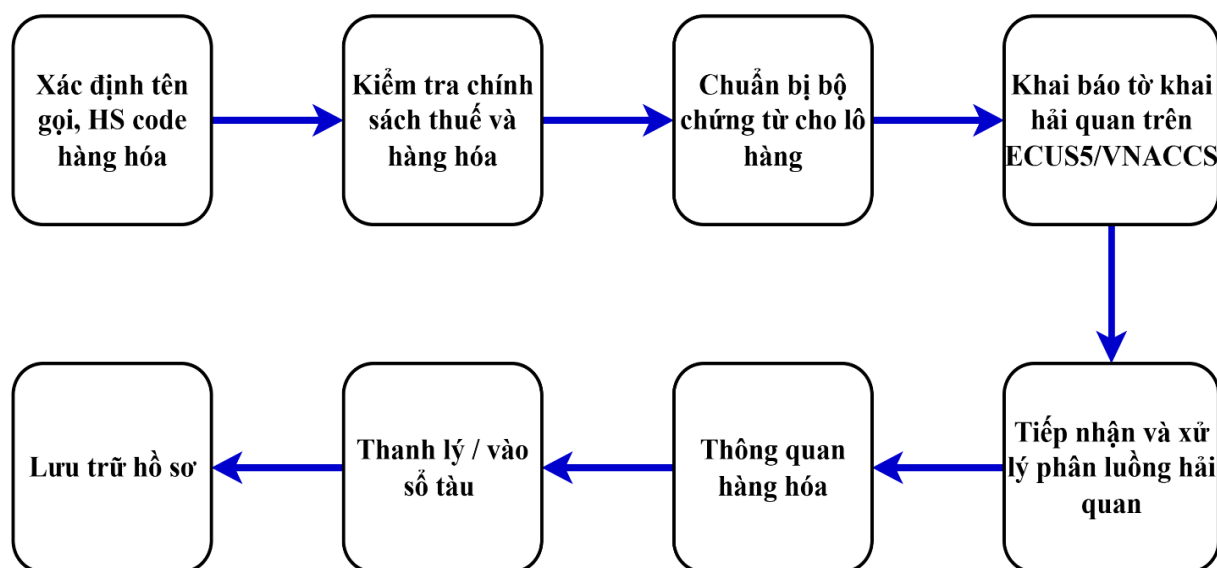
Quy trình thủ tục hải quan là trình tự các bước mà người khai hải quan và cơ quan hải quan thực hiện để hoàn thành việc kiểm tra, giám sát và thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

1.2.1.2 Vai trò của quy trình thủ tục khai báo hải quan trong hoạt động xuất khẩu

- Đảm bảo hoạt động xuất nhập khẩu được thực hiện đúng quy định pháp luật.
- Giúp cơ quan hải quan quản lý, kiểm tra và giám sát hàng hóa xuất nhập khẩu hiệu quả.
- Hạn chế tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại và trốn thuế.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại quốc tế và lưu thông hàng hóa.
- Giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả logistics khi thực hiện đúng quy trình.
- Góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước thông qua thuế xuất nhập khẩu và các khoản phí liên quan.

1.2.2 Nội dung các bước quy trình khai báo hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu

1.2.2.1 Sơ đồ quy trình thủ tục khai báo hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu



(Nguồn: Bài giảng GNHH và KHHQ -2025, ThS. Trần Thúy Kiều)

Sơ đồ 1.1 Quy trình thủ tục khai báo hải quan

1.2.2.2 Nội dung quy trình thủ tục khai báo hải quan đối với hàng xuất xuất khẩu

Bước 1: Xác định tên gọi, HS code hàng hóa

Đây là bước đầu tiên và quan trọng trong quy trình thủ tục hải quan xuất khẩu. Doanh nghiệp cần xác định chính xác tên hàng hóa thực tế, đặc điểm, công dụng, chất liệu, thành phần cấu tạo và mã HS tương ứng của mặt hàng theo Biểu thuế xuất nhập khẩu 2026.

HS code giúp xác định thuế suất, chính sách quản lý hàng hóa (cấm/nhập khẩu, giấy phép, chuyên ngành) và thống kê thương mại. Người khai hải quan chịu trách nhiệm phân loại chính xác, nếu sai có thể bị truy thu thuế.

Bước 2: Kiểm tra chính sách thuế và hàng hóa

Trước khi thực hiện thủ tục hải quan, doanh nghiệp phải rà soát kỹ chính sách mặt hàng và chính sách thuế áp dụng đối với lô hàng dự kiến xuất khẩu. Cụ thể:

❖ Xác định mặt hàng có thuộc danh mục cấm xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu hay phải xin giấy phép từ cơ quan chuyên ngành hay không. Hàng hóa xuất khẩu được chia ra thành các diện như:

- Hàng thương mại thông thường: Nhóm mặt hàng này không bị cấm xuất khẩu và thủ tục xuất khẩu cũng không phức tạp, rắc rối.

- Hàng cấm: Đây là nhóm mặt hàng không thể xuất khẩu được ra thị trường nước ngoài.

- Nhóm hàng cần xin giấy phép xuất khẩu: Đối với nhóm mặt hàng này thì khi làm thủ tục xuất khẩu, nhà kinh doanh, doanh nghiệp cần xin giấy phép đầy đủ. Một số nhóm mặt hàng cần xin giấy phép nhập khẩu bao gồm có: Thuốc tân dược, hạt giống, động thực vật, mẫu khoáng sản, gỗ và các sản phẩm được làm từ gỗ, chất lỏng, mỹ phẩm, than, sách báo, ổ đĩa cứng.

- Nhóm mặt hàng cần kiểm tra chuyên ngành: Thông thường những hàng hóa nhập khẩu sẽ được cơ quan chức năng kiểm tra chuyên ngành hơn là nhóm những mặt hàng xuất khẩu. Thực tế thì vẫn chưa có một quy định cụ thể nào về danh mục các mặt hàng cần phải kiểm tra chuyên ngành khi xuất khẩu ra nước ngoài.

- Hàng phải chịu thuế xuất khẩu: Để có thể xuất khẩu hàng hóa ra được ngoài thì nhà kinh doanh, doanh nghiệp cần phải đóng thuế đầy đủ. Trong trường hợp những mặt hàng này phải chịu thuế xuất khẩu.

- Nhóm hàng hóa xuất khẩu theo hạn ngạch: Là nhóm mặt hàng bị hạn chế về số lượng, khối lượng hay giá trị khi doanh nghiệp xuất ra nước ngoài.

❖ Xác định hàng hóa có thuộc diện chịu thuế xuất khẩu hay được miễn thuế, áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo hiệp định thương mại nào bằng cách:

- Tham khảo các biểu thuế, danh mục hàng hóa ban hành kèm theo các nghị định, thông tư hiện hành. Theo chính sách hiện nay, Nhà nước khuyến khích xuất khẩu nên đa số hàng hóa không phải chịu thuế xuất khẩu. Tuy nhiên, một số mặt hàng như khoáng

sản (than, quặng), lâm sản, gỗ và sản phẩm từ gỗ vẫn nằm trong diện chịu thuế và quản lý nghiêm ngặt.

Bước 3: Chuẩn bị bộ chứng từ cho lô hàng

Doanh nghiệp cần chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định để phục vụ việc khai báo và kiểm tra của cơ quan Hải quan. Bộ chứng từ thông thường gồm:

- Booking Notice
- Hợp đồng thương mại (Sales Contract): thể hiện điều kiện mua bán (Incoterms), số lượng, giá cả.
- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice): giá trị lô hàng, bên mua - bên bán.
- Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List - P/L): mô tả cách đóng gói hàng (kiện, pallet, container...).
- Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O): nếu hàng hóa cần được hưởng ưu đãi thuế quan từ nước nhập khẩu.
- Các giấy phép, chứng từ kiểm tra chuyên ngành (nếu có): theo yêu cầu từng mặt hàng (ví dụ: kiểm dịch, kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm...).

Tất cả tài liệu phải được số hóa hoặc chuẩn bị sẵn bản scan để nộp qua hệ thống một cửa quốc gia.

Bước 4: Khai báo tờ khai hải quan trên ECUS5/VNACCS

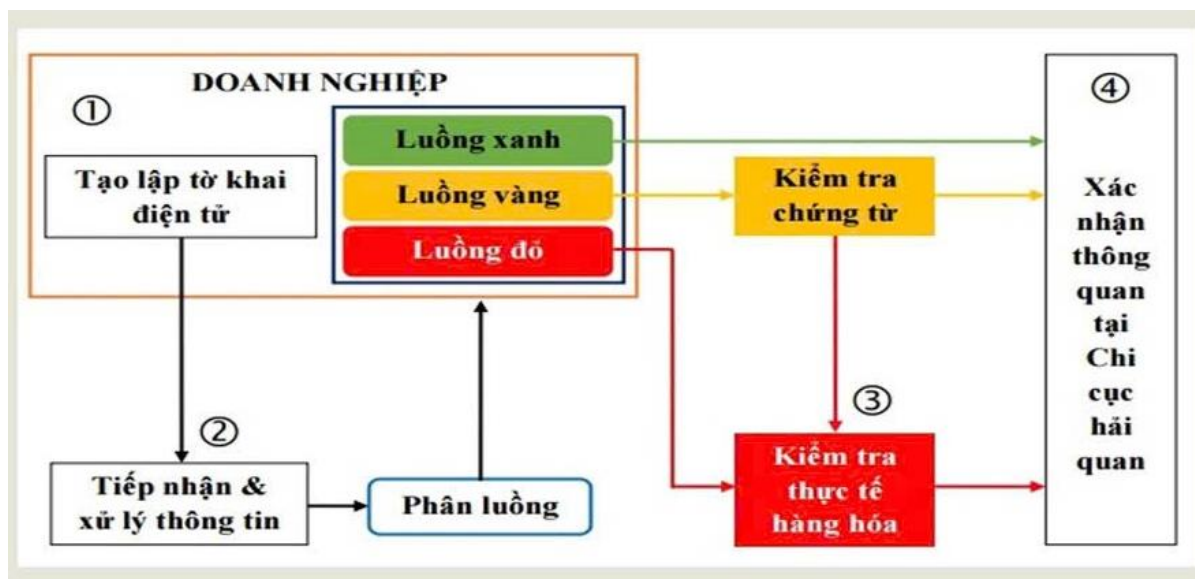
Căn cứ vào những số liệu đã có từ bộ chứng từ, lúc này nhân viên khai báo hải quan sẽ vào phần mềm hải quan điện tử để nhập dữ liệu, lên tờ khai hải quan.

Đối với doanh nghiệp lần đầu tiên xuất khẩu hàng hóa thì cần thực hiện thêm một số công việc khác bao gồm:

- Mua chữ ký số từ những công ty uy tín như Viettel, VNPT, BKAV, Thái Sơn...
- Đăng ký chữ ký số với Tổng cục hải quan (hệ thống VNACCS).
- Tải và cài đặt phần mềm khai báo hải quan điện tử. Hiện nay phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS của công ty Thái Sơn đang là phần mềm được đại đa số doanh nghiệp sử dụng.
- Sau khi cài đặt thành công phần mềm khai báo hải quan điện tử thì doanh nghiệp tiến hành khai báo thông tin lô hàng vào phần mềm. Sau khi truyền tờ khai hải quan xong thì in tờ khai và làm thủ tục tiếp tại chi cục hải quan như những bước ở dưới.

Bước 5: Tiếp nhận và xử lý phân luồng hải quan

Công chức hải quan tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ khai báo trên hệ thống. Căn cứ vào mức độ rủi ro của lô hàng, hệ thống sẽ tự động phân loại tờ khai vào các luồng kiểm tra tương ứng, bao gồm ba luồng sau:



(Nguồn: Bài giảng GNHH và KHHQ -2025, ThS. Trần Thúy Kiều)

Hình 1.1 Phân luồng tờ khai hải quan

❖ **Luồng xanh:**

Luồng xanh là kết quả phân luồng mà mọi doanh nghiệp đều mong muốn, đồng nghĩa với việc hệ thống chấp nhận thông quan lô hàng dựa trên thông tin khai báo điện tử. Hàng hóa được miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ giấy và miễn kiểm tra thực tế.

Đây là cơ chế ưu tiên cao nhất, giúp đẩy nhanh tốc độ lưu thông hàng hóa và giảm thiểu chi phí cho doanh nghiệp. Theo quy định, các doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan, không có lịch sử vi phạm, và mặt hàng không thuộc diện rủi ro cao thường được phân vào luồng này.

❖ **Luồng vàng:**

Luồng Vàng yêu cầu cơ quan hải quan kiểm tra chi tiết hồ sơ của lô hàng nhưng miễn kiểm tra thực tế hàng hóa. Khi nhận được kết quả này, doanh nghiệp cần chuẩn bị bộ chứng từ đầy đủ và hợp lệ để nộp cho cán bộ hải quan.

Mục đích của việc kiểm tra hồ sơ là để xác minh tính chính xác và hợp pháp của các thông tin đã khai báo, đảm bảo sự thống nhất giữa tờ khai và các chứng từ gốc. Đây là luồng phổ biến đối với các doanh nghiệp lần đầu nhập khẩu mặt hàng mới hoặc có một số dấu hiệu rủi ro chưa rõ ràng.

❖ **Luồng đỏ:**

Luồng Đỏ là mức độ kiểm tra cao nhất, yêu cầu hải quan phải kiểm tra chi tiết hồ sơ đồng thời kiểm tra thực tế hàng hóa. Lô hàng bị phân vào luồng này khi có dấu hiệu vi phạm rõ ràng, mặt hàng thuộc danh mục rủi ro cao về trị giá, mã HS, hoặc doanh nghiệp có lịch sử tuân thủ kém.

Việc kiểm tra thực tế nhằm đối chiếu sự phù hợp giữa khai báo trên tờ khai và hàng hóa thực tế về tên gọi, số lượng, chủng loại, mã số, xuất xứ...

Bước 6: Thông quan hàng hóa

Sau khi cơ quan hải quan hoàn tất việc kiểm tra hồ sơ và hàng hóa (nếu có), hệ thống sẽ xác nhận tờ khai đủ điều kiện thông quan. Doanh nghiệp tiến hành nộp thuế xuất khẩu và các khoản phí liên quan (nếu phát sinh) để hoàn tất nghĩa vụ với cơ quan hải quan.

Khi tờ khai được thông quan, doanh nghiệp được phép đưa hàng hóa vào khu vực giám sát hải quan để thực hiện thủ tục hạ container tại cảng và chuẩn bị xếp hàng lên tàu xuất khẩu. Đây là bước xác nhận lô hàng đã hoàn thành thủ tục hải quan và đủ điều kiện xuất khẩu ra nước ngoài.

Bước 7: Thanh lý/ vào sổ tàu

Sau khi tờ khai hải quan được thông quan, doanh nghiệp tiến hành thực hiện thủ tục thanh lý tờ khai và vào sổ tàu để đưa hàng lên phương tiện vận chuyển xuất khẩu. Đây là bước xác nhận hàng hóa đã hoàn tất thủ tục hải quan và đủ điều kiện xếp lên tàu hoặc phương tiện vận chuyển quốc tế.

Đối với hàng xuất khẩu bằng đường biển, doanh nghiệp hoặc đơn vị giao nhận sẽ mang tờ khai đã được thông quan đến cảng, kho bãi hoặc hãng tàu để thực hiện thanh lý tờ khai. Cơ quan hải quan giám sát tại cảng sẽ kiểm tra thông tin container, số seal, số tờ khai và xác nhận hàng đủ điều kiện qua khu vực giám sát.

Sau đó, doanh nghiệp tiến hành vào sổ tàu (đăng ký danh sách hàng hóa xếp lên tàu). Hãng tàu hoặc cảng sẽ căn cứ vào booking, manifest và thông tin container để sắp xếp kế hoạch xếp hàng lên tàu xuất khẩu.

Đối với hàng container nguyên (FCL), container sau khi được hạ bãi và thanh lý sẽ chờ xếp lên tàu theo lịch trình vận chuyển. Đối với hàng lẻ (LCL), hàng hóa được đưa vào kho CFS để gom hàng trước khi xuất khẩu.

Bước 8: Lưu trữ hồ sơ

Sau khi hoàn tất thủ tục xuất khẩu và hàng hóa đã được xếp lên tàu, doanh nghiệp tiến hành lưu trữ toàn bộ hồ sơ, chứng từ liên quan đến lô hàng theo quy định của cơ quan hải quan. Việc lưu trữ hồ sơ nhằm phục vụ cho công tác kiểm tra sau thông quan, đối chiếu chứng từ, giải quyết khiếu nại và quản lý hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp.

Các chứng từ cần lưu trữ bao gồm: tờ khai hải quan xuất khẩu, tờ khai mã vạch, hợp đồng ngoại thương, hóa đơn thương mại (Commercial Invoice), phiếu đóng gói (Packing List – P/L), vận đơn (Bill of Lading – B/L), phiếu xác nhận khối lượng container (VGM), giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) và các chứng từ chuyên ngành khác (nếu có).

Doanh nghiệp cần sắp xếp và bảo quản hồ sơ đầy đủ, khoa học để thuận tiện cho việc tra cứu và cung cấp khi cơ quan chức năng yêu cầu.

1.3 Các quy định hệ thống pháp lý và hệ thống chứng từ

1.3.1 Các quy định pháp lý

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tương đối đầy đủ và chặt chẽ, từ luật đến các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể:

❖ Các văn bản luật và nghị định

Luật Hải quan năm 2014 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan năm 2005): Đây là văn bản pháp lý cao nhất trong lĩnh vực hải quan, quy định về nguyên tắc quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, trách nhiệm của các chủ thể tham gia, trình tự, thủ tục và quyền hạn của cơ quan hải quan.

Luật Quản lý ngoại thương năm 2017: Quy định các nguyên tắc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu theo danh mục hàng hóa cấm, tạm ngừng, hoặc xuất khẩu có điều kiện.

Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016: Quy định về đối tượng chịu thuế, biểu thuế, cách tính thuế, thời điểm nộp và miễn giảm thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, là cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp khi xuất khẩu hàng hóa.

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 59/2018/NĐ-CP: Hướng dẫn chi tiết về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan; trách nhiệm của cơ quan hải quan và người khai hải quan.

❖ Các thông tư hướng dẫn và văn bản dưới luật

Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018: Hướng dẫn về thủ tục hải quan, hồ sơ hải quan điện tử, kiểm tra sau thông quan, quản lý rủi ro trong lĩnh vực hải quan. Đây là văn bản đóng vai trò quan trọng trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan tại doanh nghiệp.

Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015: Hướng dẫn về phân loại hàng hóa, áp mã số HS và áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021: Quy định quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định EVFTA, liên quan đến các ưu đãi về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu sang EU – có thể được áp dụng tùy từng thị trường.

❖ Các quy định liên quan khác

Công ước HS của Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO): Là cơ sở để xây dựng hệ thống mã HS (Harmonized System), được sử dụng thống nhất trong phân loại hàng hóa trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Các điều kiện thương mại quốc tế – Incoterms do ICC ban hành (phiên bản 2020): Là căn cứ xác định trách nhiệm giữa người bán và người mua trong giao nhận, làm thủ tục hải quan và chịu chi phí liên quan.

Các văn bản nêu trên tạo thành khung pháp lý quan trọng, chi phối toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu tại Việt Nam. Việc tuân thủ đầy đủ và đúng quy định giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro pháp lý, tiết kiệm thời gian và chi phí trong hoạt động xuất khẩu.

1.3.2 Hệ thống chứng từ

Khi làm thủ tục hải quan xuất khẩu, doanh nghiệp cần chuẩn bị đầy đủ bộ hồ sơ bao gồm các chứng từ cơ bản sau:

- Tờ khai hải quan: Khai trên hệ thống VNACCS/VCIS, chứa thông tin lô hàng và kết quả phân luồng.
- Hợp đồng thương mại: Thỏa thuận mua bán giữa bên xuất khẩu và bên nhập khẩu.
- Hóa đơn thương mại (Invoice): Thể hiện giá trị và nội dung giao dịch hàng hóa.
- Phiếu đóng gói (Packing List): Chi tiết cách đóng gói và số lượng hàng hóa.
- Vận đơn (Bill of Lading): Chứng từ vận chuyển do hãng tàu phát hành.
- Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O): Xác nhận nguồn gốc hàng hóa, nếu cần.

- Giấy phép hoặc chứng từ quản lý chuyên ngành: Đối với hàng thuộc diện kiểm tra đặc biệt.

- Chứng từ vận tải và bảo hiểm: Nếu điều kiện xuất khẩu yêu cầu.

1.4 Các rủi ro ảnh hưởng đến dịch vụ khai báo hải quan trong gian đoạn hiện nay

1.4.1 Sai sót trong hồ sơ hải quan

Trong quy trình thực hiện thủ tục hải quan hàng hóa xuất khẩu, hồ sơ hải quan đóng vai trò là căn cứ pháp lý để cơ quan hải quan xem xét, kiểm tra và quyết định thông quan hàng hóa. Do đó, bất kỳ sai sót nào trong quá trình lập và khai báo hồ sơ đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của toàn bộ quy trình.

Trên thực tế, các sai sót thường gặp bao gồm khai báo không chính xác mã số hàng hóa (HS Code), trị giá hải quan, xuất xứ hàng hóa hoặc thông tin trên tờ khai không thống nhất với các chứng từ liên quan như hợp đồng thương mại, hóa đơn thương mại (Commercial Invoice), phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List) và vận đơn. Ngoài ra, việc thiếu chứng từ hoặc sử dụng chứng từ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành cũng là nguyên nhân phổ biến dẫn đến việc hồ sơ bị từ chối hoặc yêu cầu bổ sung.

Những sai sót này không chỉ làm kéo dài thời gian xử lý thủ tục mà còn phát sinh chi phí sửa đổi hồ sơ, lưu kho bãi và ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng cho khách hàng. Trong trường hợp nghiêm trọng, doanh nghiệp có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị đưa vào diện kiểm tra, giám sát chặt chẽ hơn trong các lô hàng tiếp theo. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng kiểm tra và kiểm soát hồ sơ trước khi khai báo là yêu cầu cần thiết nhằm hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả quy trình thủ tục hải quan hàng hóa xuất khẩu.

1.4.2 Thay đổi chính sách và quy định pháp luật

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật tương đối rộng, bao gồm các quy định về hải quan, thuế xuất khẩu, quản lý ngoại thương, kiểm tra chuyên ngành và các cam kết thương mại quốc tế. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, các quy định này thường xuyên được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và thông lệ quốc tế.

Sự thay đổi của chính sách pháp luật có thể tạo ra những thách thức đáng kể đối với doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu. Nếu doanh nghiệp không cập nhật kịp thời các quy định mới, việc áp dụng sai căn cứ pháp lý hoặc chuẩn bị hồ sơ không đúng yêu cầu có thể dẫn đến sai sót trong khai báo, phát sinh thủ tục bổ sung hoặc phải điều chỉnh hồ sơ nhiều lần. Điều này làm gia tăng thời gian thông quan, chi phí thực hiện thủ tục và ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng tiến độ giao hàng theo hợp đồng.

Các quy định mới liên quan đến xuất xứ hàng hóa, kiểm tra chuyên ngành, truy xuất nguồn gốc hoặc yêu cầu của thị trường nhập khẩu cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động thích ứng để đảm bảo tuân thủ. Do vậy, việc thường xuyên cập nhật và phổ

biến các văn bản pháp luật mới cho đội ngũ nhân viên là giải pháp quan trọng nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu.

1.4.3 Rủi ro từ hệ thống hải quan điện tử

Việc triển khai hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS đã góp phần hiện đại hóa hoạt động hải quan tại Việt Nam, giúp doanh nghiệp thực hiện khai báo nhanh chóng, giảm thiểu thủ tục giấy tờ và nâng cao tính minh bạch trong quá trình thông quan hàng hóa. Tuy nhiên, sự phụ thuộc ngày càng lớn vào công nghệ thông tin cũng làm phát sinh nhiều rủi ro ảnh hưởng đến quy trình thủ tục hải quan xuất khẩu.

Các sự cố như lỗi hệ thống, quá tải đường truyền, mất kết nối mạng hoặc lỗi trong quá trình truyền nhận dữ liệu có thể khiến doanh nghiệp không thể đăng ký tờ khai hoặc xử lý hồ sơ đúng thời gian dự kiến. Đối với những lô hàng có lịch xuất khẩu cố định, đặc biệt là hàng hóa vận chuyển bằng đường biển hoặc đường hàng không, việc chậm trễ trong khâu khai báo có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch giao hàng và làm phát sinh các chi phí liên quan.

Ngoài ra, việc sử dụng hệ thống điện tử đòi hỏi nhân viên khai báo phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng công nghệ phù hợp. Nếu người thực hiện chưa nắm vững quy trình vận hành hoặc không kịp thời cập nhật các thay đổi của hệ thống, nguy cơ xảy ra sai sót trong quá trình khai báo sẽ gia tăng. Do đó, để nâng cao hiệu quả quy trình thủ tục hải quan hàng hóa xuất khẩu, doanh nghiệp cần chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng phương án xử lý sự cố và thường xuyên đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của môi trường hải quan điện tử hiện đại.

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Trong chương 1, tác giả đã trình bày cơ sở lý luận liên quan đến hoạt động logistics và thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu. Đồng thời, chương này cũng giới thiệu tổng quan về quy trình khai báo hải quan điện tử, vai trò của thủ tục hải quan và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện thủ tục hải quan tại doanh nghiệp.

Tác giả còn nghiên cứu quy trình thực hiện thủ tục hải quan điện tử tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, từ đó làm cơ sở để phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan ở các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) BẰNG ĐƯỜNG BIỂN CỦA CÔNG TY TNHH TMDV LONG NGUYÊN TOÀN

2.1 Khái quát về đơn vị nghiên cứu

Long Nguyên Toàn Logistics là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải, cung cấp các giải pháp toàn diện nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa ngày càng đa dạng của khách hàng trong và ngoài nước. Công ty tập trung phát triển các loại hình dịch vụ chủ yếu như vận tải đường bộ, vận tải đường biển, vận tải đường hàng không, dịch vụ khai báo hải quan và các dịch vụ logistics liên quan. Với phương châm lấy khách hàng làm trung tâm, Long Nguyên Toàn Logistics luôn nỗ lực mang đến những giải pháp vận chuyển tối ưu, an toàn và hiệu quả.

Ngay từ khi thành lập, Long Nguyên Toàn Logistics đã định hướng phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa hoạt động, lấy chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm. Công ty đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, am hiểu quy trình logistics và pháp luật liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. Bên cạnh kiến thức chuyên môn, đội ngũ nhân sự còn được đào tạo về kỹ năng giao tiếp, tác phong làm việc chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao, nhằm đảm bảo phục vụ khách hàng một cách nhanh chóng, chính xác và tận tâm.

Long Nguyên Toàn Logistics không ngừng hoàn thiện và chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, từ khâu tiếp nhận thông tin, tư vấn giải pháp, tổ chức vận chuyển cho đến theo dõi và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ. Việc áp dụng các quy trình vận hành khoa học giúp công ty nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm chi phí và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động logistics. Đồng thời, công ty cũng chú trọng mở rộng mạng lưới đối tác trong và ngoài nước, thiết lập mối quan hệ hợp tác bền vững với các hãng vận tải, đại lý và cơ quan chức năng, qua đó từng bước khẳng định uy tín và vị thế của mình trên thị trường logistics.



(Nguồn: Website của công ty)

Hình 2.1 Logo của công ty TNHH TMDV Long Nguyên Toàn

- Tên công ty: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Long Nguyên Toàn
- Tên quốc tế: Long Nguyen Toan Services Trading Company Limited
- Tên viết tắt: LNT ST CO., LTD/LNT Logistics
- Mã số thuế: 0317205380
- Ngày hoạt động: 17/03/2022
- Loại hình DN: Công ty TNHH ngoài Nhà nước
- Người đại diện: Nguyễn Hạnh Nguyên
- Địa chỉ VP chính: 11 Đường số 12, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Địa chỉ VPĐD: Tòa nhà Nice Office Building, 467 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ VP Đà Nẵng: 65 Hà Tông Quyền, Phường Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
- Hotline: 023.6370.0086
- Email: dng.lnt@longnguyentoan.com
- Website: www.longnguyentoan.com

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH TMDV Long Nguyên Toàn chính thức thành lập vào ngày 17/03/2022, tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Sự ra đời của công ty gắn liền với bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, khi nhu cầu giao thương và vận chuyển hàng hóa giữa các quốc gia ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Việt Nam, với lợi thế là quốc gia có vị trí địa lý chiến lược, hệ thống cảng biển phát triển và tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu cao đã mở ra nhiều cơ hội cho ngành logistics. Nhận thấy tiềm năng đó, Long Nguyên Toàn Logistics đã quyết định thâm nhập ngành với định hướng phát triển trở thành đối tác logistics tin cậy, nhà cung cấp các giải pháp vận tải và dịch vụ logistics toàn diện để đồng hành cùng doanh nghiệp Việt vươn ra thế giới. Nhờ định hướng chuyên nghiệp và thái độ phục vụ tận tâm, công ty đã nhanh chóng thiết lập mạng lưới đối tác chiến lược

tại các thị trường trọng điểm như Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc và hợp tác chặt chẽ với nhiều hãng tàu, hãng hàng không lớn. Không chỉ tập trung hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh, để tiếp cận các phân khúc khách hàng mới, công ty đã mở rộng hoạt động ra miền Trung bằng việc thành lập chi nhánh tại Đà Nẵng vào ngày 23/06/2025. Bước đi này nhằm khai thác tiềm năng của Đà Nẵng với vai trò là cửa ngõ ra biển của Hành lang kinh tế Đông - Tây, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Xuyên suốt quá trình hoạt động, Long Nguyên Toàn Logistics luôn lấy phương châm “Uy tín - An toàn - Hiệu quả” làm kim chỉ nam để phát triển bền vững trên thị trường vận tải.

2.1.2 Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

2.1.2.1 Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp logistics hàng đầu Việt Nam, định hình tương lai của ngành bằng sự đổi mới. Cam kết tiên phong trong việc cung cấp các giải pháp kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu an toàn và hiệu quả nhất.

2.1.2.2 Sứ mệnh

Mang đến các giải pháp logistics vượt trội, giúp tối ưu hóa chuỗi cung ứng và hiện thực hóa mục tiêu chiến lược của khách hàng. Long Nguyên Toàn lấy sự thành công của khách hàng và đối tác làm thước đo cho sự phát triển của chính mình.

2.1.2.3 Giá trị cốt lõi

- ❖ Uy tín: Xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược và bền vững qua cam kết đồng hành dài hạn, lấy sự phát triển và thành công của khách hàng làm mục tiêu trọng tâm.
- ❖ An toàn: Coi sự an toàn của hàng hóa là ưu tiên cao nhất trong mọi hoạt động. Mọi giải pháp vận chuyển đều được thiết kế để đảm bảo tính toàn vẹn của tài sản và giảm thiểu rủi ro, giúp quá trình giao thương của khách hàng luôn thông suốt.
- ❖ Hiệu quả: Tối ưu hóa thời gian, chi phí và nguồn lực cho khách hàng qua quy trình làm việc chuyên nghiệp, sự tận tâm trong từng chi tiết và khả năng cung cấp giải pháp phù hợp nhất, mang lại giá trị thiết thực.

2.1.3 Ngành nghề kinh doanh

2.1.3.1 Vận tải đường biển

Long Nguyên Toàn Logistics là đơn vị có thế mạnh trong lĩnh vực vận tải đường biển quốc tế, cung cấp dịch vụ vận chuyển cho cả hàng nguyên container (FCL) và hàng

lẻ (LCL). Công ty xây dựng mạng lưới vận chuyển rộng khắp, kết nối Việt Nam với các cảng biển lớn tại châu Á, châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương thông qua việc hợp tác với các hãng tàu uy tín. Nhờ đó, hoạt động vận tải biển được tổ chức ổn định, đảm bảo hàng hóa được vận chuyển an toàn, đúng tiến độ và tối ưu chi phí cho khách hàng.

2.1.3.2 Vận tải đường hàng không

Dịch vụ vận tải đường hàng không của Long Nguyên Toàn Logistics đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa với tốc độ nhanh, mức độ an toàn cao và yêu cầu bảo mật nghiêm ngặt đến các thị trường trên toàn cầu. Công ty có kinh nghiệm trong việc tổ chức vận chuyển nhiều loại hàng hóa đặc thù như hàng dễ vỡ, hàng có giá trị cao và hàng nguy hiểm, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan. Nhờ quy trình khai thác và xử lý chuyên nghiệp, hàng hóa được thông quan nhanh chóng và giao đến địa điểm nhận đúng thời hạn cam kết.

2.1.3.3 Vận tải đường bộ

Là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng logistics, dịch vụ vận tải đường bộ của Long Nguyên Toàn Logistics đóng vai trò kết nối linh hoạt giữa cảng biển, sân bay và hệ thống kho bãi trên phạm vi toàn quốc. Công ty sở hữu đội xe đa dạng về tải trọng, đáp ứng nhu cầu vận chuyển nhiều loại hàng hóa khác nhau, kết hợp với hệ thống quản lý và điều phối hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả vận hành. Nhờ đó, hàng hóa được giao nhận an toàn, đúng lịch trình, góp phần tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động logistics cho khách hàng.

2.1.3.4 Dịch vụ hải quan

Long Nguyên Toàn Logistics cung cấp dịch vụ khai báo hải quan trọn gói, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục xuất nhập khẩu một cách nhanh chóng, chính xác và đúng quy định pháp luật. Với đội ngũ chuyên viên có kinh nghiệm, am hiểu sâu về chính sách thuế, quy định hải quan và các văn bản pháp luật liên quan, công ty giúp khách hàng tối ưu chi phí thuế, hạn chế rủi ro pháp lý và giảm thiểu các sai sót trong quá trình khai báo. Nhờ quy trình làm việc chuyên nghiệp và phối hợp chặt chẽ với cơ quan hải quan, hàng hóa của khách hàng được thông quan thuận lợi, đảm bảo hoạt động lưu thông không bị gián đoạn.

2.1.3.5 Dịch vụ kho bãi

Công ty sở hữu hệ thống kho bãi đạt chuẩn, cung cấp dịch vụ lưu trữ, quản lý hàng tồn, bốc xếp và đóng gói chuyên nghiệp. Với vị trí thuận lợi và hệ thống an ninh

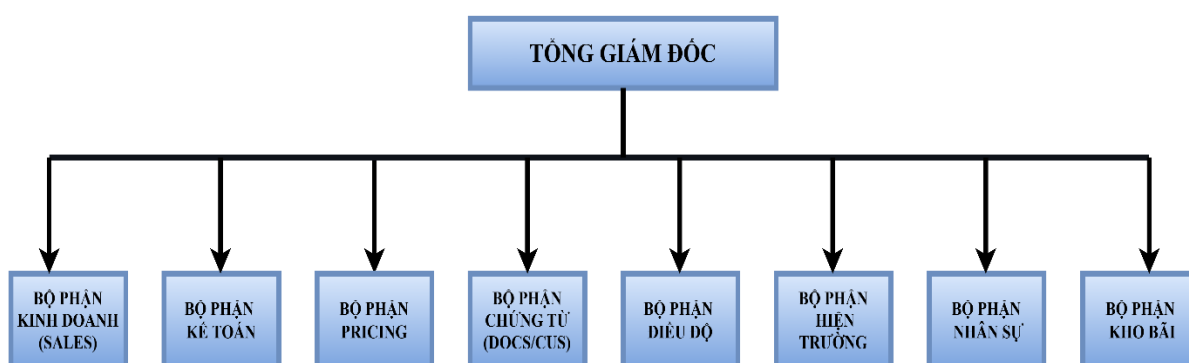
hiện đại, hàng hóa luôn được bảo quản an toàn và dễ dàng phân phối. Dịch vụ kho bãi giúp doanh nghiệp giảm chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng.

2.1.3.6 Hàng siêu trường, siêu trọng

Long Nguyên Toàn Logistics chuyên cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và hàng quá khổ, quá tải bằng các giải pháp kỹ thuật chuyên biệt cùng hệ thống phương tiện vận chuyển chuyên dụng. Công ty thực hiện đầy đủ các bước từ khảo sát tuyến đường, lập phương án vận chuyển đến tổ chức giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình thực hiện nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hàng hóa và phương tiện. Dịch vụ này đặc biệt phù hợp với các dự án công nghiệp, xây dựng và vận chuyển thiết bị, máy móc có tải trọng lớn, đồng thời đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành.

2.1.4 Cơ cấu tổ chức của Long Nguyên Toàn Logistic

2.1.4.1 Cấu trúc sơ đồ cơ cấu của công ty



(Nguồn: Nội bộ công ty)

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty

2.1.4.2 Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

a) Tổng giám đốc: Là người đứng đầu công ty, chịu trách nhiệm trong việc đưa ra các quyết định chiến lược, định hướng phát triển và tăng trưởng của công ty, đảm bảo cho công ty hoạt động hiệu quả.

b) Bộ phận Kinh doanh (Sales): Giữ vai trò chủ lực trong việc tạo ra doanh thu và mở rộng thị phần. Bộ phận này chịu trách nhiệm xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược và tư vấn các giải pháp logistics tối ưu nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

c) Bộ phận Kế Toán: Phụ trách các khía cạnh kinh tế - tài chính của công ty, bao gồm ghi nhận các giao dịch kinh tế, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế; rà soát, theo dõi, đối chiếu các khoản thu chi, xuất hóa đơn và công nợ của công ty. Bộ phận này giúp đảm bảo sự minh bạch, ổn định và hiệu quả trong hoạt động tài chính của công ty.

d) Bộ phận Pricing: Chịu trách nhiệm phân tích thị trường để xây dựng hệ thống giá cước cạnh tranh. Bộ phận còn phối hợp chặt chẽ với các hãng vận tải và đội ngũ kinh doanh để cập nhật, đưa ra báo giá tối ưu, cân bằng giữa lợi ích khách hàng và hiệu quả tài chính.

e) Bộ phận Chứng Từ (Documentation - Docs/Cus): Giữ vai trò xử lý toàn bộ hồ sơ, giấy tờ xuất nhập khẩu, đảm bảo tính chính xác và hợp lệ của chứng từ theo quy định. Hoạt động hiệu quả của bộ phận là yếu tố tiên quyết giúp quá trình thông quan diễn ra thuận lợi, đúng tiến độ.

f) Bộ phận Điều độ (Coordinator): Giữ vai trò trung tâm trong việc lập kế hoạch và điều phối quá trình vận chuyển hàng hóa. Bộ phận tối ưu hóa lịch trình và xử lý các vấn đề phát sinh nhằm đảm bảo hàng hóa được giao đúng hạn với chi phí hiệu quả nhất.

g) Bộ phận Hiện trường (Operation - Ops): Thực hiện giám sát trực tiếp các hoạt động tác nghiệp tại cảng và kho bãi. Nhiệm vụ chính là đảm bảo quy trình bốc xếp, kiểm đếm, niêm phong và vận chuyển diễn ra an toàn, chính xác và giải quyết các vấn đề phát sinh tại chỗ.

h) Bộ phận Nhân sự (HR): Đảm nhiệm hai nhóm chức năng trọng yếu, về hành chính, phòng chịu trách nhiệm quản lý hoạt động văn phòng, chuẩn bị và lưu trữ hồ sơ, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị và hậu cần phục vụ công việc; về nhân sự, phòng thực hiện toàn bộ quy trình quản lý lao động từ tuyển dụng, bố trí và hội nhập nhân viên mới, đến đào tạo nâng cao năng lực, đánh giá hiệu suất, quản lý tiền lương, chế độ đãi ngộ và phúc lợi.

i) Bộ phận Kho bãi (Warehouse): Chịu trách nhiệm quản lý, bảo quản, sắp xếp, phân loại, lưu trữ hàng hóa một khoa học và an toàn, đồng thời tổ chức xuất – nhập hàng theo đúng quy trình, đảm bảo hàng hóa không bị hư hỏng, thất lạc hay sai lệch số lượng.

2.1.5 Các nguồn lực của doanh nghiệp ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh

2.1.5.1 Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Long Nguyên Toàn Logistics, tác động trực tiếp đến hiệu quả vận hành, chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Việc đầu tư đầy đủ và đồng bộ hệ thống cơ sở vật chất giúp doanh nghiệp đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp, hỗ trợ tốt cho công tác quản lý, điều phối và chăm sóc khách hàng. Dưới đây là bảng danh sách cơ sở vật chất của công ty:

Bảng 2.1 Danh mục cơ sở vật chất của công ty

DANH MỤC	SỐ LƯỢNG
Văn phòng	2 văn phòng
Số đầu xe container	12 chiếc
Nhà kho	1 cái
Máy tính	40 cái
Bàn làm việc	40 cái
Ghế làm việc	55 chiếc (gồm của ghế nhân viên và ghế phòng họp)
Máy in	2 máy
Điện thoại văn phòng	40 máy
Tủ lưu tài liệu	2 cái
Tủ lạnh	2 cái
Máy lọc nước	2 cái

(Nguồn: Nội bộ công ty)



Hình 2.2 Hình ảnh văn phòng công ty



Hình 2.3 Hình ảnh container và nhà kho công ty

Thông qua Bảng 2.1.5.1 và các hình ảnh minh họa (Hình 2.1.5.1), có thể thấy cơ sở vật chất của công ty được đầu tư khá đồng bộ và phù hợp với đặc thù hoạt động trong

lĩnh vực logistics. Hệ thống văn phòng làm việc được bố trí khoa học với không gian làm việc mở, được trang bị đầy đủ máy tính, bàn ghế, thiết bị văn phòng và khu vực tiếp khách, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên trong quá trình làm việc, trao đổi thông tin và xử lý nghiệp vụ. Môi trường làm việc gọn gàng, chuyên nghiệp không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả công việc mà còn thể hiện hình ảnh uy tín, chuyên nghiệp của doanh nghiệp đối với khách hàng và đối tác.

Công ty sở hữu đội xe đầu kéo container với số lượng tương đối lớn, cho thấy năng lực chủ động trong hoạt động vận chuyển hàng hóa đường bộ, đặc biệt là các tuyến nội địa và kết nối cảng biển. Việc đầu tư phương tiện vận tải riêng giúp doanh nghiệp linh hoạt trong điều phối, kiểm soát tốt thời gian giao nhận và giảm sự phụ thuộc vào đơn vị vận tải bên ngoài. Khu vực nhà kho được đầu tư với hệ thống bốc xếp và lưu trữ hàng hóa tương đối hoàn chỉnh; hàng hóa được sắp xếp gọn gàng, khoa học, có phân khu chức năng rõ ràng và sử dụng xe nâng trong quá trình xếp dỡ, qua đó đảm bảo an toàn cho hàng hóa và nâng cao hiệu quả khai thác kho bãi.

Các trang thiết bị hỗ trợ như máy in, tủ lưu trữ tài liệu, hệ thống liên lạc và các tiện ích phục vụ sinh hoạt văn phòng cũng được trang bị đầy đủ, góp phần hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động quản lý và điều hành. Việc kết hợp hài hòa giữa cơ sở hạ tầng văn phòng, phương tiện vận tải và kho bãi giúp công ty đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển, lưu trữ và xử lý hàng hóa của khách hàng. Đây là nền tảng quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng dịch vụ logistics, tối ưu hóa quy trình hoạt động và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường.

2.1.5.2 Nguồn nhân lực

Long Nguyên Toàn Logistics hiện đang hoạt động với gần 60 nhân sự. Với bảng số liệu nhân sự giai đoạn 2024-2025 như sau:

Bảng 2.2 Bảng nhân sự của công ty giai đoạn 2024-2025

Phân loại	2024	2025	Chênh lệch	
I. Phân chia theo công việc			+/-	%
Ban lãnh đạo	2	2	0	0%
Nhân viên kinh doanh	26	32	6	23%
Kế toán	2	3	1	50%
Pricing	5	6	1	20%
Chứng từ	7	8	1	14%

Phân loại	2024	2025	Chênh lệch	
Điều độ	2	2	0	0%
Hiện trường	2	2	0	0%
Kho bãi	3	4	1	33%
Hành chính	3	4	1	33%
Tổng cộng	52	66	14	21%
II. Phân chia theo trình độ				
Trên Đại học	3	5	2	67%
Đại học/Cao đẳng	42	53	11	26%
Trung cấp/Lao động phổ thông	7	8	1	14%
Tổng cộng	52	66	14	27%
III. Theo giới tính				
Nam	23	29	6	26%
Nữ	29	37	8	28%

(Nguồn: Nội bộ công ty)

Dựa vào số liệu bảng 2.1.5.2, tổng số nhân sự của công ty tăng từ 52 người năm 2024 lên 66 người năm 2025, tương ứng tăng 14 người, đạt mức tăng 21%. Điều này cho thấy quy mô hoạt động và nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp đang ngày càng mở rộng. Sự gia tăng nhân sự tập trung chủ yếu ở bộ phận kinh doanh khi tăng từ 26 lên 32 người, tương ứng tăng 23%, phản ánh định hướng đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm khách hàng và mở rộng thị trường. Ngoài ra, các bộ phận kế toán, pricing, chứng từ, kho bãi và nhân sự (HR) đều tăng thêm nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu xử lý công việc khi sản lượng và quy mô hoạt động của công ty tăng lên. Trong khi đó, ban lãnh đạo, điều độ và hiện trường giữ nguyên số lượng nhân sự, cho thấy cơ cấu quản lý và vận hành hiện tại vẫn đáp ứng được nhu cầu hoạt động của doanh nghiệp.

Về trình độ chuyên môn, lao động có trình độ đại học/cao đẳng vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nhân sự và tăng từ 42 lên 53 người, tương ứng tăng 26%. Đồng thời, số lao động trên đại học tăng từ 3 lên 5 người, tương ứng tăng 67%, cho thấy công ty ngày càng chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ưu tiên tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn của ngành logistics. Trong khi đó, lao động trung cấp và lao động phổ thông chỉ tăng nhẹ từ 7 lên

8 người, tương ứng tăng 14%, cho thấy doanh nghiệp tập trung phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn thay vì mở rộng lao động giản đơn.

Về cơ cấu theo giới tính, lao động nữ chiếm tỷ trọng cao hơn và tăng từ 29 lên 37 người, tương ứng tăng 28%, chủ yếu tập trung ở các bộ phận như kinh doanh, kế toán, chứng từ - những vị trí đòi hỏi sự cẩn thận, tỉ mỉ và kỹ năng xử lý nghiệp vụ. Lao động nam tăng từ 23 lên 29 người, tương ứng tăng 26%, chủ yếu đảm nhiệm các công việc liên quan đến điều độ, giao nhận và vận hành hiện trường.

Nhìn chung, cơ cấu nhân sự của công ty giai đoạn 2024–2025 được phân bổ tương đối hợp lý, vừa mở rộng về quy mô vừa từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Điều này phù hợp với định hướng phát triển và chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới.

2.1.5.3 Nguồn lực tài chính

❖ *Tình hình tài sản:*

Bảng 2.3 Tình hình tài sản của công ty giai đoạn 2023-2025

(Đơn vị: Triệu đồng)

	TÀI SẢN	2023	2024	2025	CHÊNH LỆCH			
					2024/2023 (+/-)	2024/2023 (%)	2025/2024 (+/-)	2025/2024 (%)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.124,86	1.299,47	1.528,92	174,61	15,52	229,45	17,66
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	218,73	256,94	295,68	38,21	17,47	38,74	15,08
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	34,58	41,26	38,79	6,68	19,32	-2,47	-5,99
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	806,92	940,38	1.115,47	133,46	16,54	175,09	18,62
IV	Tài sản ngắn hạn khác	64,63	60,89	78,98	-3,74	-5,79	18,09	29,71
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	642,37	745,86	871,24	103,49	16,11	125,38	16,81
I	Tài sản cố định	481,26	556,48	658,93	75,22	15,63	102,45	18,41
II	Tài sản dài hạn khác	161,11	189,38	212,31	28,27	17,55	22,93	12,11
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.767,23	2.045,33	2.400,16	278,10	15,74	354,83	17,35

(Nguồn: Bộ phận kế toán)

Qua bảng 2.1.5.3, nhìn chung tổng tài sản của Long Nguyên Toàn Logistics tăng qua các năm, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng có sự khác nhau giữa các năm. Cụ thể, tổng tài sản năm 2024 đạt 2.045,33 triệu đồng, tăng 278,10 triệu đồng (15,74%) so với năm 2023; đến năm 2025, tổng tài sản tiếp tục tăng lên 2.400,16 triệu đồng, tương ứng tăng 354,83 triệu đồng (17,35%) so với năm 2024. Mức tăng trưởng này cho thấy doanh nghiệp đang từng bước mở rộng quy mô hoạt động và củng cố tiềm lực tài chính.

Xét về tài sản ngắn hạn, đây là bộ phận chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản và có mức tăng đáng kể qua các năm. Giá trị tài sản ngắn hạn tăng từ 1.124,86 triệu đồng năm 2023 lên 1.299,47 triệu đồng năm 2024 (tăng 15,52%) và tiếp tục tăng lên 1.528,92 triệu đồng năm 2025 (tăng 17,66%). Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất và tăng nhanh, từ 806,92 triệu đồng năm 2023 lên 1.115,47 triệu đồng năm 2025, phản ánh việc doanh nghiệp mở rộng hoạt động kinh doanh và gia tăng các giao dịch bán chịu cho khách hàng.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng tăng đều qua các năm, từ 218,73 triệu đồng năm 2023 lên 295,68 triệu đồng năm 2025, cho thấy khả năng thanh khoản của công ty được cải thiện. Ngược lại, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm nhẹ trong năm 2025, cho thấy doanh nghiệp có xu hướng thu hẹp đầu tư ngắn hạn để tập trung vốn cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Đối với tài sản dài hạn, giá trị tài sản tăng từ 642,37 triệu đồng năm 2023 lên 745,86 triệu đồng năm 2024 và đạt 871,24 triệu đồng năm 2025, với mức tăng tương ứng 16,11% và 16,81%. Trong đó, tài sản cố định tăng mạnh qua các năm, phản ánh việc công ty đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở vật chất, phương tiện vận chuyển và trang thiết bị phục vụ hoạt động logistics. Qua đó có thể thấy Long Nguyên Toàn Logistics đang chú trọng đầu tư dài hạn nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

❖ *Tình hình nguồn vốn:*

Bảng 2.4 Tình hình nguồn vốn của công ty giai đoạn 2023-2025

(Đơn vị: Triệu đồng)

	NGUỒN VỐN	2023	2024	2025	CHÊNH LỆCH			
					2024/2023 (+/-)	2024/2023 (%)	2025/2024 (+/-)	2025/2024 (%)
A	NỢ PHẢI TRẢ	1.020,40	1.140,20	1.320,10	119,80	11,74	179,90	15,78
I	Nợ ngắn hạn	780,60	910,40	1.020,30	129,80	16,63	109,90	12,07
II	Nợ dài hạn	239,80	229,80	299,80	-10,00	-4,17	70,00	30,46
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	746,83	905,13	1.080,06	158,30	21,20	174,90	19,33
I	Vốn góp chủ sở hữu	650,00	650,00	700,00	0,00	0,00	50,00	7,69
II	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	96,83	255,13	380,06	158,30	163,48	124,90	48,97
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.767,23	2.045,33	2.400,16	278,10	15,74	354,80	17,35

(Nguồn: Bộ phận kế toán)

Dựa vào bảng 2.1.5.4, cho thấy tổng nguồn vốn của công ty tăng trưởng liên tục, từ 1.767,23 triệu đồng năm 2023 lên 2.045,33 triệu đồng năm 2024 và đạt 2.400,16 triệu đồng năm 2025, tương ứng mức tăng 15,74% năm 2023 và 17,35% năm 2025. Điều này cho thấy công ty đang mở rộng quy mô hoạt động và gia tăng năng lực tài chính qua từng năm.

Xét về nợ phải trả, quy mô nợ tăng từ 1.020,40 triệu đồng năm 2023 lên 1.140,20 triệu đồng năm 2024 (tăng 11,74%) và tiếp tục tăng lên 1.320,10 triệu đồng năm 2025 (tăng 15,78%). Trong đó, nợ ngắn hạn tăng mạnh qua các năm, phản ánh nhu cầu vốn lưu động ngày càng lớn để phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngược lại, nợ dài hạn giảm nhẹ trong năm 2024 (giảm 10 triệu đồng, tương đương với mức giảm 4,17%), cho thấy doanh nghiệp đã chủ động cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng hạn chế vay dài hạn nhằm giảm áp lực tài chính. Tuy nhiên, đến năm 2025, nợ dài hạn tăng trở lại để đáp ứng nhu cầu đầu tư mở rộng.

Đối với vốn chủ sở hữu, giá trị vốn tăng liên tục từ 746,83 triệu đồng năm 2023 lên 905,13 triệu đồng năm 2024 (tăng 21,20%) và đạt 1.080,06 triệu đồng năm 2025 (tăng 19,33%). Đáng chú ý, vốn góp của chủ sở hữu không thay đổi trong năm 2024, cho thấy công ty không huy động thêm vốn từ bên ngoài mà tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động. Sự gia tăng vốn chủ sở hữu chủ yếu đến từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tăng mạnh qua các năm, phản ánh tình hình kinh doanh tích cực và khả năng tự chủ tài chính ngày càng được cải thiện.

Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn của công ty trong giai đoạn 2023-2025 có sự kết hợp hài hòa giữa nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Việc gia tăng nợ ngắn hạn phù hợp với đặc thù ngành, trong khi vốn chủ sở hữu tăng trưởng ổn định giúp Long Nguyên Toàn Logistics duy trì mức độ an toàn tài chính và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

2.2 Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty

2.2.1 Phân tích về các lĩnh vực kinh doanh, cơ cấu doanh thu, thị trường, đối thủ cạnh tranh, khách hàng

❖ Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty Long Nguyên Toàn Logistics hoạt động trong lĩnh vực logistics và giao nhận vận tải quốc tế, chuyên cung cấp các dịch vụ liên quan đến vận chuyển, lưu trữ và hỗ trợ thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa. Trong bối cảnh hoạt động thương mại quốc tế

ngày càng phát triển, nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics ngày càng gia tăng, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty mở rộng hoạt động kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Công ty kinh doanh nhiều lĩnh vực khác nhau như: vận tải đường biển, vận tải đường hàng không, vận tải đường bộ, dịch vụ hải quan, dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng. Việc đa dạng hóa các loại hình dịch vụ giúp công ty đáp ứng tốt hơn nhu cầu vận chuyển hàng hóa trong nước và quốc tế của khách hàng, đồng thời tạo sự liên kết giữa các hoạt động trong chuỗi logistics.

Trong các lĩnh vực hoạt động, vận tải đường biển được xem là lĩnh vực kinh doanh chủ lực và cốt lõi của công ty. Đây là dịch vụ mang lại nguồn doanh thu lớn nhất cũng như đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của doanh nghiệp. Công ty tập trung khai thác mạnh các tuyến vận chuyển quốc tế, đặc biệt là các thị trường có hoạt động xuất nhập khẩu lớn như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á. Nhờ chi phí vận chuyển hợp lý, khả năng chuyên chở khối lượng hàng hóa lớn và tính ổn định cao, vận tải đường biển luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của công ty.

Công ty còn đẩy mạnh phát triển các dịch vụ hỗ trợ như khai báo hải quan, vận tải nội địa và kho bãi nhằm hình thành chuỗi dịch vụ logistics tương đối hoàn chỉnh. Điều này giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng phục vụ, tiết kiệm thời gian xử lý hàng hóa và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Ngoài các dịch vụ thông thường, công ty cũng từng bước mở rộng sang lĩnh vực vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng nhằm đáp ứng nhu cầu vận chuyển các loại máy móc, thiết bị và hàng hóa có kích thước lớn cho các công trình và dự án công nghiệp. Đây là lĩnh vực có tiềm năng phát triển và góp phần đa dạng hóa nguồn doanh thu cho doanh nghiệp.

Với việc tập trung phát triển vận tải đường biển làm thế mạnh cốt lõi kết hợp cùng các dịch vụ logistics hỗ trợ, công ty đang từng bước khẳng định vị thế và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường logistics hiện nay.

❖ Cơ cấu doanh thu:

Bảng 2.5 Doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty giai đoạn 2023-2025

(Đơn vị: Triệu đồng)

MẢNG DỊCH VỤ	2023	Tỷ trọng (%)	2024	Tỷ trọng (%)	2025	Tỷ trọng (%)	CHÊNH LỆCH			
							2024/2023 (+/-)	2024/2023 (%)	2025/2024 (+/-)	2025/2024 (%)
Vận tải đường biển	1.350,00	35,41	1.650,00	35,97	1.980,00	36,05	+300,0	22,0	+330,0	20,0
Vận tải đường bộ	1.000,00	26,22	1.200,00	26,16	1.420,00	25,86	+200,0	20,0	+220,0	18,5
Dịch vụ hải quan	540,00	14,17	650,00	14,17	760,00	13,83	+110,0	20,5	+110,0	17,0
Vận tải đường hàng không	520,00	13,64	600,00	13,08	690,00	12,56	+80,0	15,5	+90,0	15,0
Kho bãi	280,00	7,35	350,00	7,63	420,00	7,65	+70,0	25,0	+70,0	20,0
Hàng siêu trường, siêu trọng	122,60	3,21	137,40	2,99	222,80	4,05	+14,8	12,0	+85,4	62,0
Tổng cộng	3.812,60	100,00	4.587,40	100,00	5.492,80	100,00	+774,8	20,5	+905,4	19,5

(Nguồn: Bộ phận kế toán)

Qua bảng 2.2.1, cho thấy doanh thu vận tải đường biển luôn là lĩnh vực kinh doanh chủ lực và đóng vai trò cốt lõi trong hoạt động của doanh nghiệp. Qua giai đoạn 2023–2025, doanh thu từ vận tải đường biển luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu, dao động từ 35% đến 36%.

Cụ thể, doanh thu vận tải đường biển năm 2023 đạt 1.350 triệu đồng, đến năm 2024 tăng lên 1.650 triệu đồng và tiếp tục đạt 1.980 triệu đồng vào năm 2025. Điều này cho thấy nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng và công ty đang khai thác hiệu quả thế mạnh của mình trong lĩnh vực này.

Sở dĩ vận tải đường biển trở thành hoạt động cốt lõi là do đây là phương thức vận chuyển phù hợp với hàng hóa xuất nhập khẩu có khối lượng lớn, chi phí vận chuyển hợp lý và phạm vi vận chuyển quốc tế rộng. Đồng thời, công ty đã xây dựng được mối quan hệ với các hãng tàu, đại lý vận chuyển và khách hàng xuất nhập khẩu, từ đó tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Bên cạnh việc tập trung phát triển vận tải đường biển, công ty còn kết hợp mở rộng các dịch vụ hỗ trợ như vận tải đường bộ, dịch vụ hải quan, kho bãi và vận tải hàng không nhằm hoàn thiện chuỗi dịch vụ logistics và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

❖ *Thị trường:*

Thị trường hoạt động của công ty chủ yếu tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng hai trung tâm logistics và xuất nhập khẩu lớn của cả nước. Đây là những khu vực tập trung nhiều cảng biển, khu công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất nên nhu cầu sử dụng dịch vụ giao nhận, vận tải và khai báo hải quan luôn ở mức cao. Bên cạnh đó, công ty cũng đang từng bước mở rộng hoạt động tại Đà Nẵng nhằm khai thác tiềm năng logistics và nhu cầu vận chuyển hàng hóa ngày càng tăng tại khu vực miền Trung.

Đối với thị trường quốc tế, công ty có hoạt động giao nhận hàng hóa với nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và các nước Đông Nam Á. Trong đó, Hàn Quốc là thị trường quốc tế trọng điểm và có lượng hàng hóa giao dịch lớn của công ty. Nguyên nhân là do quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hàn Quốc ngày càng phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây.

Theo số liệu của Hiệp hội Thương mại Quốc tế Hàn Quốc (KITA), kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Hàn Quốc năm 2023 đạt khoảng 79,43 tỷ USD. Đến năm 2024, kim ngạch thương mại giữa hai nước đạt khoảng 81,76 tỷ USD, tăng

khoảng 7,5% so với năm trước. Điều này cho thấy nhu cầu vận chuyển hàng hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc ngày càng tăng, đặc biệt đối với các mặt hàng điện tử, máy móc, linh kiện và nguyên vật liệu sản xuất. Đây cũng là cơ hội để công ty tiếp tục mở rộng hoạt động giao nhận quốc tế và phát triển dịch vụ vận tải đường biển.

❖ *Đối thủ cạnh tranh:*

Long Nguyên Toàn Logistics đối mặt với sự cạnh tranh lớn từ nhiều công ty logistics cả trong nước và quốc tế. Các đối thủ chính bao gồm Gemadept Logistics, Transimex, Bee Logistics, và ITL Corporation. Đây là những công ty có lợi thế về quy mô, mạng lưới khách hàng rộng lớn, và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực logistics. Bên cạnh đó, Long Nguyên Toàn Logistics cũng phải cạnh tranh với các tập đoàn quốc tế như DHL Global Forwarding, Pantos Logistics và CJ Logistics, những đơn vị sở hữu công nghệ hiện đại và mạng lưới toàn cầu.

- Đối thủ cạnh tranh trong nước:



Hình 2.4 Các đối thủ cạnh tranh trong nước

- Đối thủ cạnh tranh quốc tế:



Hình 2.5 Các đối thủ cạnh tranh quốc tế

Để đối phó và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường, Long Nguyên Toàn Logistics cần triển khai một số định hướng chiến lược quan trọng. Trước hết, việc tăng cường chất lượng dịch vụ khách hàng đóng vai trò then chốt, thể hiện qua khả năng hỗ trợ nhanh chóng, hiệu quả và cung cấp các giải pháp vận chuyển phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng. Bên cạnh đó, đầu tư vào công nghệ hiện đại giúp doanh nghiệp tối ưu hóa quy trình logistics, nâng cao tính minh bạch thông qua các dịch vụ như theo dõi đơn hàng theo thời gian thực và nền tảng giao dịch trực tuyến.

Việc mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược góp phần gia tăng lợi thế cạnh tranh, đồng thời giảm chi phí và cải thiện thời gian vận chuyển. Song song với đó, tối ưu hóa chi phí hoạt động và xây dựng hình ảnh thương hiệu uy tín thông qua các hoạt động truyền thông hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp tạo sự khác biệt so với đối thủ. Bên cạnh yếu tố trên, đổi mới dịch vụ và chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên sâu về logistics và thủ tục hải quan là nền tảng quan trọng giúp Long Nguyên Toàn Logistics nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút khách hàng và phát triển ổn định trong dài hạn.

❖ *Khách hàng:*

Khách hàng của công ty chủ yếu là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, công ty sản xuất, doanh nghiệp thương mại quốc tế và các khách hàng có nhu cầu vận chuyển hàng hóa quốc tế, khai báo hải quan và giao nhận logistics. Phần lớn khách hàng của công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông sản xuất khẩu và thương mại hàng hóa quốc tế.

Mặt hàng vận chuyển của công ty khá đa dạng, trong đó tập trung chủ yếu vào nhóm hàng nông sản xuất khẩu, nguyên vật liệu sản xuất, máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng và hàng điện tử. Đặc biệt, nhóm hàng nông sản chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong hoạt động vận chuyển quốc tế của công ty, góp phần tạo nguồn doanh thu ổn định cho doanh nghiệp.

Nhờ nhu cầu xuất khẩu hàng hóa ngày càng tăng, công ty đã xây dựng được mối quan hệ hợp tác ổn định với nhiều doanh nghiệp xuất khẩu và khách hàng quốc tế. Điều này giúp doanh nghiệp duy trì nguồn hàng thường xuyên, đồng thời nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường logistics.

2.2.2 Bảng số liệu về kết quả kinh doanh của công ty

Bảng 2.6 Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty giai đoạn 2022-2024

(Đơn vị: Triệu đồng)

	CHỈ TIÊU	2023	2024	2025	CHÊNH LỆCH			
					2024/2023 (+/-)	2024/2023 (%)	2025/2024 (+/-)	2025/2024 (%)
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.812,60	4.587,40	5.492,80	774,80	20,32	905,40	19,74
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	19,80	24,60	30,10	4,80	24,24	5,50	22,36
3	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.792,80	4.562,80	5.462,70	770,00	20,30	899,90	19,72
4	Giá vốn dịch vụ cung cấp	3.108,40	3.718,60	4.372,50	610,20	19,63	653,90	17,58
5	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	684,40	844,20	1.090,20	159,80	23,35	246,00	29,14
6	Chi phí cung cấp dịch vụ khác	49,60	58,90	69,40	9,30	18,75	10,50	17,83
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	507,90	510,20	540,70	2,30	0,45	30,50	5,98
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	126,90	275,10	480,10	148,20	116,78	205,00	74,52
9	Chi phí thuế TNDN	30,10	20,00	100,00	-10,10	-33,55	80,00	400,00
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	96,80	255,10	380,10	158,30	163,53	125,00	49,00
11	ROS (%)	2,55	5,59	6,96	3,04	119,06	1,37	24,45
12	ROA (%)	5,48	12,47	15,84	6,99	127,70	3,36	26,97
13	ROE (%)	12,96	28,18	35,19	15,39	120,35	7,01	24,87

(Nguồn: Bộ phận kế toán)

Dựa vào bảng số liệu 2.2.2, hoạt động kinh doanh của Long Nguyên Toàn Logistics giai đoạn 2023-2025 cho thấy doanh thu thuần tăng trưởng liên tục và ổn định. Cụ thể, năm 2023 doanh thu thuần đạt 3.792,80 triệu đồng, năm 2024 tăng lên 4.562,80 triệu đồng, tăng 770,00 triệu đồng, tương ứng 20,3%. Sang năm 2025, doanh thu tiếp tục đạt 5.462,70 triệu đồng, tăng thêm 899,90 triệu đồng, tương đương 19,72% so với năm 2024. Kết quả này cho thấy doanh nghiệp mở rộng tốt quy mô hoạt động và khai thác hiệu quả nhu cầu dịch vụ logistics trên thị trường.

Song song với sự tăng trưởng doanh thu, giá vốn dịch vụ cung cấp cũng tăng từ 3.108,40 triệu đồng năm 2023 lên 3.718,60 triệu đồng năm 2024 (tăng 610,20 triệu đồng, tương đương 19,63%) và đạt 4.372,50 triệu đồng năm 2025 (tăng 653,90 triệu đồng, tương đương 17,58%). Do tốc độ tăng giá vốn thấp hơn tốc độ tăng doanh thu nên lợi nhuận gộp được cải thiện rõ rệt, từ 684,40 triệu đồng năm 2023 lên 844,20 triệu đồng năm 2024 và 1.090,20 triệu đồng năm 2025. Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ tăng nhẹ từ 507,90 triệu đồng lên 540,70 triệu đồng, cho thấy công ty kiểm soát tốt chi phí quản lý.

Nhờ kiểm soát hiệu quả chi phí, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh từ 126,90 triệu đồng năm 2023 lên 275,10 triệu đồng năm 2024 và đạt 480,10 triệu đồng năm 2025. Sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế vẫn tăng tương ứng từ 96,80 triệu đồng lên 255,10 triệu đồng và 380,10 triệu đồng. Điều này chứng tỏ Long Nguyên Toàn Logistics không chỉ tăng trưởng về doanh thu mà còn nâng cao hiệu quả sinh lời, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho sự phát triển trong tương lai.

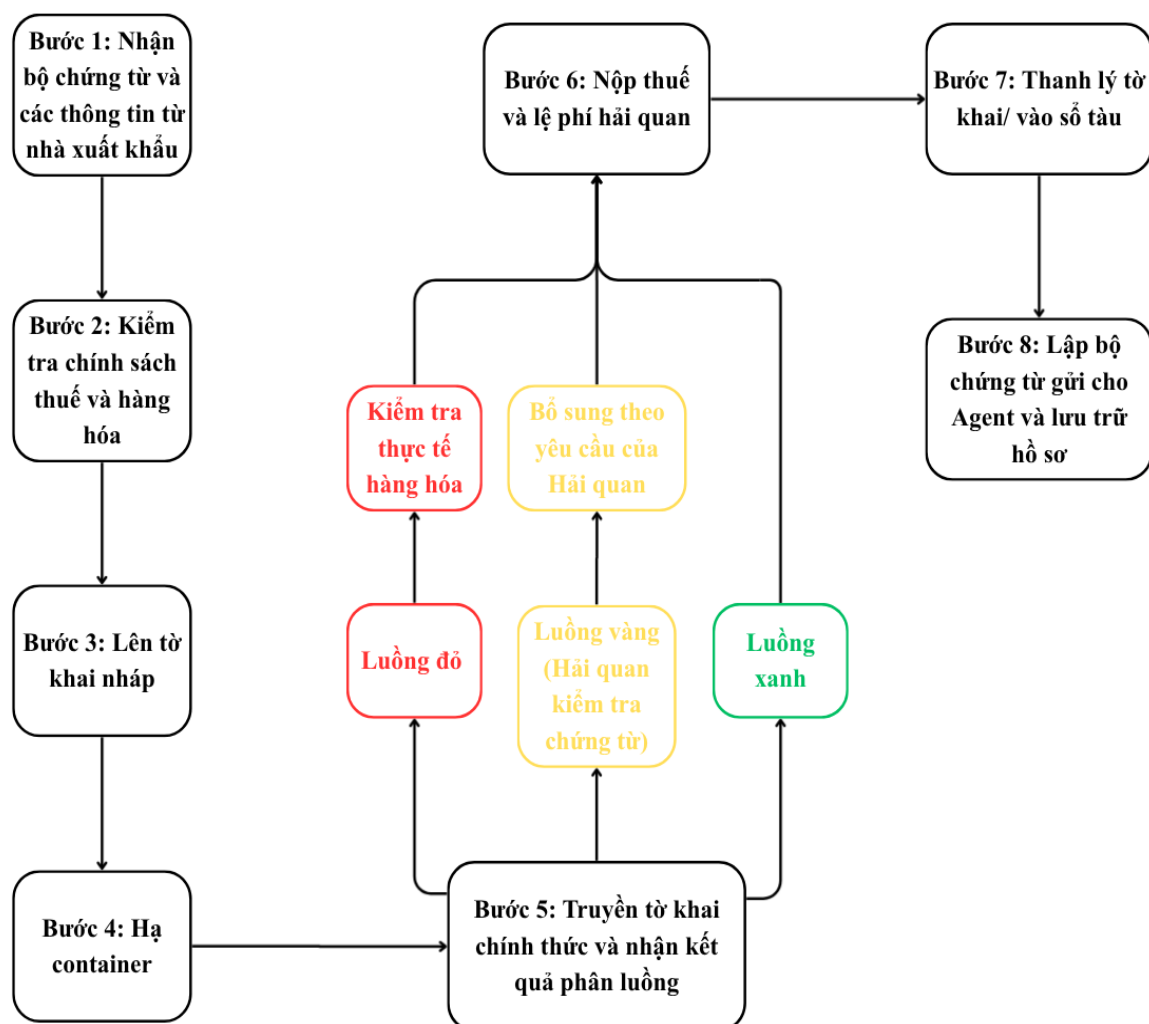
Xét về các chỉ tiêu khả năng sinh lời, ROS (tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu) tăng từ 2,55% năm 2023 lên 5,59% năm 2024 và đạt 6,96% năm 2025 cho thấy khả năng sinh lời trên doanh thu của doanh nghiệp ngày càng được cải thiện. ROA (tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản) và ROE (tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu) cũng tăng mạnh, từ 5,48% năm 2023 lên 12,47% năm 2024 và đạt 15,84% năm 2025. Sự gia tăng của các chỉ tiêu này cho thấy doanh nghiệp đã sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu ngày càng hiệu quả, đồng thời năng lực sinh lời được cải thiện rõ rệt qua các năm.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2023-2025, Long Nguyên Toàn Logistics không chỉ đạt được sự tăng trưởng về quy mô doanh thu mà còn nâng cao hiệu quả hoạt động và

khả năng sinh lời, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho quá trình phát triển của công ty trong các năm tiếp theo.

2.3 Thực trạng quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tuyến Việt Nam – Hàn Quốc tại Công ty Long Nguyên Toàn Logistics

2.3.1 Sơ đồ quy trình thủ tục hải quan thực tế tại công ty



Sơ đồ 2.3 Sơ đồ quy trình thủ tục hải quan thực tế tại công ty Long Nguyên Toàn Logistics

2.3.2 Phân tích quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tuyến Việt Nam - Hàn Quốc

❖ Thông tin chi lô hàng thực tế xuất khẩu từ Việt Nam - Hàn Quốc

Long Nguyên Toàn Logistics là công ty đại lý đại diện cho Công ty TNHH MTV HKV, thực hiện các công việc liên quan đến lô hàng xuất khẩu theo điều kiện CNF (Incoterms 2020) đến cảng đích tại Hàn Quốc. Bao gồm: làm thủ tục hải quan xuất khẩu,

56 sắp xếp vận chuyển quốc tế và thanh toán cước vận chuyển đến cảng đích theo thỏa thuận.

Theo điều kiện CNF (Incoterms 2020), người bán chịu chi phí vận chuyển hàng hóa đến cảng đích, tuy nhiên rủi ro đối với hàng hóa được chuyển giao cho người mua kể từ thời điểm hàng được xếp lên tàu tại cảng xuất khẩu. Các thủ tục nhập khẩu, thuế nhập khẩu và chi phí phát sinh tại Hàn Quốc sẽ do người mua chịu trách nhiệm.

Thông tin lô hàng:

- Người gửi: Chi nhanh công ty TNHH MTV HKV
- Người nhận: Dasan bio co., ltd
- Hàng hóa: Vỏ lụa hạt điều, dạng bột (CASHEWNUT TESTA PREMIUM A)
- Mã HS code: 14049099
- Tổng trọng lượng: 216,720.00 kilogram
- Tàu vận chuyển: Teh taichung
- Số chuyến: 24008N
- Cảng đi: CAT LAI PORT
- Cảng đến: KWANGYANG, KOREA
- Ngày giao lên tàu: 11/07/2025
- Điều kiện thương mại: CNF (hay còn gọi là CFR - Cost and Freight) - Người bán chịu cước tàu, người mua chịu bảo hiểm hàng hóa

Bước 1: Nhận bộ chứng từ và các thông tin từ nhà xuất khẩu

Sau khi hai bên thống nhất các điều khoản và tiến hành ký kết hợp đồng dịch vụ, bộ phận chứng từ của Long Nguyên Toàn Logistics sẽ tiếp nhận bộ hồ sơ và các thông tin liên quan từ Công ty TNHH MTV HKV để phục vụ cho quá trình khai báo hải quan và tổ chức vận chuyển hàng hóa xuất khẩu.

- Hợp đồng thương mại (Sales Contract) là văn bản pháp lý ràng buộc giữa bên xuất khẩu (Việt Nam) và bên nhập khẩu (Hàn Quốc). Thể hiện rõ điều kiện giao hàng, phương thức thanh toán, và các điều lệ giữa hai bên.

SALES CONTRACT				
			Contract No: DSC-022/09/7/2025	
			Date 09 July 2025	
The Buyer:				
DASAN BIO CO.,LTD				
43 HWASAN-RO, ONSAN-EUP ULJU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA				
TEL: 822-3453-8420				
The Supplier : CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV				
ADD: AP QUAN Y, XA TAN LOI, HUYEN DONG PHU, TINH BINH PHUOC, VIETNAM				
TEL: 84-036-888-9877				
Articles 1 : Commodity - Quantity - Price				
No	Description of goods	Quantity/Unit (MT)	Unit Price (USD/MT)	Amount (CNF) (USD)
1	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
2	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
3	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
4	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
5	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
6	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
7	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
8	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
SIZE MAX : GRINDED (5mm)				
MOISTURE : Max 15%				
PACKING : JUMBO BAG(288 BAGS)				
Total		216.000		33,480
Say total : Thirty three thousand, four hundred eighty US dollars				
FOB: 27,880 Twenty seven thousand, eight hundred eighty US dollars				
Articles 2 : Shipment				
- Loading: Vietnam				
- Discharge: KWANG YANG PORT				
- Final Destination: KWANG YANG PORT				
- Partial Shipment: Allowed				
Articles 3 : Packing				
Standard Packing List				
Articles 4 : Payment				
T/T				
Articles 5 : Term				
CNF KWANG YANG				
Articles 6 : Shipping Document :				
- Original Commercial Invoice				
- Original Packing List				
- Original Bill of Lading				
Articles 7 : Common Clause : Standard seaworthy export				
For exclusive of the disadvantages of any parts, two parties commit themselves to compensate				
for another party when violating any articles of this contract. In the case of failing to reach an agreement				
the dispute shall be referred to the Arbitration Committee of Vietnam. The decision of such Arbitration				
body shall be final and both parties shall strictly abide by it.				
This contract is made into 2 Original in English. Each party keeps 1 Original of equal validity of legality with effect				
from signing date.				
CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV			DASAN BIO CO.,LTD	
				

Hình 2.6 Hợp đồng thương mại

➤ Thông tin hợp đồng thương mại (Sales Contract):

- + The buyer (người mua hàng): Dasan bio co., ltd
- + The supplier (người cung ứng): Chi nhanh cong ty TNHH mtv HKV
- + Contract No (số hợp đồng): DSC-022/09/7/2025
- + Ngày hợp đồng: 09/07/2025
- + Điều kiện giao hàng: CNF

- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice - CI) sẽ chứa các thông tin về hàng hóa, thể hiện giá trị của lô hàng FCL và phương thức thanh toán.

COMMERCIAL INVOICE					
The supplier: CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV ADD: AP QUAN Y, XA TAN LOI, HUYEN DONG PHU, TINH BINH PHUOC, VIETNAM TEL: 84-036-888-9877			INV No: SC-022/09/7/2025 Term: CNF KWANG YANG Payment: 100% T/T Date 09 July 2025		
The Buyer: DASAN BIO CO.,LTD 43 Hwasan-ro, ONSAN-EUP ULJU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA TEL: 822-3453-8420					
Port of Loading HO CHI MINH PORT, VIET NAM			Final Destination KWANG YANG PORT, KOREA		
DESCRIPTION OF GOODS	CONTAINER/SEAL NO	BAGS	QUANTITY (MT)	UNIT PRICE (USD/MT)	AMOUNT (USD)
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1842754/IAAG373388	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1723781/IAAG373481	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1699601/IAAG373395	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1725505/IAAG373448	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1802828/IAAG373479	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	TCNU8581592/IAAG373409	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	BHCU5001390/IAAG373461	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1817073/IAAG373789	36	27.000	\$155	4,185
Size : GRINDED (5mm)					
Moisture: Max 15%					
Packing: Jumbo 288 BAGS					
COUNTRY OF ORIGIN: VIETNAM					
TOTAL		288	216.000		33,480
Say total : Thirty three thousand, four hundred eighty US dollars					
TOTAL: 288 BAGS / 144 PALLETS					
NET WEIGHT: 216,000 KGS					
GROSS WEIGHT: 216,720 KGS					
CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV					

Hình 2.7 Hóa đơn thương mại

➤ Các thông tin về hóa đơn thương mại (Commercial Invoice - CI):

+ INV No (số hóa đơn): SC-022/09/7/2025

+ Payment (thanh toán): 100% T/T – 100% chuyển khoản

+ Port of Loading (cảng xếp hàng): HO CHI MINH PORT, VIET NAM

+ Final Destination (điểm đến cuối cùng của hàng hóa): KWANG YANG PORT, KOREA

- Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List - P/L) sẽ do bên bán (Việt Nam) lập và ghi các thông tin của lô hàng nguyên container (FCL) được đóng gói.

PACKING LIST						
The supplier:				INV No: SC-022/09/7/2025		
CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV				Term: CNF KWANG YANG		
ADD: AP QUAN Y, XA TAN LOI, HUYEN DONG PHU, TINH BINH PHUOC, VIETNAM				Payment: 100% T/T		
TEL: 84-036-388-9877				Date 09 July 2025		
The Buyer:						
DASAN BIO CO.,LTD						
43 HWASAN-RO, ONSAN-EUP ULJU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA						
TEL: 822-3453-8420						
Notify party						
SAME AS CONSIGNEE						
Port of Loading		Final Destination				
HO CHI MINH PORT, VIET NAM		KWANG YANG PORT, KOREA				
No	DESCRIPTION OF GOODS	CONTAINER /SEAL NO:	Q'TY (BAGS)	Q'TY (PALLET)	NET WEIGHT (KG)	GROSS WEIGHT (KG)
1	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1842754/IAAG373388	36	18	27,000	27,090
2	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1723781/IAAG373481	36	18	27,000	27,090
3	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1699601/IAAG373395	36	18	27,000	27,090
4	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1725505/IAAG373448	36	18	27,000	27,090
5	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1802828/IAAG373479	36	18	27,000	27,090
6	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	TCNU8581592/IAAG373409	36	18	27,000	27,090
7	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	BHCU5001390/IAAG373461	36	18	27,000	27,090
8	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1817073/IAAG373789	36	18	27,000	27,090
	Size: Grinded (5mm)					
	Moisture: max 15%					
	Packing: Jumbo 288 BAGS					
	COUNTRY OF ORIGIN: VIETNAM					
TOTAL			288	144	216,000	216,720
TOTAL: 288 BAGS / 144 PALLETS						
NET WEIGHT: 216,000 KGS						
GROSS WEIGHT: 216,720 KGS						
CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV						

Hình 2.8 Phiếu đóng gói hàng hóa

➤ Các thông tin về phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List - P/L):

+ Description of goods (mô tả hàng hóa): Vỏ lụa hạt điều, dạng bột (Cashewnut testa premium A)

- + Container /seal no (số cont / số seal): 8 container
- + Size: Grinded (5mm) – hàng hóa đã được xay nhỏ với kích thước 5mm
- + Moisture (độ ẩm): Max 15% - độ ẩm của hàng hóa tối đa không được vượt quá 15%
- + Net weight (trọng lượng hàng): 216,000 kg
- + Gross weight (trọng lượng cả bì): 216,720 kg

- Booking là chứng từ xác nhận đặt chỗ vận chuyển do hãng tàu hoặc đại lý hãng tàu phát hành cho người xuất khẩu, thể hiện các thông tin về lịch tàu, cảng đi - cảng đến, loại container và thời hạn liên quan. Sau khi booking được xác nhận, hãng tàu sẽ cấp lệnh container rỗng để doanh nghiệp đến depot nhận container về đóng hàng. Trong trường hợp này, hãng tàu Interasia đã gộp booking và lệnh cấp container rỗng trên cùng một chứng từ.

Page 4 of 5



Interasia

インターエイシアライン株式会社

Interasia

Đại lý : Công Ty TNHH

Giao Nhận Hàng Hải Cát Tường - ILJ

Lầu 06, phòng 6B6, International Plaza,
343 Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.HCM, Việt Nam.
Tel: 84-28-6252 6888 * Fax: 84-28-6291 5639

Lưu ý:

Khai báo giao cont hàng trên
eport.saigonnewport.com.vn mã
Hãng tàu / Đại lý: ILJ
(Interasia Line Japan)

LỆNH CẤP CONTAINER RỖNG

(BOOKING CONFIRMATION)

Kính gửi Cảng/Depot: **ICD SONG THAN**
(Empty pickup at)

Đề nghị quý Cảng/Depot giao cho: **LNT LOGISTICS**
(Customer name)

Số Booking: **A59E019060**
(Booking no.)

Ngày: **08/07/2025**
(Issued date)

Người phát hành: **EX2HCM**
(Issued by)

Pic: **MR/MS** | **N008JTTCWKY195**

CONT NO.	SỐ LƯỢNG (Volume)	LOẠI (Type)	NHIỆT ĐỘ (Temp)	BỘ THÔNG GIÓ (Ventilation)	TRỌNG LƯỢNG (Weight)
	08	40HQ			

Dự kiến xếp lên tàu
(Vessel name): **TEH TAICHUNG**

Cảng xếp hàng
(Port of loading): **CAT LAI PORT**

Cảng chuyển tải:
(Port of transit): **KWANGYANG**

Cảng dỡ hàng:
(Port of discharge): **KWANGYANG**

Nơi nhận hàng
(Place of delivery): **KWANGYANG**

Closing time tại
(closing time at): **CAT LAI PORT**

VGM cut off time: **09/07/2025 10:00 AM**

SI cut off time: **09/07/2025 10:00 AM**

Hàng hóa đã khai báo:
(Commodity): **CASHEWNUT TESTA PREMIUM A**

Nơi đóng hàng:
(Stuffing at): **Kho Riêng**

Số chuyến:
(Voyage no.): **24008N**

Ngày tàu chạy:
(ETD): **11/07/2025**

Ngày đến dự
kiến(ETA): **21/07/2025**

Ngày đến dự
kiến(ETA): **21/07/2025**

Ngày đến dự
kiến(ETA): **21/07/2025**

Trước(before): **10/07/2025 04:00 AM**

B/L amend. cut off
time: **10/07/2025 10:00 AM**

Liên hệ: **ICD SÔNG THẦN - BÃI SỐ 1**
(Contact to) **Vui lòng lấy Seal tại phòng điều độ depot**
Điện thoại 0274 3767439

REMARK:

* Upon receiving this booking confirmation, the booker hereby confirms and guarantees to jointly and severally take full responsibilities or obligations which should be borne or assumed by "Merchant" defined by the terms and conditions of Interasia's Bill of Lading, and any other terms provided during the booking process.

* VUI LÒNG XUẤT TRÌNH GIẤY GIỚI THIỆU CỦA KH HOẶC ĐỘI VẬN TẢI KHI LẤY CONTAINER RỖNG *

* LỆNH CẤP CONT NÀY SẼ KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ NẾU CÓ DẤU HIỆU TẤY XÓA HOẶC CHỈNH SỬA *

* YÊU CẦU KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG SEAL & PACKING LIST CỦA HÀNG TÀU INTERASIA *

VNSGND01/1822855 - VNSGND01/1822855

Hình 2.9 Booking và lệnh cấp rỗng

➤ *Các thông tin Booking Confirmation và lệnh cấp rỗng:*

- + Số booking: A59E019060
- + Lịch tàu: 11/07/2025
- + Tên tàu / số chuyến: TEH TAICHUNG / 24008N
- + Cảng đi (Port of loading): Cat Lai port
- + Cảng đến (Port of discharge): Kwangyang
- + Thời gian hoàn thành tất cả các thủ tục (Cut off): trước ngày 10/07/2025 4:00 AM
- + Ngày tàu chạy (ETD): 11/07/2025
- + Ngày đến cảng đích dự kiến (ETA): 21/07/2025
- + Số lượng container: 8 container
- + Loại container: 40HQ (cont cao)

Sau đó, nhân viên phụ trách sẽ tiến hành kiểm tra, rà soát các thông tin như về mã HS, số lượng, trọng lượng, tên hàng và cảng đi - đến,... một cách cẩn thận, kỹ lưỡng, đảm bảo thống nhất thông tin giữa các chứng từ để tránh sai sót khi khai báo hải quan. Đây là bước tiền đề giúp quy trình hải quan và giao hàng diễn ra suôn sẻ, tránh việc lô hàng bị giữ lại hoặc mất ưu đãi thuế quan tại Hàn Quốc và cũng giúp cho công ty tiết kiệm thời gian cũng như chi phí. Nếu trong quá trình kiểm tra thấy có sai sót, nhầm lẫn, nhân viên chứng từ sẽ báo ngay cho khách hàng để kịp thời điều chỉnh.

Bước 2: Kiểm tra chính sách thuế và hàng hóa

Long Nguyên Toàn Logistics tiếp nhận yêu cầu vận chuyển xuất khẩu từ Công ty TNHH MTV HKV theo nội dung trao đổi qua email. Khách hàng đề nghị thực hiện lô hàng xuất khẩu vỏ lụa hạt điều dạng bột với thông tin như sau:

- Số lượng: 8 container
- Điều kiện thương mại: CNF
- Cảng xếp hàng: Cat Lai Port
- Cảng đích: Gwangyang
- Thời gian dự kiến khởi hành (ETD): ngày 11/07/2025
- Hãng tàu: Interasia

Trong quá trình tiếp nhận và xử lý lô hàng xuất khẩu, Long Nguyên Toàn rong quá trình tiếp nhận và xử lý lô hàng xuất khẩu, Long Nguyên Toàn Logistics đã tiến hành hỗ trợ khách hàng trong việc xác định mã HS đối với mặt hàng vỏ lụa hạt điều dạng bột. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất và mục đích sử dụng của sản phẩm, doanh

ngành xác định mã HS phù hợp là 14049099. Theo biểu thuế xuất nhập khẩu 2025, mặt hàng xuất khẩu này được miễn thuế xuất khẩu. Việc xác định chính xác mã HS giúp doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về khai báo hải quan, đồng thời hạn chế các rủi ro phát sinh trong quá trình thông quan hàng hóa.

Mã HS code 14049099 gồm 8 số được hiểu như sau:

- + Chương (hai số đầu): Chương 14 - Vật liệu tét bện từ thực vật; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.
- + Nhóm (bốn số đầu): Nhóm 1404 - Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.
- + Phân nhóm (sáu số đầu): Phân nhóm 140490 - Loại khác.
- + Phân nhóm phụ (tám số tại Việt Nam): Phân nhóm phụ 14049099 - Hai số cuối được mỗi quốc gia quy định riêng để phục vụ mục đích quản lý thuế và thống kê chi tiết.

Long Nguyên Toàn Logistics cũng tiến hành rà soát các quy định quản lý chuyên ngành áp dụng đối với mặt hàng xuất khẩu. Kết quả kiểm tra cho thấy mặt hàng vỏ lụa hạt điều dạng bột không thuộc danh mục hàng hóa phải xin giấy phép xuất khẩu. Tuy nhiên, do có nguồn gốc từ thực vật nên doanh nghiệp cần thực hiện kiểm dịch thực vật theo quy định trước khi xuất khẩu.

- Biểu thuế xuất nhập khẩu 2025:



Hình 2.3.6 Biểu thuế xuất nhập khẩu 2025

- Tra mã HS code:



BIỂU THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU 2025

V	Mã hàng	Mô tả hàng hoá - Tiếng Việt	Đơn vị tính	NK TT	NK ưu đãi	VAT
A	B	C	D	1	2	3
2		-- Loại khác:				
3	14049091	--- Vỏ hạt cọ	kg/chiếc	7.5	5	5
3	14049092	--- Chùm không quả của cây cọ dầu	kg/chiếc	7.5	5	5
3	14049099	--- Loại khác	kg/chiếc	7.5	5	5

Hình 2.11 Tra mã HS code theo biểu thuế xuất nhập khẩu

Bước 3: Lên tờ khai nháp

Sau khi tiếp nhận và kiểm tra đầy đủ bộ chứng từ xuất khẩu, nhân viên chứng từ của công ty sẽ tiến hành lên tờ khai hải quan nháp trên phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS5 VNACCS/VCIS. cho lô hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) từ Việt Nam sang Hàn Quốc.

Nhân viên chứng từ sẽ dựa vào các dữ liệu trên hợp đồng ngoại thương (Sales Contract), hóa đơn thương mại (Commercial Invoice), phiếu đóng gói hàng hóa (Packing List), booking của hãng tàu, để khai báo các thông tin cần thiết cho lô hàng FCL như:

- Thông tin người xuất khẩu và người nhập khẩu.
- Loại hình xuất khẩu.
- Thông tin hàng hóa: mã HS, xuất xứ, số lượng, trọng lượng và trị giá hàng hóa.
- Cảng xếp hàng tại Việt Nam và cảng dỡ hàng tại Hàn Quốc.
- Phương thức vận chuyển.
- Thông tin container và số container.
- Điều kiện giao hàng (Incoterms).
- Thông tin thuế xuất khẩu (nếu có).

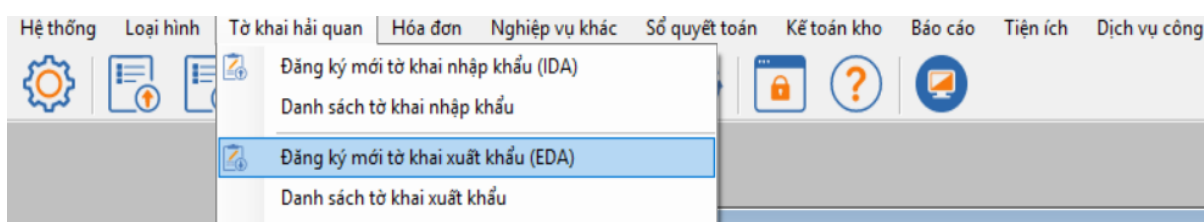
Trong quá trình lên tờ khai nháp, nhân viên chứng từ phải đặc biệt kiểm tra tính chính xác và thống nhất giữa các chứng từ với nội dung khai báo trên hệ thống. Các thông tin như tên hàng, mã HS, đơn vị tính, trọng lượng, trị giá CNF và số container phải được đối chiếu cẩn thận để tránh sai sót khi truyền tờ khai chính thức.

Đối với lô hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang Hàn Quốc, công ty kiểm tra các thông tin liên quan đến Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) hoặc Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA) trong trường hợp khách hàng yêu cầu xin C/O ưu đãi để được hưởng ưu đãi thuế quan tại nước nhập khẩu.

Sau khi hoàn tất việc lên tờ khai nháp, nhân viên sẽ gửi lại nội dung khai báo cho khách hàng kiểm tra và xác nhận trước khi tiến hành truyền tờ khai chính thức lên hệ thống hải quan.

❖ *Khai báo hải quan điện tử gồm các bước sau:*

Thứ nhất, đăng nhập vào phần mềm ECUS5 VNACCS/VCIS, từ giao diện của phần mềm chọn tờ khai hải quan sau đó chọn vào đăng ký mới tờ khai xuất khẩu (EDA).



Thứ hai, tiến hành nhập các thông tin chung trong tab “thông tin chung”

- Nhập thông tin của tờ khai: Tiến hành nhập mã loại hình, cơ quan Hải quan, mã bộ phận xử lý tờ khai, mã hiệu phương thức vận chuyển và ngày khai báo (dự kiến)

- + Mã loại hình: B11 - Xuất kinh doanh
- + Cơ quan Hải quan: 02CI - Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực I
- + Mã bộ phận xử lý tờ khai: 02 – Đội thủ tục hàng hóa xuất khẩu
- + Mã hiệu phương thức vận chuyển: 2 – Đường biển (container)
- + Ngày khai báo (dự kiến): 09/07/2025

- Thông tin về đơn vị xuất nhập khẩu: Nhập đầy đủ thông tin nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu.

Đơn vị xuất nhập khẩu	
Người xuất khẩu	
Mã:	3801085924
Tên:	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HKV
Mã bưu chính:	84
Địa chỉ:	Ấp Quân Y, Xã Tân Lợi, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Điện thoại:	0903070188
Người ủy thác xuất khẩu	
Mã:	
Tên:	
Người nhập khẩu	
Mã:	
Tên: *	DASAN BIO CO.,LTD
Mã bưu chính:	
Địa chỉ: *	43 HWASAN-RO, ONSAN-EUP ULJU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA
Mã nước:	KR R.KOREA
Mã người khai Hải quan:	

Người xuất khẩu:

- + Mã số thuế: 3801085924
- + Tên công ty: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HKV
- + Mã bưu chính: 84 (Việt Nam)
- + Địa chỉ: Ấp Quân Y, Xã Tân Lợi, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
- + Điện thoại: 0903070188

Người nhập khẩu:

- + Tên: DASAN BIO CO .,LTD
- + Địa chỉ: 43 HWASAN-RO, ONSAN-EUP ULJU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA
- + Mã nước: KR – R.KOREA

- Nhập các thông tin ở phần vận đơn: Nhập vào các thông tin vận chuyển hàng hóa như phương tiện vận chuyển, số lượng kiện, tổng trọng lượng hàng, cảng địa điểm dỡ hàng/xếp hàng,..

Vận đơn	
Số vận đơn:	122400029447128
Số lượng kiện: *	288 BA
Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến:	02CIS01
Địa điểm nhận hàng cuối cùng: *	KRKAN KWANGYANG
Địa điểm xếp hàng:	VNCLI CANG CAT LAI (HCM)
Phương tiện vận chuyển:	9999 TEH TAICHUNG 24008N
Ngày hàng đi dự kiến: *	09/07/2025
Ký hiệu và số hiệu:	288 BAGS / 144 PALLETS

- + Số lượng kiện: 288 BG (288 bao)
- + Tổng trọng lượng hàng (Gross): 216,72 KGM
- + Mã địa điểm lưu kho hàng chờ thông quan dự kiến: 02CIS01 - Công ty Tân Cảng SG
- + Địa điểm nhận hàng cuối cùng: KRKAN - KWANGYANG
- + Địa điểm xếp hàng: VNCLI - Cảng Cát Lái (HCM)
- + Phương tiện vận chuyển: 9999 - thông tin cơ bản của tàu chưa được đăng kí vào hệ thống
- + Tên tàu và số chuyến: TEH TAICHUNG 24008N
- + Ngày hàng đi dự kiến: 11/07/2025
- + Ký hiệu và số hiệu: 288 Bag / 144 Pallets

- Thông tin hóa đơn: Nhập vào đầy đủ các thông tin trên hóa đơn hàng hóa về loại hình thức hóa đơn, số hóa đơn, ngày phát hành, phương thức thanh toán, trị giá hóa đơn, điều kiện giao hàng.

Thông tin hóa đơn	
Phân loại hình thức hóa đơn:	A
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử:	
Ngày phát hành:	09/07/2025
Mã phân loại giá hóa đơn: *	A
Tổng trị giá hóa đơn: *	33,480
Trị giá tính thuế:	33,480
Số hóa đơn:	SC-022/09/7/2025
Phương thức thanh toán:	KC
Điều kiện giá hóa đơn: *	C&F
Mã đồng tiền của hóa đơn: *	USD
Mã đồng tiền trị giá tính thuế:	USD

- + Ngày phát hành hóa đơn: 09/07/2025
- + Số hóa đơn: SC-022/09/07/2025
- + Mã phân loại hóa đơn: A – Mã phân loại cho hàng hóa phải trả tiền
- + Phương thức thanh toán: KC – Khác (bao gồm cả hình thức thanh toán TT)
- + Tổng trị giá hóa đơn: 33,480
- + Trị giá tính thuế: 33,480
- + Mã đồng tiền của hóa đơn: USD

- Thông tin thuế và bảo lãnh: Nhập thông tin người nộp thuế và mã xác định thời hạn nộp thuế.

Thuế và bảo lãnh

Phân loại không cần quy đổi VNĐ: Tổng hệ số phân bổ trị giá tính thuế:

Người nộp thuế:

Mã ngân hàng trả thuế thay:

Năm phát hành hạn mức: Ký hiệu chứng từ hạn mức: Số chứng từ hạn mức:

Mã xác định thời hạn nộp thuế: D Trường hợp nộp thuế ngay

Mã ngân hàng bảo lãnh:

Năm phát hành bảo lãnh: Ký hiệu chứng từ bảo lãnh: Số chứng từ bảo lãnh:

+ Người nộp thuế: Người xuất khẩu (nhập khẩu)

+ Mã xác định thời hạn nộp thuế: D – Trường hợp nộp thuế ngay

- Khi nhập phương thức thanh toán KC thì phần ghi chú phải note thông tin vào.

Thông tin khác

Phần ghi chú: HĐ: DSC-022/09/7/2025 ngày 09/07/2025. Phương thức thanh toán: T/T

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp:

+ Phần ghi chú: HĐ: DSC-022/09/7/2025 ngày 09/07/2025. Phương thức thanh toán: T/T

Thứ ba, nhập thông tin container ở tab “thông tin container”

Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng

Mã: (1) 02CIS01 (2) (3) (4) (5)

Tên: TONG CTY TAN CANG SG

Địa chỉ: 1295 Nguyễn Thị Định, p Cát Lái, Q2

Số Container:

1	IAAU1723781	2	IAAU1842754	3	IAAU1699601	4	IAAU1802828	5	IAAU1725505
6	BHCU5001390	7	TCNU8581592	8	IAAU1817073	9		10	

+ Mã địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng: 02CIS01 – Tổng Công ty Tân Cảng SG

+ Địa chỉ: 1295 Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q.2

+ Số container: 8 container (1) IAAU1723781, (2) IAAU1842754, (3) IAAU1699601, (4) IAAU1802828, (5) IAAU1725505, (6) BHCU5001390, (7) TCNU8581592, (8) IAAU1817073

Thứ tư, nhập thông tin chi tiết hàng hóa vào tab “danh sách hàng hóa”

STT	Mã hàng	Tên hàng (mô tả chi tiết)	Mã HS	Xuất xứ	Lượng	Đơn vị tính	Lượng 2	Đơn vị tính 2	Đơn giá hóa đơn	Trị giá hóa đơn
1		Vỏ lụa hạt điều, dạng bột (CASHEW NUT TESTA PREMIUM A), đóng bao jumbo. Hàng mới 100%#8/VN	14049099	VIETNAM	216	TNE	216,000	KGM	155	33,480

- + Tên hàng (mô tả chi tiết): Vỏ lụa hạt điều, dạng bột (CASHEWNUT TESTA PREMIUM A), đóng bao jumbo. Hàng mới 100%#&VN
- + Mã HS: 14049099
- + Xuất xứ: VietNam
- + Lượng 1: 216 TNE – tấn (theo Invoice)
- + Lượng 2: 216,000 KGM (theo quy định Hải quan – xem biểu thuế XNK)
- + Đơn giá hóa đơn: 155
- + Trị giá hóa đơn: 33,480

Sau đó tiến hành ghi tờ khai nháp, Long Nguyên Toàn Logistics tiến hành sắp xếp đưa container hàng ra cảng để thực hiện hạ container theo lịch tàu và thời gian cắt máng (Closing Time – Cut off) do hãng tàu quy định. Sau khi container được hạ bãi thành công, công ty tiếp tục kiểm tra và hoàn thiện thông tin để đăng ký tờ khai hải quan chính thức trên hệ thống điện tử.

Bước 4: Hạ container

Sau khi hoàn tất việc lên tờ khai hải quan nháp, công ty tiến hành sắp xếp đưa container hàng ra cảng để thực hiện hạ container theo lịch tàu và thời gian cắt máng (Closing Time) do hãng tàu quy định.

Closing time tại (closing time at):	CAT LAI PORT	Trước(before):	10/07/2025 04:00 AM
VGM cut off time:	09/07/2025 10:00 AM	B/L amend. cut off time:	10/07/2025 10:00 AM
SI cut off time:	09/07/2025 10:00 AM		

- + Cut off tại: Cảng Cát Lái, trước ngày 10/07/2025 trước 04h00 sáng

Đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL), hàng hóa sẽ được đóng nguyên container tại kho của doanh nghiệp hoặc kho chỉ định trước khi vận chuyển ra cảng. Sau khi hoàn tất đóng hàng, container được niêm phong bằng seal nhằm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển quốc tế.

Tiếp theo, doanh nghiệp bố trí xe đầu kéo vận chuyển container đến cảng xuất hàng theo thông tin trên Booking Confirmation của hãng tàu. Tại cảng, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hạ container vào bãi chờ xuất khẩu trước thời gian Closing Time để đảm bảo container được xếp lên đúng chuyến tàu đã đăng ký.

Dự kiến xếp lên tàu (Vessel name):	TEH TAICHUNG	Số chuyến: (Voyage no.):	24008N
Cảng xếp hàng (Port of loading):	CAT LAI PORT	Ngày tàu chạy: (ETD)	11/07/2025

+ Cảng xuất hàng: CAT LAI PORT

+ Tên và số chuyến tàu: TEH TAICHUNG 24008N

Khi thực hiện hạ container, doanh nghiệp cần cung cấp các thông tin và chứng từ liên quan như:

- Booking Confirmation.
- Thông tin số container và số seal.
- VGM.

Sau khi container được tiếp nhận tại cảng, hệ thống cảng sẽ xác nhận container đã vào bãi. Đây là cơ sở để doanh nghiệp tiếp tục thực hiện truyền tờ khai hải quan chính thức trên phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS5 VNACCS/VCIS ở bước tiếp theo.

Bước 5: Truyền tờ khai chính thức và phân luồng Hải quan

Sau khi container đã được hạ tại cảng và hệ thống cảng xác nhận container vào bãi thành công, nhân viên chứng từ sẽ tiến hành truyền tờ khai hải quan chính thức trên phần mềm khai báo hải quan điện tử ECUS5 VNACCS/VCIS.

Ở bước này, nhân viên chứng từ sử dụng dữ liệu từ tờ khai nháp đã chuẩn bị trước đó để truyền chính thức lên hệ thống hải quan điện tử.

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai **306565123930** Số tờ khai đầu tiên - / 0656512393
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra 1 Mã loại hình 011 2 Mã số thuế đại diện 1404
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CS200KV1 Mã bộ phận xử lý tờ khai 02
 Ngày đăng ký 09/07/2025 16:23:32 Ngày thay đổi đăng ký / /
 Thời hạn tái nhập/ tái xuất / / -

Người xuất khẩu

Mã 3801085924 - 001
 Tên CHI NIUAMI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HKV
 Mã bưu chính 84
 Địa chỉ Ấp Quên Y, Xã Tân Lợi, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
 Số điện thoại 0903070188

Người ủy thác xuất khẩu

Mã
 Tên

Người nhập khẩu

Mã
 Tên DASAN RIO CO., LTD
 Mã bưu chính
 Địa chỉ 43 IMASAN-RO, ONSAN-SIUP UI-JU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA
 Mã nước KR

Đại lý Hải quan

Mã nhận văn Hải quan

Số vận đơn 22240002944 128
 Số lượng 288 KG
 Tổng trọng lượng hàng (Gross) 216.720 KG
 Địa điểm lưu kho 02C1501 TONG CTV HAN CONG SO
 Địa điểm nhận hàng cuối cùng KOREA KWANGYANG
 Địa điểm xếp hàng VNCH1 CANG CAT LAI (HCM)
 Phương tiện vận chuyển dự kiến 9999 THOI TAICHUNG 24000N
 Ngày hàng đi dự kiến 11/07/2025
 Ký hiệu và số hiệu 288 BAGS / 144 PALLETES

Giấy phép xuất khẩu	Số hóa đơn	A	-	SC-022/09/11/2025
1	Số tiếp nhận hóa đơn điện tử			
2	Ngày phát hành			09/07/2025
3	Phương thức thanh toán			KC
4	Tổng trị giá hóa đơn	C67	= USD	33.480 = A
5	Tổng trị giá tính thuế	USD	=	33.480
	Tỷ giá tính thuế	USD	= 25.243	=
	Tổng hệ số phân bổ trị giá			33.480 =

Phân loại không cần quy đổi VND Người nộp thuế 1 Mã xác định thời hạn nộp thuế 0 Phân loại nộp thuế A
 Tổng số tiền thuế xuất khẩu Tổng số tiền lệ phí VND
 Số tiền bảo lãnh

Tổng số trang của tờ khai 3 Tổng số dòng hàng của tờ khai 1

Số đính kèm khai báo điện tử 1 - 2 - 3 -
 Phần ghi chú HD: SSC-022/09/11/2025 ngày 09/07/2025. Phương thức thanh toán: T/T

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Số quản lý người sử dụng 00012

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan CS2 CS HK CK Công Sứ Gồm KV 1
 Ngày hoàn thành kiểm tra 09/07/2025 16:23:
 Ngày cấp phép xuất nhập 09/07/2025 16:23:
 Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành) 09/07/2025
 Địa điểm Ngày đến Ngày khởi hành
 Thông tin trung chuyển 1 / / ~ / /
 2 / / ~ / /
 3 / / ~ / /
 Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế 02C1501 09/07/2025

Hình 2.12 Tờ khai xuất khẩu

Sau khi truyền tờ khai, hệ thống hải quan sẽ tự động cấp số tờ khai và thực hiện phân luồng kiểm tra đối với lô hàng. Tùy theo mức độ rủi ro của doanh nghiệp và hàng hóa, tờ khai có thể được phân vào luồng xanh, luồng vàng hoặc luồng đỏ với các trường hợp xử lý cụ thể như sau:

- **Luồng xanh:** Đây là mức kiểm tra thấp nhất. Doanh nghiệp được miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa. Sau khi hệ thống chấp nhận tờ khai, doanh nghiệp chỉ cần hoàn thành nghĩa vụ thuế (nếu có) thì lô hàng sẽ được thông quan. Một số trường hợp có thể xảy ra trong quá trình thông quan như:

- + Hồ sơ hợp lệ, thông tin khai báo chính xác lúc này hệ thống tự động thông quan.
- + Doanh nghiệp nợ thuế hoặc chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính thì lúc này hàng hóa sẽ chưa được thông quan cho đến khi doanh nghiệp hoàn tất nghĩa vụ thuế.
- + Hệ thống hoặc công chức hải quan phát hiện dấu hiệu bất thường lúc này tờ khai có thể bị chuyển sang luồng vàng hoặc luồng đỏ để kiểm tra thêm.

Ngoài ra sau khi thông quan, doanh nghiệp vẫn có thể bị kiểm tra sau thông quan nhằm đánh giá tính chính xác của hồ sơ khai báo.

- **Luồng vàng:** Cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra chi tiết bộ chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử của lô hàng, nhưng chưa thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa. Một số trường hợp thường gặp gồm:

- + Hồ sơ đầy đủ, chứng từ phù hợp với nội dung khai báo thì tờ khai sẽ được chấp nhận và hàng hóa được thông quan.
- + Trường hợp thiếu chứng từ như invoice, packing list, hợp đồng, vận đơn hoặc giấy phép chuyên ngành, doanh nghiệp phải bổ sung theo yêu cầu của cơ quan hải quan.
- + Trường hợp phát hiện khai báo chưa chính xác về mã HS, trị giá tính thuế hoặc số lượng hàng hóa, doanh nghiệp sẽ phải thực hiện khai sửa đổi, bổ sung.
- + Đối với hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành nhưng chưa có kết quả kiểm tra hoặc giấy chứng nhận liên quan thì chưa đủ điều kiện để thông quan.
- + Khi công chức hải quan nhận thấy hồ sơ có dấu hiệu rủi ro hoặc nghi ngờ gian lận, tờ khai có thể bị chuyển sang luồng đỏ để kiểm tra thực tế hàng hóa.

- **Luồng đỏ:** Đây là mức kiểm tra nghiêm ngặt nhất trong quy trình phân luồng hải quan. Cơ quan hải quan sẽ tiến hành kiểm tra chi tiết bộ chứng từ và kiểm tra thực tế hàng hóa tại cảng, kho hoặc bãi kiểm hóa. Nếu kết quả kiểm tra phù hợp với nội dung

khai báo, hàng hóa sẽ được chấp nhận thông quan. Một số trường hợp thường xảy ra gồm:

- + Hải quan kiểm tra thực tế một phần lô hàng theo phương pháp xác suất khi mức độ rủi ro không cao.
- + Đối với hàng hóa thuộc diện rủi ro cao hoặc doanh nghiệp có tiền sử vi phạm, cơ quan hải quan có thể kiểm tra toàn bộ lô hàng.
- + Một số mặt hàng đặc thù có thể bị lấy mẫu để giám định, phân tích hoặc thực hiện kiểm tra chuyên ngành.
- + Trường hợp phát hiện sai lệch về tên hàng, số lượng, xuất xứ, mã HS hoặc trị giá khai báo, doanh nghiệp có thể bị: xử phạt vi phạm hành chính, yêu cầu khai sửa đổi và bổ sung, tạm giữ hàng hóa để xử lý theo quy định.
- + Trong các trường hợp nghiêm trọng như khai báo sai nhằm trốn thuế hoặc xuất khẩu hàng hóa bị cấm, cơ quan hải quan có thể lập biên bản vi phạm và chuyển hồ sơ cho cơ quan chức năng để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với các lô hàng xuất khẩu sang Hàn Quốc, doanh nghiệp cần đặc biệt lưu ý tính chính xác của mã HS, trị giá khai báo và thông tin trên chứng từ nhằm tránh phát sinh sai sót trong quá trình kiểm tra hải quan hoặc ảnh hưởng đến việc hưởng ưu đãi thuế quan theo các hiệp định thương mại giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

Bước 6: Nộp thuế và lệ phí hải quan

Đối với mặt hàng vỏ hạt điều xuất khẩu có mã HS 14049099 thuộc Chương 14 của Biểu thuế xuất nhập khẩu 2025, doanh nghiệp được áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu 0%, do đó không phải nộp thuế xuất khẩu khi làm thủ tục hải quan. Đối với những mặt hàng phải chịu thuế xuất khẩu thì công ty sẽ tiến hành nộp thuế và lệ phí trực tiếp tại ngân hàng hoặc thanh toán online (hình thức chuyển khoản).

Long Nguyên Toàn Logistics thực hiện nộp lệ phí hải quan và các khoản phí liên quan để hoàn tất quá trình thông quan hàng hóa. Các khoản phí thường phát sinh gồm: lệ phí đăng ký tờ khai hải quan xuất khẩu, phí sử dụng hạ tầng cảng biển, phí nâng hạ container, lưu kho, lưu bãi, trong trường hợp lô hàng bị kiểm hóa sẽ phát sinh phí soi chiếu container và các khoản phí dịch vụ khác tại cảng (nếu có).

Sau khi doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ tài chính và hệ thống hải quan xác nhận thanh toán thành công, tờ khai sẽ được thông quan, hàng hóa đủ điều kiện để đưa lên phương tiện vận tải và thực hiện xuất khẩu.

Bước 7: Thanh lý/ vào sổ tàu

Ở bước này, nhân viên chứng từ tiến hành lấy mã vạch tờ khai hải quan trên website “Hải quan Việt Nam”. Nhân viên chứng từ của công ty sẽ chọn mục “In bản kê mã vạch”, sau đó nhập các thông tin cần thiết gồm: mã doanh nghiệp, số tờ khai, mã cơ quan hải quan và ngày đăng ký tờ khai. Tiếp theo, chọn chức năng “Lấy thông tin” để hệ thống hiển thị và in mã vạch tờ khai hải quan.

HẢI QUAN VIỆT NAM
Chuyên nghiệp, Minh bạch, Hiệu quả
Trang chủ Danh sách thủ tục **In bản kê mã vạch** Hướng dẫn Tra cứu TT phương tiện Đăng nhập

HỆ THỐNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN HQ 36a

(Đề nghị sử dụng trình duyệt IE9, Firefox 30 trở lên)
KIỂM TRA SỐ KIẾN, CONTAINER, PHƯƠNG TIỆN CHỨA HÀNG
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN
Nhập Mã doanh nghiệp, Số tờ khai, Mã hải quan, Ngày của Tờ khai hải quan,
và bấm nút Lấy thông tin

* Mã doanh nghiệp: 3801085924
* Số tờ khai: 306565123930
* Mã hải quan: 02CI
* Ngày tờ khai: 09/07/2025

Lấy thông tin

Hình 2.13 Hình ảnh web Hải quan Việt Nam về thủ tục lấy mã vạch

Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh
CC HQ CK Cảng Sài Gòn KV I

Ngày 09 tháng 07 năm 2025

DANH SÁCH HÀNG HÓA
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN
Tờ khai không phải niêm phong

1. Chi cục hải quan giám sát: CC HQ CK Cảng Sài Gòn KV I - 02CIS01: TONG CTY TAN CANG SG - 2
2. Đơn vị XNK: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HKV
3. Mã số thuế: 3801085924001
4. Số tờ khai: 306565123930
5. Trạng thái tờ khai: Thông quan
6. Ngày tờ khai: 09/07/2025 - 11/07/2025
7. Loại hình: Xuất kinh doanh
8. Luồng: Xanh
9. Số quản lý hàng hóa: 122400029447128

STT	SỐ LƯỢNG HÀNG (1)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG (2)	LƯỢNG HÀNG HÓA THỰC TẾ QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN (3)	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN (4)
1	288 BAG	216720 Kilogram		

Kết xuất dữ liệu lúc: 09/07/2025 04:30 PM

Ghi chú:

- Cột số (1) lấy từ tiêu chí “Số lượng” trên phần “General” của tờ khai hải quan.
- Cột số (2) lấy từ tiêu chí “Tổng trọng lượng hàng” trên phần “General” của tờ khai hải quan.
- Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVGs nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVGs, công chức hải quan thực hiện:
 - + Cột số (3): ghi rõ lượng hàng từng lần qua KVGs.
 - + Cột số (4): ghi ngày, tháng, năm; ký, đóng dấu công chức.
- Trường hợp giá trị tại cột (1):
 - + khác 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (1);
 - + bằng 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (2).

Hình 2.14 Hình ảnh mã vạch

Sau khi có mã vạch, bộ phận Ops mang tờ mã vạch đến công cảng để thực hiện thanh lý hải quan. Hải quan giám sát sẽ quét mã vạch để kiểm tra thông tin container và xác nhận container đã được đưa vào khu vực giám sát, đủ điều kiện xếp lên tàu. Sau khi thanh lý thành công, các thông tin như số container, số seal, tên tàu và số chuyến sẽ được cập nhật đầy đủ trên hệ thống hải quan.

Tiếp theo, nhân viên hiện trường thực hiện thủ tục vào sổ tàu với hãng tàu nhằm xác nhận container được đăng ký xếp đúng tàu, đúng chuyến theo booking đã đặt trước. Tại bước này, hãng tàu sẽ kiểm tra thông tin lô hàng trên hệ thống như số booking, số container, số seal, tên tàu, số chuyến và thời hạn cắt máng (closing time). Nếu thông tin phù hợp, hãng tàu sẽ xác nhận container đủ điều kiện xếp lên tàu và cập nhật vào danh sách xếp hàng xuất khẩu.

Sau khi hoàn tất thủ tục vào sổ tàu, hãng tàu hoặc cảng sẽ cấp phiếu xác nhận vào sổ tàu cho doanh nghiệp để lưu hồ sơ và làm căn cứ đối chiếu khi cần thiết. Nhân viên hiện trường phải rà soát kỹ toàn bộ thông tin trên phiếu xác nhận cũng như trên hệ thống nhằm đảm bảo tính chính xác giữa chứng từ và thực tế hàng hóa.

Trong trường hợp phát hiện sai lệch về số container, số seal, tên tàu hoặc số chuyến, doanh nghiệp cần liên hệ ngay với hãng tàu để điều chỉnh kịp thời trước giờ closing time. Nếu xử lý chậm, container có thể bị rớt tàu, phát sinh chi phí lưu bãi, đổi tàu và ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng cho khách hàng.

(Lưu ý: việc vào sổ tàu phải được hoàn tất trước giờ closing time; nếu chậm trễ, hàng có thể bị rớt tàu, không thể xuất khẩu theo chuyến dự kiến mặc dù đã thông quan, làm ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng.)

Bước 8: Lập bộ chứng từ gửi cho Agent và lưu trữ hồ sơ

Sau khi tàu chạy và hãng tàu phát hành vận đơn (Bill of Lading), bộ phận chứng từ sẽ tiến hành hoàn thiện bộ chứng từ xuất khẩu để gửi cho agent/đại lý ở nước ngoài. Bộ chứng từ này là cơ sở để agent làm thủ tục nhận hàng cho người nhập khẩu tại cảng đến.

Nhân viên chứng từ kiểm tra kỹ tính thống nhất giữa các chứng từ, đặc biệt là các thông tin về tên người gửi - người nhận, mô tả hàng hóa, số container, số seal, tên tàu, số chuyến và ngày tàu chạy.

Bộ chứng từ xuất khẩu thông thường bao gồm:

- Hóa đơn thương mại (Invoice) *(Xem ở phụ lục 3)*

- Phiếu đóng gói (Packing List – P/L) (Xem ở phụ lục 4)
- Vận đơn (Bill of Lading - B/L) sẽ do hãng tàu cấp để xác nhận việc hàng hóa đã được xếp lên tàu để vận chuyển.



Shipper
LONG NGUYEN TOAN SERVICES TRADING COMPANY LIMITED
11 STREET NO 12, THU DUC WARD,
HO CHI MINH CITY, VIETNAM

Consignee
A-ONE LOGISTICS CO., LTD.
301 INS BLDG, 13, SUWAN-RO 12 BEON-GIL,
GWANGSAN-GU, GWANGJU, KOREA
TEL: 82-62-962-2118 / FAX: 82-62-962-5116

Notify party CARRIER NOT TO BE RESPONSIBLE FOR FAILURE TO NOTIFY
SAME AS CNEE

Ocean vessel / Voy No
TEH TAICHUNG 24008N

Port of loading
CAT LAI PORT, HOCHIMINH,
VIETNAM

Port of discharge
KWANGYANG, KOREA

Place of receipt
CAT LAI PORT, HOCHIMINH,
VIETNAM

Place of delivery
KWANGYANG, KOREA

Marks & Nos; Container No / Seal No SIZE : GRINDED (5MM) MOISTURE: MAX 15% PACKING: JUMBO 288 BAGS COUNTRY OF ORIGIN: VIETNAM TOTAL: 288 BAGS (144 PALLETS) FCL/FCL CONTAINER AS ATTACHED LIST	No of packages or containers 8 CTRS (288 BAGS)	Kind of Packages; Description of goods "SHIPPER'S PACK LOAD COUNT & SEAL" "SAID TO CONTAIN" CASHEWNUIT TESTA PREMIUM A TOTAL: 288 BAGS "FREIGHT PREPAID" SAY : EIGHT CONTAINERS ONLY	Gross weight / Measurement 216,720.000 KGS
---	--	---	--

Freight payable at CAT LAI PORT, HOCHIMINH, VIETNAM	Ex. Rate	No of original B(s)/L ZERO (0)	Place and date of issue HO CHI MINH JUL 11 2025
---	------------------------	--	---

ALL AS ARRANGED



Date JUL 11 2025
TEH TAICHUNG 24008N
CAT LAI PORT, HOCHIMINH, VIETNAM

Laden on board
CONG TY TNHH GIAO NHAN HANG HAI CAT TUONG
AS AGENT FOR THE CARRIER INTERASIA LINES
SINGAPORE PTE. LTD.

BILL OF LADING

B/L No A59E019060

Telex Release

RECEIVED by the Carrier from the Shipper in apparent good order and condition unless otherwise indicated herein, the Goods, or the Container(s) or package(s) said to contain the cargo herein mentioned to be carried subject to all the Terms and Conditions provided for on the face and back of this Bill of Lading by the Vessel named herein or any substitute at the Carrier's option and/or other means of transport, from the Place of Receipt or the Port of Loading to the Port of Discharge or the Place of Delivery shown herein and there to be delivered unto order or assigns.

This Bill of Lading duly endorsed must be surrendered in exchange for the Goods or delivery order.

In accepting this Bill of Lading, the Merchant (as defined by Article 1 on the back hereof) agrees to be bound by all Terms and Conditions on the face and back hereof, whether written, typed, stamped, printed or otherwise incorporated, as fully as if signed by the Merchant, any local custom or privilege to the contrary notwithstanding, and agrees that all agreements or freight engagements for and in connection with the Carriage of the Goods are superseded by this Bill of Lading.

It is further agreed that Goods may be stowed on deck without notice pursuant to Article 17 on the back of this Bill of Lading.

In witness whereof, the undersigned, on behalf of the Carrier, has signed the number of Bill(s) of Lading stated above, all of this tenor and date, one of which being accomplished the others to stand void.

"On Board" means the Goods are loaded on board the ocean Vessel named in this Bill of Lading, or loaded on board rail cars, trucks, trailers, feeder ships, barges, or other means of transportation and are in the custody of an inland or ocean carrier for Combined Transport in accordance with the terms of this Bill of Lading.

SHIPPING AGENT REFERENCES COMPLETE NAME AND ADDRESS

INTERASIA LINES KOREA CO., LTD.
RM 901, JEOKSUN HYUNDAE BUILDING, 130, SAIK-RO,
JONGNO-GU, SEOUL, KOREA
TEL : 02 7202500 FAX : 02 7202270

Hình 2.15 Vận đơn (B/L)

- Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin - C/O) dùng để xác nhận xuất xứ của lô hàng. (Xem ở phụ lục 5)

- Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate - Phyto) do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền cấp, dùng để xác nhận lô hàng có nguồn gốc thực vật đã được kiểm dịch và đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu. (Xem ở phụ lục 6)

Sau khi hoàn tất kiểm tra, bộ chứng từ được scan và gửi cho agent qua email để chuẩn bị thủ tục tại cảng đến. Trường hợp sử dụng vận đơn gốc (Original B/L), doanh nghiệp sẽ gửi bản gốc theo yêu cầu, đối với vận đơn điện tử hoặc surrendered B/L hay Telex Release, nhân viên chứng từ sẽ thông báo để agent chủ động làm thủ tục nhận hàng đúng thời gian.

Ngoài ra, sau khi hoàn tất việc gửi chứng từ cho agent, bộ phận chứng từ sẽ tiến hành lưu trữ toàn bộ hồ sơ của lô hàng theo từng file riêng để thuận tiện cho việc quản lý và tra cứu sau này. Hồ sơ được lưu dưới cả hai hình thức: bản cứng lưu tại doanh nghiệp và bản mềm lưu trên hệ thống máy tính hoặc dữ liệu nội bộ của công ty.

Việc lưu trữ hồ sơ giúp doanh nghiệp dễ dàng đối chiếu thông tin khi phát sinh khiếu nại, kiểm tra sau thông quan, quyết toán thuế hoặc làm căn cứ xử lý các vấn đề liên quan đến thanh toán và giao nhận hàng hóa. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để theo dõi lịch sử xuất khẩu và hỗ trợ cho các lô hàng tiếp theo của khách hàng.

2.4 Đánh giá

2.4.1 Ưu và nhược điểm

❖ Ưu điểm:

Qua quá trình tìm hiểu và phân tích quy trình thủ tục hải quan thực tế đối với lô hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tuyến Việt Nam - Hàn Quốc tại Long Nguyên Toàn Logistics, có thể nhận thấy quy trình của công ty được xây dựng tương đối bài bản, rõ ràng và phù hợp với hoạt động giao nhận hàng hóa quốc tế hiện nay.

Thứ nhất, quy trình được phân chia thành nhiều bước cụ thể, từ khâu tiếp nhận thông tin lô hàng, kiểm tra chứng từ, khai báo hải quan cho đến thanh lý tờ khai và lưu trữ hồ sơ. Việc xây dựng quy trình rõ ràng giúp các bộ phận dễ dàng phối hợp trong quá trình xử lý nghiệp vụ, đồng thời hạn chế tình trạng chồng chéo công việc và đảm bảo tiến độ giao hàng cho khách hàng.

Thứ hai, công ty có sự chủ động trong việc hỗ trợ khách hàng kiểm tra mã HS, chính sách mặt hàng và các quy định liên quan đến kiểm dịch thực vật trước khi thực

hiện khai báo hải quan. Điều này giúp khách hàng hạn chế được các rủi ro pháp lý, tránh sai sót trong quá trình thông quan và đảm bảo hàng hóa đáp ứng đúng quy định xuất khẩu.

Thứ ba, là bộ phận chứng từ thực hiện kiểm tra và đối chiếu thông tin giữa các chứng từ rất kỹ lưỡng trước khi khai báo. Các thông tin như tên hàng, mã HS, trọng lượng, số container và cảng đi - cảng đến đều được rà soát cẩn thận nhằm hạn chế sai lệch dữ liệu trên hệ thống hải quan điện tử. Ngoài ra, việc thực hiện khai tờ khai nháp trước khi truyền chính thức cũng giúp nhân viên phát hiện và xử lý lỗi kịp thời, giảm nguy cơ phải sửa hoặc hủy tờ khai sau khi đăng ký chính thức.

Thứ tư, công ty còn theo dõi sát sao lịch tàu, thời gian Closing Time và quá trình hạ container tại cảng nhằm đảm bảo container được đưa vào bãi đúng thời gian quy định và hạn chế tình trạng rớt tàu. Sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận chứng từ (Docs), hiện trường (Ops) và kế toán giúp quá trình xử lý lô hàng diễn ra liên tục và hiệu quả hơn.

Thứ năm, bên cạnh hoạt động khai báo và giao nhận, công tác lưu trữ hồ sơ tại công ty cũng được thực hiện đầy đủ và khoa học. Các chứng từ như tờ khai hải quan, vận đơn, hóa đơn thương mại, packing list, C/O và giấy kiểm dịch thực vật được lưu trữ cẩn thận nhằm phục vụ cho công tác hậu kiểm, đối chiếu chứng từ và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có.

Nhìn chung, quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Long Nguyên Toàn Logistics được thực hiện tương đối chuyên nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa quốc tế và tạo sự tin tưởng đối với khách hàng trong quá trình hợp tác.

❖ *Nhược điểm:*

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Long Nguyên Toàn Logistics vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được cải thiện để nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa quốc tế.

Thứ nhất, quá trình khai báo tờ khai hải quan đôi khi vẫn xảy ra sai sót do kinh nghiệm thực tế của nhân viên chứng từ còn hạn chế, đặc biệt đối với các lô hàng có yêu cầu chứng từ phức tạp hoặc chính sách mặt hàng thay đổi thường xuyên. Một số lỗi như khai sai mã HS, tên hàng (mô tả chi tiết), sai thông tin container, số seal hoặc thiếu chứng từ đính kèm có thể dẫn đến việc phải sửa đổi hoặc truyền lại tờ khai, ảnh hưởng đến tiến độ thông quan hàng hóa.

Thứ hai, việc truyền tờ khai hải quan điện tử đôi khi còn bị chậm do lỗi đường truyền mạng, hệ thống VNACCS/VCIS quá tải hoặc phần mềm khai báo chưa thật sự hiện đại và đồng bộ. Đặc biệt vào các thời điểm cao điểm hoặc gần giờ closing time của hãng tàu, tình trạng này dễ làm chậm quá trình phân luồng tờ khai và ảnh hưởng đến tiến độ xuất khẩu hàng hóa.

Thứ ba, công ty còn phụ thuộc khá nhiều vào tiến độ phản hồi và xử lý của các bên liên quan như cơ quan hải quan, hãng tàu, kho bãi và đơn vị vận chuyển. Trong một số trường hợp, việc phản hồi chứng từ, xác nhận thông tin hoặc xử lý phát sinh còn chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ khai báo hải quan, thông quan và giao hàng xuất khẩu của doanh nghiệp.

Thứ tư, việc xử lý các tờ khai luồng vàng và luồng đỏ vẫn phụ thuộc khá nhiều vào kinh nghiệm thực tế của nhân viên. Trong một số trường hợp, khi hệ thống phát sinh lỗi hoặc cần bổ sung chứng từ gấp, quá trình xử lý còn mất nhiều thời gian do chưa có quy trình xử lý tình huống chuẩn hóa và đồng bộ giữa các bộ phận.

Thứ năm, sự phối hợp giữa các bộ phận như chứng từ (Docs), hiện trường (Ops), đôi khi chưa thật sự đồng bộ. Việc cập nhật thông tin về lịch tàu, container, chứng từ hoặc chi phí local charge chưa kịp thời có thể dẫn đến sai lệch dữ liệu và ảnh hưởng đến tiến độ xử lý lô hàng xuất khẩu.

Nhìn chung, những hạn chế trên ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả xử lý thủ tục hải quan và hoạt động xuất khẩu của công ty Long Nguyên Toàn Logistics. Vì vậy, công ty cần tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên, tăng cường phối hợp nội bộ và xây dựng quy trình xử lý nghiệp vụ chặt chẽ hơn nhằm hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan trong thời gian tới.

2.4.2 Nguyên nhân

2.4.2.1 Nhân tố khách quan

Những hạn chế trong quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Long Nguyên Toàn Logistics chịu tác động từ nhiều nhân tố khách quan như chính sách pháp luật, kinh tế, công nghệ và môi trường thương mại quốc tế. Các yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình khai báo hải quan, thông quan và tổ chức vận chuyển hàng hóa xuất khẩu.

Trước hết, yếu tố pháp luật và chính sách hải quan là nguyên nhân khách quan ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp. Hiện nay, hoạt động khai báo hải quan

xuất khẩu được thực hiện theo quy định của Luật Hải quan 2014, cùng các văn bản hướng dẫn như Thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Các quy định này thường xuyên được sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với thực tế thương mại quốc tế. Vì vậy, doanh nghiệp phải liên tục cập nhật thông tin để đảm bảo khai báo đúng quy định. Nếu cập nhật chậm hoặc áp dụng chưa chính xác có thể dẫn đến khai sai mã HS, sai chính sách mặt hàng hoặc thiếu chứng từ chuyên ngành, làm phát sinh việc sửa đổi tờ khai hoặc kéo dài thời gian thông quan.

Đối với lô hàng vỏ lụa hạt điều dạng bột xuất khẩu sang Hàn Quốc, doanh nghiệp áp dụng mã HS 14049099 theo Biểu thuế xuất nhập khẩu 2025. Theo biểu thuế hiện hành, mặt hàng này thuộc Chương 14 và được áp dụng thuế suất xuất khẩu 0%. Tuy nhiên, việc xác định mã HS trong thực tế vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro do hàng hóa nông sản chế biến thường dễ nhầm lẫn giữa các nhóm hàng. Nếu doanh nghiệp áp sai mã HS sẽ ảnh hưởng đến chính sách quản lý hàng hóa, mức thuế và kết quả kiểm tra của cơ quan hải quan.

Do hàng hóa có nguồn gốc thực vật nên doanh nghiệp phải thực hiện kiểm dịch thực vật theo quy định của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật 2013 trước khi xuất khẩu. Ngoài ra, để khách hàng tại Hàn Quốc được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc, công ty phải thực hiện xin C/O form AK. Điều này làm cho bộ hồ sơ xuất khẩu trở nên phức tạp hơn vì phải đảm bảo tính chính xác và đồng nhất giữa invoice, packing list, tờ khai hải quan và giấy chứng nhận xuất xứ. Nếu sai lệch thông tin, phía nhập khẩu có thể bị từ chối ưu đãi thuế hoặc bị kiểm tra bổ sung tại nước nhập khẩu.

Tiếp đến, môi trường công nghệ cũng ảnh hưởng lớn đến quy trình hải quan của doanh nghiệp. Hiện nay, hoạt động khai báo được thực hiện thông qua hệ thống VNACCS/VCIS và phần mềm ECUS5 VNACCS. Mặc dù việc số hóa giúp rút ngắn thời gian xử lý thủ tục, tuy nhiên hệ thống đôi khi xảy ra lỗi đường truyền, nghẽn mạng hoặc phản hồi chậm, đặc biệt vào thời điểm gần giờ closing time. Khi hệ thống gặp sự cố, doanh nghiệp không thể truyền tờ khai đúng thời gian, dẫn đến chậm phân luồng, ảnh hưởng đến tiến độ thông quan và nguy cơ rớt tàu.

Yếu tố kinh tế cũng là nguyên nhân khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động logistics của công ty. Biến động giá nhiên liệu, tỷ giá USD và cước vận tải biển quốc tế làm chi phí logistics tăng cao. Trong khi đó, khách hàng ngày càng yêu cầu mức giá cạnh tranh nhưng vẫn phải đảm bảo thời gian giao hàng nhanh chóng và ổn định. Điều này tạo áp lực lớn cho doanh nghiệp trong việc vừa kiểm soát chi phí vừa duy trì hiệu quả xử lý thủ tục hải quan.

Các biến động chính trị và thương mại quốc tế như chiến tranh, xung đột thương mại hoặc gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp. Những biến động này có thể khiến lịch tàu thay đổi liên tục, thiếu container rỗng hoặc ùn tắc cảng biển, từ đó ảnh hưởng đến kế hoạch hạ container, truyền tờ khai và thời gian giao hàng của công ty.

2.4.2.2 Nhân tố chủ quan

Trong hoạt động logistics và khai báo hải quan, hiệu quả thực hiện thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Long Nguyên Toàn Logistics chịu tác động bởi các nhân tố chủ quan xuất phát từ nội tại doanh nghiệp.

Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng xử lý chứng từ và khai báo hải quan. Khi nhân viên chưa đồng đều về năng lực, đặc biệt trong việc xử lý các tờ khai phức tạp hoặc luồng vàng, luồng đỏ, dễ phát sinh sai sót như khai sai mã HS, thông tin container, số seal hoặc mô tả hàng hóa. Bên cạnh đó, áp lực công việc trong bối cảnh cạnh tranh ngành logistics cao cũng làm gia tăng nguy cơ sai sót do nhân viên phải xử lý nhiều lô hàng trong thời gian ngắn.

Quy trình xử lý thủ tục hải quan tại doanh nghiệp vẫn chưa được chuẩn hóa đồng bộ giữa các bộ phận. Việc xử lý các tình huống phát sinh như sửa tờ khai, bổ sung chứng từ hay xử lý luồng kiểm tra còn phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm cá nhân thay vì quy trình thống nhất. Đồng thời, sự phối hợp giữa bộ phận chứng từ (Docs) và hiện trường (Ops) đôi khi chưa chặt chẽ, dẫn đến tình trạng chậm cập nhật thông tin về lịch tàu, container hoặc chi phí liên quan, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý lô hàng.

Việc ứng dụng công nghệ trong quản lý và khai báo hải quan chưa thật sự đồng bộ. Một số công đoạn như kiểm tra chứng từ, đối chiếu dữ liệu hoặc lưu trữ hồ sơ vẫn còn thực hiện thủ công, làm giảm hiệu quả xử lý và tăng nguy cơ sai sót. Ngoài ra, việc phụ thuộc vào hệ thống VNACCS/VCIS trong khai báo điện tử khiến doanh nghiệp bị

ảnh hưởng khi hệ thống quá tải hoặc đường truyền không ổn định, đặc biệt vào các thời điểm cao điểm.

Tóm lại, các nhân tố chủ quan trên được hình thành từ những khía cạnh chính gồm con người, quy trình tổ chức và công nghệ. Đây là những yếu tố nội tại có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL tại Long Nguyên Toàn Logistics, cần được cải thiện đồng bộ để nâng cao chất lượng hoạt động logistics của doanh nghiệp.

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Trong chương 2, tác giả đã giới thiệu khái quát về công ty - đơn vị thực tập và nghiên cứu thực tế về quy trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Đồng thời, chương này cũng trình bày tình hình hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức và các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của công ty trong lĩnh vực logistics và khai báo hải quan.

Tác giả đã mô tả và phân tích thực tế quy trình thực hiện thủ tục hải quan tại công ty, từ khâu tiếp nhận chứng từ, khai báo hải quan điện tử đến quá trình thông quan hàng hóa. Trên cơ sở đó, tác giả tiến hành đánh giá những ưu điểm đạt được cũng như các hạn chế còn tồn tại trong quá trình thực hiện nghiệp vụ, đồng thời chỉ ra những khó khăn và vướng mắc phát sinh trong thực tế như sai sót chứng từ, chậm trễ xử lý hồ sơ và sự thay đổi của chính sách hải quan.

Thông qua việc phân tích thực trạng, chương 2 đã làm rõ những điểm mạnh và điểm yếu của công ty trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, từ đó làm cơ sở để đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy trình và nâng cao hiệu quả hoạt động ở chương tiếp theo.

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN HÀNG XUẤT KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TUYẾN VIỆT NAM – HÀN QUỐC TẠI CÔNG TY LONG NGUYỄN TOÀN LOGISTICS

3.1 Định hướng và mục tiêu

3.1.1 Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh

3.1.1.1. Tổng quan về tình hình kinh tế, thương mại Việt Nam và Thế giới

❖ *Tình hình kinh tế, thương mại thế giới:*

Bước sang năm 2025, kinh tế thế giới ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ với đà tăng trưởng ổn định, hoạt động sản xuất công nghiệp phục hồi và thương mại quốc tế đạt mức kỷ lục nhờ sự phục hồi ở các khu vực Đông Á và châu Phi. Chính sách tiền tệ ổn định cùng việc kiểm soát hiệu quả lạm phát đã tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và phát triển ngành logistics toàn cầu, đặc biệt với sự hỗ trợ từ các chính sách kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, những thách thức hệ thống vẫn tiềm ẩn rủi ro đáng kể, với các yếu tố mong manh cơ bản vẫn tồn tại. Sự phân hóa trong quan hệ quốc tế, từ tranh chấp thương mại đến xung đột khu vực, tạo ra rào cản mới cho logistics xuyên biên giới. Xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng theo hướng “nearshoring” đang thay đổi căn bản bản đồ thương mại thế giới, đồng thời các hiện tượng thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu đòi hỏi ngành logistics phải có chiến lược thích ứng và quản lý rủi ro hoàn toàn mới.

(Nearshoring (dịch chuyển sản xuất đến gần) là chiến lược tái cấu trúc chuỗi cung ứng bằng cách dời các cơ sở sản xuất, lắp ráp hoặc dịch vụ từ những quốc gia xa xôi về các nước có vị trí địa lý lân cận thị trường tiêu thụ mục tiêu.)

Những báo cáo kinh tế toàn cầu mới nhất của các tổ chức quốc tế đều đưa ra dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025 ở mức 2,5% - 3,2%. Ngoại trừ Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) giữ nguyên mức dự báo, các tổ chức khác đều điều chỉnh tăng so với thời điểm công bố trước đó. Cụ thể, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Liên minh châu Âu (EU) cùng điều chỉnh tăng 0,2 điểm phần trăm, Fitch Ratings (FR) điều chỉnh tăng 0,1 điểm phần trăm. Theo đó, các tổ chức quốc tế đánh giá tích cực về động lực từ chính sách vĩ mô và đầu tư công nghệ mới, song vẫn nhận định tăng trưởng năm 2025 sẽ thấp hơn năm 2024, với các mức dự báo từ thấp đến cao: FR 2,5%, EU 3,1%, IMF và OECD cùng mức 3,2%.

Thương mại toàn cầu năm 2025 duy trì đà tăng trưởng ổn định, chủ yếu được hỗ trợ bởi yếu tố tạm thời và bùng nổ nhu cầu công nghệ. Theo Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), tăng trưởng thương mại toàn cầu chậm lại trong

Quý III/2025 nhưng vẫn ở mức tích cực, tăng khoảng 2,5% so với quý trước (trong đó thương mại hàng hóa tăng gần 2,0% và dịch vụ tăng 4,0%). Dự báo tổng giá trị thương mại toàn cầu năm 2025 sẽ vượt 35 nghìn tỷ USD, tăng khoảng 7,0% (tương đương 2,2 nghìn tỷ USD) so với năm 2024. Lĩnh vực dịch vụ tiếp tục đóng vai trò quan trọng, dự kiến đóng góp khoảng 750 tỷ USD vào mức tăng chung, tương đương mức tăng trưởng gần 9,0% so với năm 2024.

Đáng chú ý, bức tranh thương mại toàn cầu năm 2025 được thúc đẩy bởi ba động lực chính thay vì sự phục hồi đơn lẻ của các nền kinh tế phát triển. Thứ nhất, các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu trước nhằm tránh các loại thuế quan trả đũa (đặc biệt liên quan đến Hoa Kỳ). Thứ hai, thương mại hàng hóa “sử dụng AI” bùng nổ, chiếm khoảng 15,5% tổng kim ngạch thương mại hàng hóa toàn cầu và đóng góp hơn một nửa vào mức tăng trưởng của một số nền kinh tế G20 và châu Á. Thứ ba, trái ngược với các nhận định về sự sụt giảm trước đó, động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ khu vực Đông Á và châu Phi, với thương mại Nam-Nam (giữa các nền kinh tế đang phát triển) tăng trưởng ấn tượng khoảng 8% trong 12 tháng qua. Theo Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), chỉ số thước đo thương mại hàng hóa tháng 9/2025 đạt 101,8, vượt giá trị cơ sở với các chỉ số thành phần như vận tải hàng không (102,7), ô tô (103,0) và linh kiện điện tử (102,0) đều ở mức tích cực. WTO dự báo tăng trưởng thương mại hàng hóa năm 2025 đạt 2,4%. Tuy nhiên, tổ chức này cũng cảnh báo đà tăng trưởng sẽ chậm lại vào năm 2026 khi tác động của việc nhập khẩu trước khi áp thuế giảm dần, cùng với sự gia tăng của các trở ngại chính sách và chi phí trong nửa cuối năm 2025.

❖ *Tình hình kinh tế, thương mại Việt Nam:*

Tính chung cả năm 2025, GDP Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng 8,02% so với năm trước (quý IV tăng 8,46%), tiếp tục đà phục hồi tích cực nhờ vào động lực từ cả sản xuất và tiêu dùng, đưa quy mô GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD. Về sử dụng GDP, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,27% trong năm qua. Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 17,12% để đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Tích lũy tài sản (đầu tư) tăng 8,68%, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung. Bên cạnh đó, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,95%, đóng góp lớn vào tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế, cho thấy nhu cầu nội địa tiếp tục được củng cố.

Xuất nhập khẩu dịch vụ cả năm 2025 ghi nhận đà tăng trưởng ấn tượng, phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ của các ngành kinh tế mũi nhọn. Kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 30,31 tỷ USD, tăng 18,9% so với năm trước, với động lực dẫn dắt từ hai trụ cột

chính. Cụ thể, dịch vụ du lịch bùng nổ với mức tăng 24,4% (đạt 15,22 tỷ USD), chiếm tới 50,2% tổng kim ngạch nhờ sức hút trở lại của thị trường khách quốc tế. Bên cạnh đó, dịch vụ vận tải cũng ghi nhận mức tăng 23,6%, đạt 8,8 tỷ USD (chiếm 29,0%).

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu dịch vụ tăng 14,0% (ước đạt 40,54 tỷ USD), trong đó dịch vụ vận tải chiếm tỷ trọng lớn nhất 42,1% (đạt 17,1 tỷ USD, tăng 19,9%) và dịch vụ du lịch đạt 14,7 tỷ USD (tăng 15,6%). Đáng chú ý, phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu lên tới 14,43 tỷ USD, phục vụ trực tiếp cho hoạt động ngoại thương sôi động. Chung cuộc, cán cân thương mại dịch vụ năm 2025 ghi nhận mức nhập siêu 10,23 tỷ USD. Mặc dù vẫn thâm hụt, nhưng việc tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao hơn nhập khẩu là tín hiệu tích cực, cho thấy năng lực cung ứng dịch vụ của Việt Nam đang từng bước được cải thiện trong bối cảnh hội nhập.

3.1.1.2. Bối cảnh và các xu hướng phát triển của ngành Logistics

❖ Bối cảnh:

Năm 2025, quy mô thị trường logistics toàn cầu được định giá ở mức 11,23 nghìn tỷ USD, với sự tăng trưởng mạnh mẽ được dự báo sẽ đạt 23,14 nghìn tỷ USD vào năm 2034 (CAGR 8,36%) theo Precedence Research. Xét về địa lý, Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục khẳng định vị thế thống trị với thị phần lớn nhất đạt 44,59% (số liệu năm 2024), được thúc đẩy bởi sự bùng nổ của ngành bán lẻ và đầu tư hạ tầng mạnh mẽ tại các quốc gia như Trung Quốc và Ấn Độ. Trong khi đó, Châu Âu giữ vị trí thứ hai về thị phần, và Bắc Mỹ duy trì vai trò dẫn đầu về ứng dụng công nghệ tự động hóa và xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng (nearshoring).

Xét theo đối tượng sử dụng cuối cùng, phân khúc công nghiệp và sản xuất chiếm thị phần áp đảo 31,78% vào năm 2024 với doanh thu đạt 3.171,02 tỷ USD, và dự kiến sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng nhanh nhất trong giai đoạn 2025-2034. Đứng thứ hai là phân khúc bán lẻ và thương mại điện tử với doanh thu 1.780,80 tỷ USD, hưởng lợi trực tiếp từ xu hướng mua sắm trực tuyến. Đáng chú ý, ngành y tế ghi nhận tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong năm 2024 với doanh thu 1.174,50 tỷ USD nhờ nhu cầu vận chuyển dược phẩm và thiết bị y tế nghiêm ngặt, tiếp theo là ngành dầu khí (767,34 tỷ USD) và các ngành khác (3.083,05 tỷ USD).

❖ Xu hướng phát triển:

Thị trường logistics toàn cầu năm 2025 chứng kiến thiếu hụt lao động ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, gián đoạn địa chính trị từ xung đột thương mại đến bất ổn nội bộ như biểu tình Nepal và Philippines, cùng áp lực lạm phát do giá dầu tăng. Biến đổi khí

hậu làm tăng chi phí hàng hải, buộc doanh nghiệp đa dạng hóa nguồn cung và tăng cường khả năng phục hồi.

Những xu hướng phát triển này đang tạo ra cơ hội và thách thức mới cho thị trường logistics toàn cầu. Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ công nghệ và chiến lược kinh doanh, ngành logistics vẫn phải đối mặt với các rủi ro cơ bản từ yếu tố con người và môi trường tự nhiên. Việc hiểu rõ những rủi ro này là điều kiện tiên quyết để các doanh nghiệp có thể tận dụng tối đa những cơ hội từ các xu hướng phát triển hiện tại.

- **Đổi mới công nghệ ứng dụng:** các hãng tàu đang dẫn đầu phát triển kỹ thuật với tích hợp AI và tự động hóa, như hệ thống dự báo thời tiết thời gian thực giảm 15% thời gian vận chuyển, theo Maersk Trend Map 2025. Đến 2025, 70% tàu container sử dụng nhiên liệu thay thế (ammonia, methanol) để giảm 50% lượng phát thải, với các hãng như MSC và Maersk đầu tư 10 tỷ USD vào tàu tự hành. M&A trong logistics tăng 57% nửa đầu 2025, với 31 giao dịch tập trung vào công nghệ kho bãi, như UPS mua Estafeta (Mexico) để mở rộng CEP. Đầu tư vào kho bãi tự động đạt 88 tỷ USD toàn cầu, với Amazon và Prologis đầu tư 20 tỷ USD vào robot hóa, giảm thời gian xử lý 40%. Công nghệ như AI tối ưu hóa kho đạt CAGR 15% đến 2030.

- **Logistics số hóa, AI, blockchain, dữ liệu lớn :** số hóa logistics đạt 213 tỷ USD năm 2025, với AI giảm chi phí chuỗi cung ứng 20% qua dự báo nhu cầu, theo PwC Digital Trends 2025. Blockchain và dữ liệu lớn tăng tính minh bạch 30%, với IoT theo dõi hàng hóa thời gian thực, giảm mất mát 15%. Đến 2025, 70% doanh nghiệp sử dụng AI cho tối ưu hóa tuyến đường.

- **Logistics xanh và ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) :** thị trường logistics xanh đạt 2,06 nghìn tỷ USD năm 2030 (CAGR 8,29%), với ESG thúc đẩy giảm phát thải 50% qua nhiên liệu thay thế, theo Grand View Research. Xu hướng bao gồm xe điện và kho bãi carbon trung tính, với 45% doanh nghiệp áp dụng ESG để thu hút đầu tư. Năm 2025, quy định EU CBAM buộc giảm 20% phát thải logistics.

- **Logistics phục vụ thương mại điện tử xuyên biên giới:** logistics TMĐT xuyên biên giới tăng 26,1% CAGR đến 2030, với CEP dẫn đầu nhờ 78 triệu người mua sắm trực tuyến năm 2025, theo Market.us. Xu hướng bao gồm AI dự báo tuyến đường giảm 20% chi phí, và robot hóa kho (45% kho toàn cầu áp dụng năm 2025). Cross - border tăng 20% chi phí vận chuyển, nhưng công nghệ giảm 15% thời gian giao hàng.

- **Xu hướng Reshoring/Nearshoring và phân mảnh chuỗi cung ứng:** reshoring và nearshoring tăng 69% ở Mỹ năm 2025, giảm rủi ro chuỗi cung ứng 94%, theo Forbes.

Phân mảnh chuỗi cung ứng tăng do thương mại căng thẳng, với 26% sản xuất quay về nội địa, giảm chi phí vận tải 20%. Năm 2025, nearshoring Mexico tăng 12% xuất khẩu sang Mỹ, nhưng phân mảnh làm tăng chi phí 10-15% toàn cầu.

3.1.2 Định hướng và mục tiêu phát triển chung của công ty trong thời gian tới

3.1.2.1 Định hướng phát triển năm 2026 của công ty

Trong bối cảnh hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, cùng với xu hướng chuyển đổi số và hiện đại hóa ngành logistics, Công ty TNHH TMDV Long Nguyên Toàn Logistics định hướng phát triển năm 2026 theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa quy trình thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tuyến Việt Nam - Hàn Quốc. Định hướng này được xây dựng dựa trên cơ sở nhu cầu thị trường logistics ngày càng tăng, mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế.

Công ty tập trung nâng cao hiệu quả quy trình khai báo hải quan điện tử nhằm giảm thời gian xử lý chứng từ, hạn chế sai sót trong quá trình truyền tờ khai và nâng cao tốc độ thông quan hàng hóa. Đồng thời, doanh nghiệp chú trọng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý logistics trong hoạt động giao nhận, theo dõi container và quản lý chứng từ nhằm nâng cao tính chính xác và khả năng phối hợp giữa các bộ phận.

Công ty định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo chuyên môn nghiệp vụ hải quan, cập nhật chính sách xuất nhập khẩu và nâng cao kỹ năng xử lý tình huống thực tế cho nhân viên. Đây được xem là yếu tố quan trọng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng trong hoạt động logistics quốc tế. Long Nguyên Toàn Logistics sẽ tiếp tục duy trì và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các hãng tàu, đại lý vận tải và đối tác tại thị trường Hàn Quốc nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo tính ổn định trong hoạt động vận chuyển hàng hóa xuất khẩu FCL.

3.1.2.2 Định hướng phát triển đến năm 2030 của công ty

Trong giai đoạn 2026 - 2030, Công ty TNHH TMDV Long Nguyên Toàn Logistics định hướng phát triển theo chiến lược trở thành doanh nghiệp logistics có năng lực cạnh tranh ổn định trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế và dịch vụ khai báo hải quan tại khu vực miền Trung.

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế của Việt Nam đến năm 2030, cùng với mục tiêu tăng trưởng GDP và đẩy mạnh xuất khẩu, công ty hướng đến mở rộng quy mô

hoạt động logistics, đa dạng hóa dịch vụ và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Trong đó, hoạt động thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu FCL tiếp tục được xác định là lĩnh vực trọng tâm cần hoàn thiện và phát triển. Doanh nghiệp định hướng đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn bộ hoạt động logistics thông qua việc ứng dụng hệ thống quản lý dữ liệu điện tử, tự động hóa quy trình xử lý chứng từ và tăng cường kết nối dữ liệu với cơ quan hải quan, hãng tàu và khách hàng. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm chi phí vận hành và tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong môi trường logistics hiện đại.

Công ty đặt mục tiêu mở rộng thị trường vận tải quốc tế, không chỉ tập trung vào tuyến Việt Nam - Hàn Quốc mà còn phát triển thêm các tuyến vận tải tiềm năng tại khu vực châu Á, đặc biệt là Trung Quốc, Nhật Bản và các nước ASEAN những thị trường có tốc độ tăng trưởng thương mại và nhu cầu logistics cao. Đồng thời, công ty cũng hướng đến mở rộng hoạt động sang thị trường Mỹ đây là một trong những thị trường xuất khẩu lớn và có nhu cầu vận chuyển hàng hóa quốc tế rất phát triển. Việc mở rộng mạng lưới đối tác quốc tế sẽ giúp doanh nghiệp gia tăng sản lượng hàng hóa, nâng cao doanh thu và từng bước khẳng định vị thế trên thị trường logistics.

Ngoài mục tiêu tăng trưởng kinh doanh, Long Nguyên Toàn Logistics còn hướng đến phát triển theo xu hướng logistics xanh và bền vững. Công ty từng bước nâng cao ý thức tiết kiệm chi phí nhiên liệu, tối ưu hóa vận chuyển container và hạn chế các hoạt động gây ảnh hưởng đến môi trường nhằm phù hợp với xu hướng phát triển logistics hiện đại và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Trong dài hạn, công ty đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, chuyên nghiệp trong nghiệp vụ hải quan và logistics quốc tế, đồng thời nâng cao uy tín thương hiệu, chất lượng dịch vụ và mức độ hài lòng của khách hàng nhằm tạo nền tảng phát triển ổn định và bền vững đến năm 2030.

3.1.3 Mục tiêu phát triển của công ty

Trong giai đoạn 2026 - 2030, Công ty TNHH TMDV Long Nguyên Toàn Logistics đặt mục tiêu phát triển ổn định và bền vững thông qua việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, mở rộng thị trường và tăng khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực logistics và dịch vụ hải quan.

Công ty hướng đến duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân từ 10% - 15% mỗi năm, chủ yếu đến từ hoạt động giao nhận vận tải quốc tế, dịch vụ khai báo hải quan và vận chuyển hàng xuất khẩu nguyên container (FCL). Đồng thời, việc mở rộng thêm

các tuyến vận tải tiềm năng tại thị trường Châu Á và Mỹ được kỳ vọng sẽ góp phần gia tăng sản lượng hàng hóa và nâng cao doanh thu cho doanh nghiệp trong thời gian tới.

Bên cạnh mục tiêu tăng trưởng doanh thu, công ty cũng chú trọng nâng cao hiệu quả lợi nhuận thông qua việc tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ. Doanh nghiệp đặt mục tiêu tăng lợi nhuận ròng trung bình từ 8% - 12% mỗi năm, đồng thời duy trì biên lợi nhuận ổn định phù hợp với đặc thù ngành logistics.

Long Nguyên Toàn Logistics định hướng giảm chi phí logistics và chi phí vận hành từ 5% - 10% thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý logistics và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận. Công ty cũng tập trung hạn chế các chi phí phát sinh liên quan đến lưu kho, lưu container và chậm thông quan nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Doanh nghiệp đặt mục tiêu mở rộng thị phần trong lĩnh vực logistics và dịch vụ khai báo hải quan, đặc biệt đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tuyến Việt Nam - Hàn Quốc. Công ty hướng đến gia tăng số lượng khách hàng doanh nghiệp xuất nhập khẩu, mở rộng mạng lưới khách hàng tại khu vực miền Trung và từng bước nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường logistics trong thời gian tới.

3.2 Hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan

Qua quá trình phân tích thực trạng quy trình thủ tục hải quan hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tại Công ty Long Nguyên Toàn Logistics, có thể thấy rằng quy trình hiện tại vẫn còn một số hạn chế liên quan đến ứng dụng công nghệ, xử lý tờ khai điện tử, phối hợp nội bộ và cập nhật chính sách hải quan. Vì vậy, công ty cần tiếp tục hoàn thiện nội dung thực hiện trong quy trình nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nghiệp vụ và hạn chế các rủi ro phát sinh trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa.

Long Nguyên Toàn Logistics cần hoàn thiện việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khai báo và quản lý logistics. Nội dung này giúp khắc phục tình trạng phần mềm xử lý chưa đồng bộ và nhân viên chưa khai thác hiệu quả các chức năng hỗ trợ nghiệp vụ. Việc đồng bộ dữ liệu chứng từ, sử dụng hiệu quả phần mềm khai báo hải quan và nâng cao khả năng xử lý trên hệ thống VNACCS/VCIS sẽ góp phần giảm sai sót trong quá trình khai báo, nâng cao tốc độ xử lý hồ sơ và hạn chế các lỗi phát sinh khi truyền tờ khai điện tử.

Công ty cần hoàn thiện nội dung kiểm tra và rà soát chứng từ trước khi truyền tờ khai hải quan. Việc đối chiếu thông tin giữa Invoice, Packing List, booking, mã HS và thông tin container giúp hạn chế tình trạng khai sai dữ liệu hoặc phải sửa đổi tờ khai

nhiều lần. Nội dung này góp phần giảm nguy cơ chậm thông quan, phát sinh chi phí lưu container, lưu bãi và hạn chế tình trạng rớt tàu trong thời gian cao điểm.

Đối với các trường hợp tờ khai luồng vàng và luồng đỏ, doanh nghiệp cần hoàn thiện nội dung xử lý tình huống theo hướng cụ thể và thống nhất hơn giữa các bộ phận liên quan. Việc xây dựng quy trình phối hợp rõ ràng khi bổ sung chứng từ hoặc kiểm hóa thực tế sẽ giúp nhân viên chủ động hơn trong quá trình xử lý, đồng thời giảm thời gian chờ xử lý hồ sơ và hạn chế sự phụ thuộc quá nhiều vào kinh nghiệm cá nhân.

Long Nguyên Toàn Logistics cần hoàn thiện nội dung phối hợp giữa các bộ phận như chứng từ (Docs), hiện trường (Ops) và kế toán trong quá trình xử lý lô hàng xuất khẩu. Việc thống nhất quy trình trao đổi thông tin liên quan đến container, lịch tàu, local charge và chứng từ thanh toán sẽ góp phần hạn chế tình trạng sai lệch dữ liệu hoặc chậm tiến độ xử lý hàng hóa. Nội dung này giúp nâng cao hiệu quả phối hợp nội bộ và đảm bảo tính liên tục trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan.

Trong bối cảnh các chính sách hải quan và yêu cầu nhập khẩu của thị trường Hàn Quốc thường xuyên thay đổi, công ty cũng cần hoàn thiện nội dung cập nhật thông tin pháp lý và chính sách xuất nhập khẩu. Việc theo dõi thường xuyên các quy định mới liên quan đến kiểm dịch thực vật, chứng nhận xuất xứ (C/O), thuế xuất khẩu và quản lý chuyên ngành sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế sai sót trong quá trình khai báo, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng.

Việc hoàn thiện nội dung nghiệp vụ, công ty cần chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên thông qua đào tạo nghiệp vụ hải quan, xử lý chứng từ và kỹ năng xử lý tình huống phát sinh trong quá trình thông quan hàng hóa. Nội dung này giúp nâng cao tính chuyên nghiệp, hạn chế sai sót trong xử lý hồ sơ và nâng cao hiệu quả hoạt động logistics của doanh nghiệp.

3.3 Những giải pháp hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu của công ty

3.3.1 Nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ của đội ngũ nhân sự trong doanh nghiệp

- *Cơ sở đề xuất:* Giải pháp này được đề xuất dựa trên thực trạng trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế của đội ngũ nhân sự tại bộ phận chứng từ (Docs) và hiện trường (Ops) còn chưa đồng đều. Đối với bộ phận Docs, vẫn còn xảy ra sai sót trong quá trình khai báo hải quan như khai sai mã HS, mô tả hàng hóa, thông tin container hoặc số seal, đặc biệt khi xử lý các lô hàng có chứng từ phức tạp hoặc tờ khai luồng

vàng, luồng đỏ. Đối với bộ phận Ops, do kinh nghiệm thực tế chưa nhiều nên đôi khi còn hạn chế trong việc xử lý các tình huống tại hiện trường, kiểm tra tình trạng container, hoặc xử lý các yêu cầu phát sinh trong quá trình giao nhận. Những hạn chế này làm ảnh hưởng đến độ chính xác và tiến độ thực hiện thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Giải pháp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cho cả bộ phận Docs và Ops, giúp hạn chế sai sót trong quá trình thực hiện nghiệp vụ. Qua đó nâng cao khả năng xử lý chính xác các chứng từ hải quan, tăng hiệu quả xử lý các tình huống phát sinh, đồng thời đảm bảo hoạt động thủ tục hải quan diễn ra nhanh chóng, chính xác và đúng quy định.

- *Điều kiện thực hiện:* Doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu cho từng bộ phận. Đối với bộ phận Docs, tập trung vào đào tạo kỹ năng khai báo hải quan, phân loại mã HS, xử lý chứng từ và cập nhật quy định pháp luật mới. Đối với bộ phận Ops, cần đào tạo về quy trình hiện trường, kiểm tra container, quy trình giao nhận và xử lý tình huống thực tế tại cảng hoặc kho bãi. Đồng thời, cần tạo điều kiện để nhân viên tham gia các khóa đào tạo thực tế nhằm tích lũy kinh nghiệm và nâng cao năng lực chuyên môn một cách lâu dài.

3.3.2 Nâng cao hệ thống công nghệ và ứng dụng chuyển đổi số trong khai báo hải quan

- *Cơ sở đề xuất:* Trong bối cảnh công nghệ 4.0 và chuyển đổi số phát triển mạnh mẽ, hoạt động logistics và khai báo hải quan ngày càng được thực hiện thông qua các hệ thống điện tử và phần mềm quản lý dữ liệu. Tuy nhiên, tại Công ty Long Nguyên Toàn Logistics, việc ứng dụng công nghệ vào quy trình xử lý thủ tục hải quan vẫn còn một số hạn chế như hệ thống phần mềm chưa đồng bộ, đôi khi xảy ra lỗi đường truyền khi truyền tờ khai điện tử và nhân viên chưa khai thác hiệu quả các tính năng hỗ trợ nghiệp vụ. Điều này ảnh hưởng đến tốc độ xử lý hồ sơ, thời gian thông quan và tiến độ xuất khẩu hàng hóa. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả hệ thống công nghệ và đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong khai báo hải quan là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động logistics quốc tế.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Giải pháp được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả xử lý thủ tục hải quan điện tử, hạn chế sai sót trong quá trình khai báo và rút ngắn thời gian xử lý chứng từ xuất khẩu. Đồng thời, việc ứng dụng các hệ thống công nghệ như VNACCS/VCIS, ECUS5-VNACCS, lưu trữ dữ liệu điện tử, tracking container trực tuyến và hỗ trợ xử lý dữ liệu bằng AI sẽ góp phần nâng cao khả năng kiểm soát lô hàng,

tăng hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận và giảm nguy cơ chậm thông quan hoặc rút tàu. Qua đó, công ty có thể nâng cao chất lượng dịch vụ logistics và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- *Điều kiện thực hiện:* Để thực hiện giải pháp này, công ty cần đầu tư nâng cấp hệ thống máy tính, đường truyền mạng và các trang thiết bị phục vụ hoạt động khai báo hải quan điện tử. Đồng thời, doanh nghiệp cần đồng bộ các phần mềm quản lý logistics và hệ thống lưu trữ dữ liệu nhằm đảm bảo tính chính xác và thống nhất của thông tin giữa các bộ phận. Bên cạnh đó, công ty cần tổ chức đào tạo nhân viên về kỹ năng sử dụng hệ thống VNACCS/VCIS, ECUS5-VNACCS và các phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ nhằm nâng cao khả năng khai thác công nghệ trong quá trình xử lý thủ tục hải quan.

3.3.3 Tăng cường phối hợp giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan

- *Cơ sở đề xuất:* Giải pháp này được đề xuất dựa trên thực tế quá trình thực hiện thủ tục hải quan hàng xuất khẩu FCL tại doanh nghiệp vẫn còn phụ thuộc nhiều vào tiến độ xử lý và phản hồi từ cơ quan hải quan. Trong một số trường hợp, việc kiểm tra hồ sơ, phân luồng tờ khai hoặc yêu cầu bổ sung chứng từ kéo dài thời gian hơn dự kiến, đặc biệt đối với các lô hàng có hồ sơ chưa hoàn chỉnh hoặc thuộc diện kiểm tra chuyên ngành. Điều này cho thấy mức độ chủ động trong việc trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan vẫn chưa thật sự tối ưu, ảnh hưởng đến tiến độ thông quan và kế hoạch giao nhận hàng hóa.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trao đổi thông tin và mức độ phối hợp giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan. Qua đó giúp rút ngắn thời gian xử lý tờ khai, hạn chế sai sót trong quá trình khai báo và bổ sung chứng từ, đồng thời đảm bảo quá trình thông quan hàng hóa diễn ra nhanh chóng, chính xác và đúng quy định pháp luật.

- *Điều kiện thực hiện:* Doanh nghiệp cần chủ động cập nhật và tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành về hải quan, đồng thời đảm bảo tính chính xác của hồ sơ ngay từ bước khai báo ban đầu để hạn chế việc phải chỉnh sửa hoặc bổ sung nhiều lần. Bên cạnh đó, cần duy trì kênh liên lạc hiệu quả với cơ quan hải quan thông qua hệ thống điện tử VNACCS/VCIS, số điện thoại, email nghiệp vụ. Doanh nghiệp cũng nên thường xuyên cập nhật các thay đổi về chính sách, quy định mới để kịp thời điều chỉnh quy trình khai báo, từ đó nâng cao tính chủ động và hiệu quả trong công tác phối hợp với cơ quan hải quan.

3.3.4 Tăng cường phối hợp giữa các bộ phận trong doanh nghiệp

- *Cơ sở đề xuất:* Trong quá trình xử lý lô hàng xuất khẩu, sự phối hợp giữa các bộ phận như chứng từ (Docs), hiện trường (Ops) và kế toán đôi khi vẫn chưa thật sự đồng bộ. Việc trao đổi thông tin chậm hoặc sai lệch dữ liệu liên quan đến container, lịch tàu, local charge và chứng từ thanh toán có thể ảnh hưởng đến tiến độ xử lý hàng hóa và thời gian thông quan.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Giải pháp được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận trong quá trình xử lý lô hàng xuất khẩu, đảm bảo thông tin được trao đổi đầy đủ, chính xác và kịp thời. Qua đó góp phần hạn chế sai sót trong xử lý nghiệp vụ, nâng cao tiến độ xử lý hồ sơ và đảm bảo hoạt động xuất khẩu được thực hiện thuận lợi hơn.

- *Điều kiện thực hiện:* Công ty cần xây dựng quy trình trao đổi thông tin thống nhất giữa các bộ phận liên quan và phân công rõ trách nhiệm trong từng khâu xử lý nghiệp vụ. Đồng thời, doanh nghiệp cần tăng cường sử dụng các phần mềm quản lý dữ liệu nội bộ nhằm hỗ trợ chia sẻ thông tin nhanh chóng và đồng bộ hơn trong quá trình xử lý lô hàng xuất khẩu.

3.4 Kiến nghị đối với cơ quan hải quan và cơ quan quản lý nhà nước

3.4.1 Kiến nghị đối với cơ quan hải quan

❖ Cơ quan Hải quan TP. Hồ Chí Minh

Thiết lập “đường dây nóng” ưu tiên cho các doanh nghiệp logistics thường xuyên thực hiện thủ tục hải quan như Long Nguyên Toàn Logistics nhằm hỗ trợ xử lý nhanh các vướng mắc liên quan đến tờ khai luồng vàng và luồng đỏ. Điều này giúp doanh nghiệp giảm thời gian chờ xử lý hồ sơ, hạn chế phát sinh chi phí lưu bãi và đảm bảo tiến độ giao hàng xuất khẩu.

Tổ chức định kỳ các buổi đối thoại giữa Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh và các doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp xuất nhập khẩu nhằm cập nhật kịp thời các thay đổi trong chính sách hải quan, quy trình thông quan và quy định kiểm tra chuyên ngành. Đồng thời, thông qua các buổi làm việc này, cơ quan hải quan có thể tiếp nhận ý kiến phản hồi thực tế từ doanh nghiệp để hoàn thiện quy trình xử lý thủ tục hải quan.

Cơ quan hải quan cần tiếp tục đơn giản hóa các biểu mẫu khai báo điện tử và nâng cao khả năng tích hợp dữ liệu trên hệ thống VNACCS/VCIS nhằm hạn chế tình trạng nhập liệu trùng lặp và giảm thời gian xử lý tờ khai cho doanh nghiệp.

❖ Tổng cục Hải quan Việt Nam

Tổng cục Hải quan cần tiếp tục hoàn thiện và chuẩn hóa cơ chế một cửa quốc gia và một cửa ASEAN nhằm giúp doanh nghiệp chỉ cần nộp hồ sơ một lần khi thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu. Điều này sẽ góp phần giảm bớt các thủ tục liên quan đến chứng nhận xuất xứ (C/O), giấy phép chuyên ngành và các loại chứng từ liên quan khác.

Cần đẩy mạnh kết nối và tự động hóa dữ liệu giữa hệ thống VNACCS/VCIS với hệ thống cấp C/O điện tử, bảo hiểm và các cổng thông tin liên quan nhằm cho phép doanh nghiệp truyền dữ liệu trực tuyến thay cho hình thức nộp hồ sơ giấy truyền thống. Điều này sẽ giúp nâng cao hiệu quả xử lý thủ tục hải quan và giảm thời gian thông quan hàng hóa.

Tổng cục Hải quan cần xây dựng khung thời gian xử lý cụ thể đối với từng loại phân luồng tờ khai, đặc biệt đối với luồng vàng và luồng đỏ, nhằm giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong kế hoạch giao nhận hàng hóa, đồng thời hạn chế phát sinh chi phí lưu container và lưu bãi tại cảng.

3.4.2 Kiến nghị đối với cơ quan quản lý nhà nước

❖ Hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách hỗ trợ logistics

Cơ quan quản lý Nhà nước cần tiếp tục rà soát, sửa đổi và hoàn thiện các quy định liên quan đến thủ tục hải quan, xuất nhập khẩu và hoạt động logistics nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục xuất khẩu hàng hóa. Đồng thời, cần cụ thể hóa các chính sách ưu tiên đối với những doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật hải quan nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao hiệu quả thông quan hàng hóa.

Nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến chuyển đổi số, logistics xanh và ứng dụng công nghệ trong hoạt động logistics nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hệ thống khai báo hải quan điện tử, phần mềm quản lý logistics và tự động hóa xử lý dữ liệu. Việc ban hành các chính sách hỗ trợ về thuế hoặc ưu đãi đầu tư cho doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động logistics và giảm chi phí vận hành cho doanh nghiệp.

❖ Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động hải quan

Cơ quan hải quan cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, đồng bộ và số hóa quy trình xử lý hồ sơ xuất nhập khẩu. Việc tăng cường áp dụng cơ chế một cửa quốc gia và một cửa ASEAN sẽ giúp doanh nghiệp giảm số lần nộp hồ sơ, hạn chế tình trạng khai báo trùng lặp và nâng cao hiệu quả xử lý thủ tục hải quan.

Cần tăng cường sử dụng chứng từ điện tử và cho phép doanh nghiệp sử dụng dữ liệu điện tử có xác thực thay cho một số loại hồ sơ giấy nhằm giảm thời gian xử lý, tiết kiệm chi phí in ấn và lưu trữ chứng từ. Bên cạnh đó, cổng dịch vụ công và hệ thống VNACCS/VCIS cũng cần được nâng cấp theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ trực tuyến, đồng thời tích hợp chức năng cảnh báo khi hồ sơ cần bổ sung hoặc điều chỉnh để doanh nghiệp chủ động hơn trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan.

3.4.3 Kiến nghị đối với công ty

Đối với công ty, cần tiếp tục duy trì và củng cố mối quan hệ với các khách hàng truyền thống, đồng thời xây dựng các chính sách thu hút khách hàng mới nhằm mở rộng thị trường dịch vụ khai báo và thủ tục hải quan. Công ty cần luôn đảm bảo tính chính xác, minh bạch và uy tín trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan nhằm tạo niềm tin và nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

Doanh nghiệp nên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ hải quan, xuất nhập khẩu và thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành logistics. Bên cạnh đó, công ty cần chú trọng phát triển nguồn nhân lực, xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp, nâng cao tinh thần trách nhiệm và chất lượng phục vụ nhằm nâng cao hiệu quả xử lý thủ tục hải quan và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Chương 3 nêu lên định hướng phát triển của công ty TNHH TMDV Long Nguyên Toàn trong tương lai, đặc biệt tập trung vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ logistics và hoàn thiện quy trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Trên cơ sở những hạn chế và nguyên nhân đã phân tích ở chương trước, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xử lý thủ tục hải quan, hạn chế sai sót trong quá trình khai báo, tăng cường phối hợp giữa các bộ phận và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Bên cạnh đó, chương 3 cũng đưa ra một số kiến nghị đối với cơ quan nhà nước, cơ quan hải quan và công ty nhằm góp phần hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu diễn ra nhanh chóng và hiệu quả hơn. Những giải pháp và kiến nghị này không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành logistics và hoạt động thương mại quốc tế trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, hoạt động xuất nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế cũng như của các doanh nghiệp logistics. Trong đó, thủ tục hải quan là một khâu quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian thông quan, chi phí logistics và hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Vì vậy, việc thực hiện thủ tục hải quan nhanh chóng, chính xác và đúng quy định là yêu cầu cần thiết đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics hiện nay.

Thông qua quá trình nghiên cứu lý luận kết hợp khảo sát thực tế tại Công ty TNHH Long Nguyên Toàn Logistics, khóa luận đã hệ thống hóa được các cơ sở lý luận liên quan đến thủ tục hải quan và quy trình khai báo hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu. Đồng thời, đề tài cũng tiến hành phân tích thực trạng quy trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu nguyên container (FCL) tuyến Việt Nam - Hàn Quốc tại công ty.

Từ quá trình phân tích thực trạng, khóa luận đã chỉ ra những ưu điểm mà công ty đạt được như quy trình làm việc tương đối rõ ràng, đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm và khả năng phối hợp giữa các bộ phận khá hiệu quả. Bên cạnh đó, đề tài cũng làm rõ một số hạn chế còn tồn tại như sai sót chứng từ, áp lực xử lý công việc vào thời điểm cao điểm, sự thay đổi thường xuyên của chính sách hải quan và việc ứng dụng công nghệ trong một số khâu còn chưa đồng bộ.

Trên cơ sở đó, khóa luận đã đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện quy trình thực hiện thủ tục hải quan tại Công ty TNHH Long Nguyên Toàn Logistics như nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhân viên, tăng cường phối hợp giữa các bộ phận, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Những giải pháp này không chỉ giúp công ty nâng cao hiệu quả xử lý thủ tục hải quan mà còn góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ Việt Nam. (2015, 2018). Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư số 39/2018/TT-BTC về thủ tục hải quan. Cổng thông tin điện tử Chính phủ.
<https://www.chinhphu.vn>
2. Điều 28. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, Luật Thương Mại Việt Nam
3. Kỹ thuật kinh doanh xuất nhập khẩu, GS.TS. Võ Thanh Thu
4. Theo khoản 11 Điều 3 Luật Thương mại 2005, các hoạt động trung gian thương mại
5. Điều 155, Luật Thương mại 2005 quy định về khái niệm Ủy thác mua bán hàng hóa.
6. Khoản 1 Điều 86 Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định chi tiết về các loại hàng hóa được phép thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ
7. Theo Điều 178 Luật Thương mại 2005, gia công trong thương mại
8. Điều 29 của Luật Thương mại năm 2005 quy định cụ thể về các hoạt động thương mại quốc tế
9. Bài giảng GNHH và KHHQ -2025, ThS. Trần Thúy Kiều
10. Công ty TNHH TMDV Long Nguyên Toàn. (2025). Báo cáo nội bộ và quy trình nghiệp vụ. Tài liệu nội bộ không xuất bản.
11. General Official website VietNam Logistica
12. Báo cáo Logistics Việt Nam 2025

PHỤ LỤC CHỨNG TỪ

Phục lục 1: Booking và lệnh cấp container rỗng



インターエイシアライン株式会社

Interasia

Đại lý : Công Ty TNHH
Giao Nhận Hàng Hải Cát Tường - ILJ

Lầu 06, phòng 6B6, International Plaza,
343 Phạm Ngũ Lão, Q.1, TPHCM, Việt Nam.
Tel: 84-28-6252 6888 * Fax: 84-28-6291 5639

Page 4 of 5

Lưu ý:

Khai báo giao cont hàng trên
eport.saigonnewport.com.vn mã

Hãng tàu / Đại lý: **ILJ**
(Interasia Line Japan)

LỆNH CẤP CONTAINER RỎNG (BOOKING CONFIRMATION)

Kính gửi Cảng/Depot: ICD SONG THAN (Empty pickup at)		Số Booking: A59E019060 (Booking no.)			
Đề nghị quý Cảng/Depot giao cho: LNT LOGISTICS (Customer name)		Ngày: 08/07/2025 (Issued date)			
		Người phát hành: EX2HCM (Issued by)			
		Pic: MR/MS N008JTTCKWY195			
CONT NO.	SỐ LƯỢNG (Volume)	LOẠI (Type)	NHIỆT ĐỘ (Temp)	ĐỘ THÔNG GIÓ (Ventilation)	TRỌNG LƯỢNG (Weight)
	08	40HQ			
Dự kiến xếp lên tàu (Vessel name):	TEH TAICHUNG			Số chuyến: (Voyage no.)	24008N
Cảng xếp hàng (Port of loading):	CAT LAI PORT			Ngày tàu chạy: (ETD)	11/07/2025
Cảng chuyển tải: (Port of transit)	KWANGYANG			Ngày đến dự kiến(ETA):	21/07/2025
Cảng dỡ hàng: (Port of discharge)	KWANGYANG			Ngày đến dự kiến(ETA):	21/07/2025
Nơi nhận hàng (Place of delivery):	KWANGYANG			Ngày đến dự kiến(ETA):	21/07/2025
Closing time tại (closing time at):	CAT LAI PORT			Trước(before):	10/07/2025 04:00 AM
VGM cut off time:	09/07/2025 10:00 AM			B/L amend. cut off time:	10/07/2025 10:00 AM
SI cut off time:	09/07/2025 10:00 AM				
Hàng hóa đã khai báo: (Commodity)	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A				
Nơi đóng hàng: (Stuffing at)	Kho Riêng				
Liên hệ: (Contact to)	ICD SÔNG THẦN - BÃI SỐ 1 Vui lòng lấy Seal tại phòng điều độ depot Điện thoại 0274 3767439				

REMARK:

* Upon receiving this booking confirmation, the booker hereby confirms and guarantees to jointly and severally take full responsibilities or obligations which should be borne or assumed by "Merchant" defined by the terms and conditions of Interasia's Bill of Lading, and any other terms provided during the booking process.

* VUI LÒNG XUẤT TRÌNH GIẤY GIỚI THIỆU CỦA KH HOẶC ĐỘI VẬN TẢI KHI LẤY CONTAINER RỎNG *

* LỆNH CẤP CONT NÀY SẼ KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ NẾU CÓ DẤU HIỆU TẤY XÓA HOẶC CHỈNH SỬA *

* YÊU CẦU KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG SEAL & PACKING LIST CỦA HÃNG TÀU INTERASIA *

Phụ lục 2: Hợp đồng thương mại

SALES CONTRACT

Contract No: DSC-022/09/7/2025

Date 09 July 2025

The Buyer:

DASAN BIO CO.,LTD

43 HWASAN-RO, ONSAN-EUP ULJU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA

TEL: 822-3453-8420

The Supplier : CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV

ADD: AP QUAN Y, XA TAN LOI, HUYEN DONG PHU, TINH BINH PHUOC, VIETNAM

TEL: 84-036-888-9877

Articles 1 : Commodity - Quantity - Price

No	Description of goods	Quantity/Unit (MT)	Unit Price (USD/MT)	Amount (CNF) (USD)
1	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
2	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
3	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
4	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
5	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
6	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
7	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
8	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	27.000	\$155	4,185
	SIZE MAX : GRINDED (5mm) MOISTURE : Max 15% PACKING : JUMBO BAG(288 BAGS)			
Total		216.000		33,480

Say total : Thirty three thousand, four hundred eighty US dollars

FOB: 27,880 Twenty seven thousand, eight hundred eighty US dollars

- Loading: Vietnam

- Discharge: KWANG YANG PORT

Articles 2 : Shipment

- Final Destination: KWANG YANG PORT

- Partial Shipment: Allowed

Articles 3 : Packing

Standard Packing List

Articles 4 : Payment

T/T

Articles 5 : Term

CNF KWANG YANG

Articles 6 : Shipping Document :

- Original Commercial Invoice

- Original Packing List

- Original Bill of Lading

Articles 7 : Common Clause : Standard seaworthy export

For exclusive of the disadvantages of any parts, two parties commit themselves to compensate for another party when violating any articles of this contract. In the case of ailing to reach an agreement the dispute shall be referred to the Arbitration Committee of Vietnam. The decision of such Arbitration body shall be final and both parties shall strictly abide by it.

This contract is made into 2 Original in English. Each party keeps 1 Original of equal validity of legality with effect from signing date.

CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV

DASAN BIO CO.,LTD



KIM SEOK JU

Phụ lục 3: Hóa đơn thương mại

COMMERCIAL INVOICE					
The supplier: CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV ADD: AP QUAN Y, XA TAN LOI, HUYEN DONG PHU, TINH BINH PHUOC, VIETNAM TEL: 84-036-888-9877				INV No: SC-022/09/7/2025 Term: CNF KWANG YANG Payment: 100% T/T Date 09 July 2025	
The Buyer: DASAN BIO CO.,LTD 43 HWASAN-RO, ONSAN-EUP ULJU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA TEL: 822-3453-8420					
Port of Loading HO CHI MINH PORT, VIET NAM			Final Destination KWANG YANG PORT, KOREA		
DESCRIPTION OF GOODS	CONTAINER/SEAL NO	BAGS	QUANTITY (MT)	UNIT PRICE (USD/MT)	AMOUNT (USD)
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1842754/IAAG373388	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1723781/IAAG373481	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1699601/IAAG373395	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1725505/IAAG373448	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1802828/IAAG373479	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	TCNU8581592/IAAG373409	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	BHCU5001390/IAAG373461	36	27.000	\$155	4,185
CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1817073/IAAG373789	36	27.000	\$155	4,185
Size : GRINDED (5mm)					
Moisture: Max 15%					
Packing: Jumbo 288 BAGS					
COUNTRY OF ORIGIN: VIETNAM					
TOTAL		288	216.000		33,480
Say total : Thirty three thousand, four hundred eighty US dollars					
TOTAL: 288 BAGS / 144 PALLETS					
NET WEIGHT: 216,000 KGS					
GROSS WEIGHT: 216,720 KGS					
CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV					

Phụ lục 4: Danh sách hàng hóa

PACKING LIST						
The supplier: CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV ADD: AP QUAN V, XA TAN LOI, HUYEN DONG PHU, TINH BINH PHUOC, VIETNAM TEL: 84-036-888-9877					INV No: SC-022/09/7/2025 Term: CNF KWANG YANG Payment: 100% T/T Date 09 July 2025	
The Buyer: DASAN BIO CO.,LTD 43 HWASAN-RO, ONSAN-EUP ULJU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA TEL: 822-3453-8420						
Notify party SAME AS CONSIGNEE						
Port of Loading HO CHI MINH PORT, VIET NAM			Final Destination KWANG YANG PORT, KOREA			
No	DESCRIPTION OF GOODS	CONTAINER /SEAL NO:	Q'TY (BAGS)	Q'TY (PALLET)	NET WEIGHT (KG)	GROSS WEIGHT (KG)
1	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1842754/IAAG373388	36	18	27,000	27,090
2	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1723781/IAAG373481	36	18	27,000	27,090
3	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1699601/IAAG373395	36	18	27,000	27,090
4	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1725505/IAAG373448	36	18	27,000	27,090
5	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1802828/IAAG373479	36	18	27,000	27,090
6	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	TCNU8581592/IAAG373409	36	18	27,000	27,090
7	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	BHCU5001390/IAAG373461	36	18	27,000	27,090
8	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A	IAAU1817073/IAAG373789	36	18	27,000	27,090
	Size: Grinded (5mm) Moisture: max 15% Packing: Jumbo 288 BAGS COUNTRY OF ORIGIN: VIETNAM					
TOTAL			288	144	216,000	216,720
TOTAL: 288 BAGS / 144 PALLETS NET WEIGHT: 216,000 KGS GROSS WEIGHT: 216,720 KGS						
CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV						

Phụ lục 5: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa

ORIGINAL

1. Goods consigned from (Exporter's business name, address, country) CHI NHANH CÔNG TY TNHH MTV HKV QUẬN Y HAMELET, TÂN LỢI COMMUNE, ĐÔNG PHU DISTRICT, BÌNH PHƯỚC PROVINCE, VIET NAM		Reference No. VN-KR 25/04/010211 ASEAN-KOREA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM AK Issued in <u>VIET NAM</u> (Country) See Notes Overleaf			
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country) DASAN BIO CO., LTD 43 Hwasan-ro, ONSAN-EUP ULJU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, SOUTH KOREA					
3. Means of transport and route (as far as known) Departure Date: 11/07/2025 Vessel's name/Aircraft etc.: TEH TAICHUNG 24008N Port of Discharge: KWANGYANG (KOREA (REPUBLIC))		4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given Under ASEAN-Korea Free Trade Area Preferential Tariff ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Country			
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the importing country)	8. Origin criterion (see Notes Overleaf)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB only when RVC criterion is used)	10. Number and date of invoices
1	288 BAGS	CASHEWNUT TESTA PREMIUM A TOTAL: 288 BAGS / 144 PALLETS B/L NO : SGPE24070002 COUNTRY OF ORIGIN: VIETNAM HS CODE: 14049099	WO	216,720.00 KILOGRAM 216,000.00 KILOGRAM	SC-022/09/7/2025 DATE: 09/07/2025
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in VIET NAM (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the ASEAN-KOREA Free Trade Area Preferential Tariff for the goods exported to SOUTH KOREA (Importing Country) BINH PHUOC, 16/07/2025 Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. ISSUED RETROACTIVELY  Nguyễn Thị Kim Nhiên DONG NAI, 17/07/2025 Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Third Country Invoicing ☐ Exhibition ☐ Back-to-Back CO					

Page 1 / 1

Phụ lục 6: Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS			
GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT PHYTOSANITARY CERTIFICATE					
Gửi: Cơ quan Bảo vệ thực vật nước TO: THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF				131511/25/0201 Số (No)	
DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)					
1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER: CHI NHANH CÔNG TY TNHH MTV HKV QUẬN Y HAMLET, TÂN LỢI COMMUNE, DONG PHU DISTRICT, BINH THUOC PROVINCE, VIETNAM			5. Nơi sản xuất: PLACE OF ORIGIN: SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM		
2. Tên và địa chỉ người nhận: DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE: DA SAN BIO CO., LTD 43 HWASAN-RO, ONSAN-EUP ULSU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA			6. Phương tiện chuyên chở: DECLARED MEANS OF CONVEYANCE: BY SEA		
3. Số lượng và loại bao bì: NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES: TOTAL: 288 BAGS / 144 PALLETS			7. Cửa khẩu nhập: DECLARED POINT OF ENTRY: KWANGYANG PORT, SOUTH KOREA		
4. Ký, mã hiệu: DISTINGUISHING MARKS: NIL			8. Tên và khối lượng sản phẩm: NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED: CASHEW NUT TESTA PREMIUM A NET WEIGHT: 218.000 KGS. GROSS WEIGHT: 216.720 KGS		
			9. Tên khoa học của thực vật: BOTANICAL NAME OF PLANTS: Anacardium occidentale L.		
Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khác nêu trên đã được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm theo quy trình thích hợp và được coi là không có đối tượng kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu cũng như phù hợp với yêu cầu kiểm dịch thực vật hiện hành của nước nhập khẩu. This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described herein have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests, specified by the importing contracting party and to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party.					
KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION) NIL					
XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)					
10. Ngày (DATE): XXX		12. Tên thuốc (hoạt chất) CHEMICAL (active ingredient): XXX		14. Thời gian và nhiệt độ: DURATION AND TEMPERATURE: XXX	
11. Phương pháp xử lý (TREATMENT): XXX		13. Nồng độ (CONCENTRATION): XXX		15. Thông tin thêm (ADDITIONAL INFORMATION): XXX	
16. Dấu của cơ quan STAMP OF ORGANIZATION 		17. Nơi cấp giấy: PLACE OF ISSUE: HO CHI MINH CITY		19. Tên, chữ ký của cán bộ Kiểm dịch thực vật có thẩm quyền NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER  NGUYEN VIET HA DEPUTY OF EXPORT DIVISION	
		18. Ngày cấp: DATE ISSUED: JULY 11,			
Cục Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này. No financial liability with respect to this certificate shall attach to Plant Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives).					

Phụ lục 7: Mã vạch

Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh
CC HQ CK Cảng Sài Gòn KV I



Ngày 09 tháng 07 năm 2025

DANH SÁCH HÀNG HÓA
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN
Tờ khai không phải niêm phong

1. Chi cục hải quan giám sát: CC HQ CK Cảng Sài Gòn KV I - 02CIS01: TONG CTY TAN CANG SG - 2

2. Đơn vị XNK: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HKV

3. Mã số thuế: 3801085924001

4. Số tờ khai: 306565123930

5. Trạng thái tờ khai: Thông quan

9. Số quản lý hàng hóa : 122400029447128
6. Ngày tờ khai: 09/07/2025 - 11/07/2025

7. Loại hình: Xuất kinh doanh

8. Luồng: Xanh

STT	SỐ LƯỢNG HÀNG (1)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG (2)	LƯỢNG HÀNG HÓA THỰC TẾ QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN (3)	XÁC NHẬN CỦA CÔNG CHỨC HẢI QUAN (4)
1	288 BAG	216720 Kilogam		

Kết xuất dữ liệu lúc: 09/07/2025 04:30 PM

- Ghi chú:
- Cột số (1) lấy từ tiêu chí “Số lượng” trên phần “General” của tờ khai hải quan.
 - Cột số (2) lấy từ tiêu chí “Tổng trọng lượng hàng” trên phần “General” của tờ khai hải quan.
 - Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVGs nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVGs, công chức hải quan thực hiện:
 - + Cột số (3): ghi rõ lượng hàng từng lần qua KVGs.
 - + Cột số (4): ghi ngày, tháng, năm; ký, đóng dấu công chức.
 - Trường hợp giá trị tại cột (1):
 - + khác 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (1);
 - + bằng 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (2).

Phụ lục 8: Master Bill of Loading



Shipper

LONG NGUYEN TOAN SERVICES TRADING COMPANY LIMITED
11 STREET NO 12, THU DUC WARD,
HO CHI MINH CITY, VIETNAM

B/L №

A59E019060

Consignee

A-ONE LOGISTICS CO., LTD.
301 INS BLDG, 13, SUWAN-RO 12 BEON-GIL,
GWANGSAN-GU, GWANGJU, KOREA
TEL: 82-62-962-2118 / FAX:82-62-962-5116

Notify party

CARRIER NOT TO BE RESPONSIBLE FOR FAILURE TO NOTIFY
SAME AS CNEE

Ocean vessel / Voy №

TEH TAICHUNG 24008N

Port of loading

CAT LAI PORT, HOCHIMINH,
VIETNAM

Place of receipt

CAT LAI PORT, HOCHIMINH,
VIETNAM

Pre-carriage by

Port of discharge

KWANGYANG, KOREA

Place of delivery

KWANGYANG, KOREA

RECEIVED by the Carrier from the Shipper in apparent good order and condition unless otherwise indicated herein, the Goods, or the Container(s) or package(s) said to contain the cargo herein mentioned to be carried subject to all the Terms and Conditions provided for on the face and back of this Bill of Lading by the vessel named herein or any substitute at the Carrier's option and/or other means of transport, from the Place of Receipt or the Port of Loading to the Port of Discharge or the Place of Delivery shown herein and there to be delivered unto order or assigns.

This Bill of Lading duly endorsed must be surrendered in exchange for the Goods or delivery order.

In accepting this Bill of Lading, the Merchant (as defined by Article 1 on the back hereof) agrees to be bound by all Terms and Conditions on the face and back hereof, whether written, typed, stamped, printed or otherwise incorporated, as fully as if signed by the Merchant, any local custom or privilege to the contrary notwithstanding, and agrees that all agreements or freight engagements for and in connection with the Carriage of the Goods are superseded by this Bill of Lading.

It is further agreed that Goods may be stowed on deck without notice pursuant to Article 17 on the back of this Bill of Lading.

In witness whereof, the undersigned, on behalf of the Carrier, has signed the number of Bill(s) of Lading stated above, all of this tenor and date, one of which being accomplished the others to stand void.

"On Board" means the Goods are loaded on board the ocean vessel named in this Bill of Lading, or loaded on board rail cars, trucks, lorries, feeder ships, barges, or other means of transportation and are in the custody of an inland or ocean carrier for Continued Transport in accordance with the terms of this Bill of Lading.

SHIPPING AGENT REFERENCES COMPLETE NAME AND ADDRESS

INTERASIA LINES KOREA CO., LTD.
RM 901, JEOKSUN HYUNDAE BUILDING, 130, SAJIK-RO,
JONGNO-GU, SEOUL, KOREA
TEL : 02 7202500 FAX : 02 7202270

Particulars furnished by shipper

Marks & Nos; Container № / Seal № SIZE : GRINDED (5MM) MOISTURE: MAX 15% PACKING: JUMBO 288 BAGS COUNTRY OF ORIGIN:VIETNAM TOTAL: 288 BAGS (144 PALLETS) FCL/RCL CONTAINER AS ATTACHED LIST	№ of packages or containers 8 CTRS (288 BAGS)	Kind of Packages; Description of goods "SHIPPER'S PACK LOAD COUNT & SEAL" "SAID TO CONTAIN" CASHEWNUT TESTA PREMIUM A TOTAL: 288 BAGS "FREIGHT PREPAID" SAY : EIGHT CONTAINERS ONLY	Gross weight / Measurement 216,720.000 KGS
--	--	---	---

Freight payable at

CAT LAI PORT, HOCHIMINH,
VIETNAM

Ex. Rate

№ of original B(s)/L

ZERO (0)

Place and date of issue

HO CHI MINH JUL 11 2025

ALL AS ARRANGED

Laden on board

JUL 11 2025

Date

TEH TAICHUNG 24008N
CAT LAI PORT, HOCHIMINH, VIETNAM

CONG TY TNHH GIAO NHAN HANG HAI CAT TUONG
AS AGENT FOR THE CARRIER INTERASIA LINES
SINGAPORE PTE. LTD.





Ocean Vessel: TEH TAICHUNG

Voyage No: 24008N

B/L No: : A59E019060

Place of receipt: CAT LAI PORT, HOCHIMINH, VIETNAM

Place of delivery: KWANGYANG, KOREA

*** B/L Attached List ***

SHEET: 1 OF 1

<<Container>>

Ctnr Code	Type	Seal Code	Pkg Unit	Gross Weight (KGS)	Measurement (CBM)
FCL/FCL					
BHCU5001390	40SD96	IAAG373461			
IAAU1699601	40SD96	IAAG373395			
IAAU1723781	40SD96	IAAG373481			
IAAU1725505	40SD96	IAAG373448			
IAAU1802828	40SD96	IAAG373479			
IAAU1817073	40SD96	IAAG373789			
IAAU1842754	40SD96	IAAG373388			
TCNU8581592	40SD96	IAAG373409			

Phụ lục 9: House Bill of Loading

Shipper CHI NHANH CONG TY TNHH MOT THANH VIEN HKV ADD: AP QUAN Y, XA TAN LOI, HUYEN DONG PHU, TINH BINH PHUOC, VIETNAM TEL: 84-036-888-9877		 OCEAN BILL OF LADING		
		Booking No. A59E019060	BL No. LNTHL019060	
Consignee: DASAN BIO CO.,LTD 43 HWASAN-RO, ONSAN-EUP ULJU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA TEL: 822-3453-8420		LONG NGUYEN TOAN SERVICES TRADING COMPANY LIMITED		
NOTIFY PARTY: DASAN BIO CO.,LTD 43 HWASAN-RO, ONSAN-EUP ULJU-GUN, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA TEL: 822-3453-8420		Forwarding agent references A-ONE LOGISTICS CO., LTD. 301 INS BLDG, 13, SUWAN-RO 12 BEON-GIL, GWANGSAN-GU, GWANGJU, KOREA TEL: 82-62-962-2118 / FAX:82-62-962-5116		
Pre-Carriage by		Place of Receipt HOCHIMINH, VIETNAM		
Ocean Vessel TEH TAICHUNG	Voyage No. 24008N	Place of Delivery KWANGYANG, KOREA		
Port of Loading HOCHIMINH, VIETNAM	Port of Discharge KWANGYANG, KOREA	Final Destination	Freight payable at	
PARTICULARS FURNISHED BY SHIPPER				
Marks & Numbers Container No. Seal No.	No. of Container or Packages	Kind of Packages: Description of Goods	Gross Weight (KGS)	Measurement (CBM)
SIZE : GRINDED (5MM) MOISTURE: MAX 15% PACKING: JUMBO 288 BAGS COUNTRY OF ORIGIN:VIETNAM TOTAL: 288 BAGS (144 PALLETS) Container No. // Seal No. BHCU5001390 // IAAG373461 IAAU1699601 // IAAG373395 IAAU1723781 // IAAG373481 IAAU1725505 // IAAG373448 IAAU1802828 // IAAG373479 IAAU1817073 // IAAG373789 IAAU1842754 // IAAG373388 TCNU8581592 // IAAG373409	08X 40HC CONTAINERS 288 BAGS	SHIPPER'S LOAD, COUNT, STOW & SEAL CASHEWNUT TESTA PREMIUM A TOTAL: 288 BAGS *SEE ATTACHED LIST * FREIGHT PREPAID TELEX RELEASE	216,720.00 KGS	SHIPPED ON BOARD: JUL 11, 2025
CY/CY				
Total No. Container or Packages (in words)		EIGHT (08)X40'HC CONTAINERS ONLY		
Freight & Charges FREIGHT PREPAID AS ARRANGED		Payable at No. of Original B/L (s) ZERO(0)	Signature By	
Place and Date of Issue HO CHI MINH CITY, JUL 11, 2025		Place and Date of Issue HO CHI MINH CITY, JUL 11, 2025		
As carrier				

Phụ lục 10: Tờ khai hải quan

<EXP>

1/3

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai306565123930Số tờ khai đầu tiên- / 0656512393

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra1Mã loại hìnhB11 2

Mã số thuế đại diện1404

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiCSGONKVI

Mã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/07/2025 16:23:32

Ngày thay đổi đăng ký/ /

Thời hạn tái nhập/ tái xuất/ / -

Người xuất khẩu

Mã3801085924 - 001

TênCHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HKV

Mã bưu chính+84

Địa chỉẤp Quắn Y, Xã Tân Lợi, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Số điện thoại0903070188

Người ủy thác xuất khẩu

Mã

Tên

Người nhập khẩu

Mã

TênDASAN BIO CO.,LTD

Mã bưu chính

Địa chỉ43 HWASAN-RO, ULSAN METROPOLITAN CITY, KOREA

Mã nướcOKR

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn122400029447128

Số lượng288 BG

Tổng trọng lượng hàng (Gross)216.720 KGM

Địa điểm lưu kho02CIS01 TONG CTY TAN CANG SG

Địa điểm nhận hàng cuối cùngKKKAN KWANGYANG

Địa điểm xếp hàngVNCLI CANG CAT LAI (HCM)

Phương tiện vận chuyển dự kiến9999 TEH TAICHUNG 24008N

Ngày hàng đi dự kiến11/07/2025

Ký hiệu và số hiệu288 BAGS / 144 PALLETS

Giấy phép xuất khẩu

1

2

3

4

5

Số hóa đơnA - SC-022/09/17/2025

Số tiếp nhận hóa đơn điện tử

Ngày phát hành09/07/2025

Phương thức thanh toánKC

Tổng trị giá hóa đơnC&F - USD - 33.480 - A

Tổng trị giá tính thuếUSD - 33.480

Tỷ giá tính thuếUSD - 25.243 -

Tổng hệ số phần bổ trị giá33.480 -

Phân loại không cần quy đổi VND

Người nộp thuế1

Mã xác định thời hạn nộp thuếD

Phân loại nộp thuếA

Tổng số tiền thuế xuất khẩu

Tổng số tiền lệ phí

VND

Số tiền bảo lãnh

Tổng số trang của tờ khai3

Tổng số dòng hàng của tờ khai1

Số đính kèm khai báo điện tử1 - 2 - 3 -

Phần ghi chúHB: DSC-022/09/7/2025 ngày 09/07/2025. Phương thức thanh toán: T/T

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp

Số quản lý người sử dụng00012

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quanCCT CC HQ CK Cảng Sài Gòn KV I

Ngày hoàn thành kiểm tra09/07/2025 16:23:

Ngày cấp phép xuất nhập09/07/2025 16:23:

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)09/07/2025

Địa điểm

Ngày đến

Ngày khởi hành

Thông tin trung chuyển1/ / ~ / /

2/ / ~ / /

3/ / ~ / /

Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế02CIS0109/07/2025

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai306565123930Số tờ khai đầu tiên- /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra1Mã loại hìnhB11 2Mã số thuế đại diện1404

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiCSGONKVIMã bộ phận xử lý tờ khai02

Ngày đăng ký09/07/2025 16:23:32Ngày thay đổi đăng ký/ /

Thời hạn tái nhập/ tái xuất/ / -

Vanning

Địa điểm xếp hàng lên xe chở hàng

Mã1 02CIS01 2 3 4 5

TênTONG CTY TAN CANG SG

Địa chỉ1295 Nguyễn Thị Định, p Cát Lái, Q2

Số container							
1	IAAU1723781	2	IAAU1842754	3	IAAU1699601	4	IAAU1802828
5	IAAU1725505	6	BHCU5001390	7	TCNU8581592	8	IAAU1817073
9		10		11		12	
13		14		15		16	
17		18		19		20	
21		22		23		24	
25		26		27		28	
29		30		31		32	
33		34		35		36	
37		38		39		40	
41		42		43		44	
45		46		47		48	
49		50					

Chi thị của Hải quan

	Ngày	Tên	Nội dung
1	/ /		
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu (thông quan)

Số tờ khai	306565123930	Số tờ khai đầu tiên	-	/		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng						
Mã phân loại kiểm tra	1	Mã loại hình	B11	2	Mã số thuế đại diện	1404
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		CSGONKVI			Mã bộ phận xử lý tờ khai	02
Ngày đăng ký	09/07/2025	16:23:32			Ngày thay đổi đăng ký	/ /
Thời hạn tái nhập/ tái xuất	/	/	-			

<01>					
Mã số hàng hóa	14049099	Mã quản lý riêng			
Mô tả hàng hóa	Vỏ lụa hạt điều, dạng bột (CASHEWNUT TESTA PREMIUM A), đóng bao jumbo. Hàng mới 100%#&VN				
		Số lượng (1)	216	TNE	
		Số lượng (2)	216.000	KGM	
Trị giá hóa đơn	33.480	Đơn giá hóa đơn	155	= USD = TNE	
Thuế xuất khẩu					
Trị giá tính thuế (S)	845.135.640	VND	Trị giá tính thuế (M)	-	
Số lượng tính thuế			Đơn giá tính thuế	3.912.665	VND TNE
Thuế suất					
Số tiền thuế		VND			
Số tiền miễn giảm					
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Danh mục miễn thuế xuất khẩu		-			
Tiền lệ phí		Đơn giá	Tiền bảo hiểm	Đơn giá	
		Số lượng		Số lượng	
		Khoản tiền		Khoản tiền	VND
		VND			
Mã văn bản pháp luật khác	1	2	3	4	5
Miễn / Giảm / Không chịu thuế xuất khẩu					